

F O R U M



ảnh Tebe

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự & những vấn đề

- 1 Học và thi và... Hoà Vân
9 Lê lười Thảo Hảo
28 Năng lượng hoàn nguyên Đặng Đình Cung

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- 10 Tiếng xưa Lê Minh Hà
13 Người tình mắt hiếng (truyện ngắn) Phạm Hải Anh
14 Điểm sách *Tìm Trăng đáy nước* Lê Minh Hà
15 Gửi ông đại tá chờ thư Nguyễn Văn Thọ
18 Điểm sách *Vàng Trắng* Bùi Trọng Liễu
18 Đọc *Arts du Vietnam* Văn Ngọc
21 Nguyễn Đình Thi trong tôi... Hoàng Cầm
25 Thế giới quan khoa học Hàn Thuỷ

Giáo dục : học và thi và...

Hoà Vân

Theo báo Lao Động ngày 14.7.2003, các ông Nguyễn Khoa Diễm, uỷ viên bộ chính trị kiêm bí thư T.U đảng CSVN, trưởng ban Tư tưởng – văn hoá trung ương, và Vũ Văn Hiến uỷ viên T.U. đảng, tổng giám đốc đài Truyền hình VN đã đến dự buổi chung kết chương trình trò chơi truyền hình *Đường lên đỉnh Olympia* lần 4, diễn ra tại Hà Nội sáng 13.7... Đây là một trò chơi trong đó các thí sinh phải nhanh chóng chọn các lời giải đáp được đưa ra cho mỗi câu hỏi. Trò chơi xuất phát từ Mỹ và phổ biến rộng rãi trên nhiều đài truyền hình trên thế giới (ở Pháp là trò chơi “ Questions pour un champion ”). Cái khác ở *Đường lên đỉnh Olympia* là các thí sinh được chọn lựa ở lớp cuối bậc trung học phổ thông, và các câu hỏi nằm trong chương trình lớp 12 này. Công ty Hàn Quốc LG Electronics tài trợ chương trình với một giải nhất là một học bổng du học nước ngoài trị giá 35.000USD (đĩ nhiên, tên tuổi của công ty được nhắc đến trang trọng trong mỗi buổi truyền hình mà không phải trả thêm tiền quảng cáo..., nhưng đó là chuyện khác).

Cái khác nữa, như bản tin trên và nhiều bài báo khác trên Lao Động hay trên các báo khác ở trong nước cho thấy, một trò chơi được biến thành một cuộc thi “trí tuệ”, được những người có trách nhiệm chính trị cao nhất (ở cấp quốc gia cũng như ở các tỉnh, thành) hỗ trợ như một biểu tượng xuất sắc của việc “tuyển chọn nhân tài” cho đất nước...

Có thể nói không ngoa lắm rằng đó cũng là hình ảnh thu lách nhưng vẫn phản ánh khá trung thực nền giáo dục Việt Nam hiện nay : dưới mắt những người phụ trách “ quốc sách hàng đầu ” này, khía cạnh quan trọng nhất là *thi, thi và thi...*

Trên chương mục Giáo dục của các báo trên mạng như VnExpress, Lao Động, Nhân Dân, các bài, tin về thi cử, liên quan đến mọi hình thức thi cử, nếu không phải chiếm đa số (người viết bài này không có can đảm làm một thống kê chính xác) thì cũng không xa.

Thi từ tiểu học, thi lên lớp, thi “ hoa (hậu) học đường ”, thi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, thi vào đại học, thi “ học sinh giỏi ” cấp địa phương, cấp quốc gia, khu vực, thi quốc tế v.v.. Thậm chí xét tuyển giáo sư đại học cũng một kiểu như chấm thi trung học phổ thông, với các thang điểm cho mỗi công trình, giáo án (xem bài phỏng vấn giáo sư Hoàng Tụy trên VietNamNet 19.5.2003).

(xem tiếp trang 32)

NGUYỄN VĂN LUY

(1912-2003)

Ông Nguyễn Văn Luy đã từ trần ngày 7.8 vừa qua tại bệnh viện Saint Paul, Hà Nội, thọ 91 tuổi. Đầu năm nay ông bị chấn thương mạch máu não, phải vào bệnh viện tại Napa Valley (bắc California). Đầu hè, ông đã được đưa về Việt Nam để, theo đúng ý nguyện của ông, sống những ngày cuối cùng trên quê hương.

Thủy thủ, đầu bếp, chủ quán, cuộc đời đầy ắp của Nguyễn Văn Luy gắn liền với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của phong trào Việt kiều ở Pháp, ở Mỹ cũng như với phong trào phản chiến ở Bắc Mỹ.

Sinh năm 1912 tại Hải Phòng, năm 17 tuổi, Nguyễn Văn Luy làm cu-li trên một tàu buôn Pháp. Đến Pháp năm 1930, ông học đọc và viết tiếng Việt và tiếng Pháp với hội Tương tế Học thuật. Khi Mặt trận Bình dân Pháp mất chính quyền, phong trào Việt kiều bị đàn áp, Luy rời nước Pháp và bắt đầu cuộc đời thủy thủ ở Địa Trung Hải và Đại Tây Dương.

Ngày 10.3.1940 ông cập bến New York, cảnh sát Mỹ tưởng ông là người Nhật nên bắt giam và bỏ tù tại Ellis Island (nơi có tượng thần Tự Do). Khi được biết ông là người Việt, biết đọc và viết tiếng Pháp, Bộ chiến tranh Mỹ dùng ông làm phiên dịch để liên lạc với phái bộ OSS bên cạnh mặt trận Việt Minh. Khi Mỹ ủng hộ Pháp chống lại Việt Nam, Nguyễn Văn Luy từ chức, trở lại làm bếp trên tàu thủy Mỹ. Vì thái độ chính trị của ông, nhà cầm quyền Mỹ nuốt lời hứa của Bộ chiến tranh, từ chối không cấp thẻ thường trú (thẻ xanh) cho ông. Nhờ sự can thiệp của các tổ chức dân chủ (ACFPB, ACLU), năm 1954, ông được cấp thẻ xanh và 6 năm sau, trở thành công dân Mỹ.

Nguyễn Văn Luy là người Việt Nam đầu tiên trên lục địa Bắc Mỹ đứng lên chống lại cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam ngay từ đầu thập niên 1960. Từ 1972 trở đi và suốt hơn 10 năm, ông là chủ tịch, rồi chủ tịch danh dự Hội người Việt Nam tại Mỹ.

Tối 28.5.1984, ông và vợ ông, bà Phạm Thị Lựu bị ám sát trước cửa nhà ở San Francisco, bà Lựu chết, ông Luy bị thương nặng. Một tổ chức mệnh danh "Tổ chức Diệt Cộng Hưng Quốc" ra thông cáo nhận đã gây ra vụ mưu sát này, cũng như nhiều vụ giết người khác. Từ đó đến nay, chưa một cá nhân nào bị bắt giữ hay truy tố cả.

Năm 1990, Nguyễn Văn Luy tái hôn và sinh sống ở Mexico trước khi về hưu và trở lại vùng bắc California. Ông vận động bình thường hoá quan hệ Mỹ-Việt và từ sau năm 1995, ông thường xuyên tham gia quỹ xoá đói giảm nghèo.

Lễ hoá táng ông Nguyễn Văn Luy đã cử hành ngày 12.8.2003 tại Hà Nội.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn với bà Nguyễn Văn Luy, tang quyến và đồng đạo bạn bè ông ở Hoa Kỳ.

N. N. G.

QUÁCH THANH TÂM

(1933-2003)

Ngành địa lý sử học vừa mất một nhà nghiên cứu xuất sắc : bà Quách Thanh Tâm, phó giáo sư tiến sĩ trường Ecole pratique des Hautes Etudes (Sorbonne), từ trần ngày 18.7.2003. Sinh ở Tây Ninh, đỗ tú tài ở Sài Gòn (1954), bà được học bổng sang Pháp học ở Đại học Rennes, ở đây gặp chồng là Philippe Langlet sau này làm giáo sư tiến sĩ về sử và văn hoá Việt Nam ở Đại học Paris 7. Trở về Việt Nam với chồng, Thanh Tâm dạy địa lý ở Đại học Sài Gòn (1960-75), sáng lập ở đây Trung tâm nghiên cứu địa lý với một thư viện và một xưởng hoạ đồ. Trung tâm xuất bản một từ vựng Pháp-Việt về địa lý, một từ điển địa danh và một bộ phiếu các sách địa lý trong các thư viện ở Sài Gòn. Trung tâm này sau đó sáp nhập vào Đại học Văn khoa Sài Gòn. Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ về điều kiện sinh hoạt và nạn nhân mẫn ở vùng Sài Gòn (1969), Thanh Tâm được bổ làm phó giáo sư ở Đại học Angers rồi ở Trường Cao học Thực hành (Sorbonne), dạy và hướng dẫn luận án về địa lý lịch sử và lịch sử văn hoá Việt Nam.

Thanh Tâm đã có nhiều đóng góp có giá trị không những về địa lý và dân số, mà cả về văn học như bài *La compassion transcendée : l'Oraison funèbre pour le rachat des âmes abandonnées attribuée à Nguyễn Du* (trong *Notes sur la culture et la religion en péninsule indochinoise* do Nguyễn Thế Anh và Alain Forest chủ trì, 1995) và *Tâm lý và Thơ ca Việt Nam : giai đoạn Cổ-Trung đại* (Tạp chí Văn Học, Hà Nội, số 9, 1998).

Hai quyển cuối cùng viết cùng với chồng là *Introduction à l'histoire contemporaine du Viêt Nam, de la réunification au néo-communisme (1975-2001)* và *Atlas historique des Six Provinces du Sud (Nam Kỳ) du Viêt Nam du milieu du XIXe au début du XXe siècle*, cả hai do Les Indes Savantes xuất bản năm 2001.

Atlas historique... là một công trình nghiên cứu rất công phu, dựa vào nhiều tài liệu gốc của ta và của Pháp.

Quách Thanh Tâm mất đi thật là một tổn thương cho ngành khoa học xã hội và nhân văn. Chúng tôi thương tiếc và chia buồn cùng với Philippe Langlet và gia quyến. Trước khi mất Thanh Tâm có nói với chồng rằng mình muốn cảm tạ tất cả những người đã cho mình biết sự sung sướng ở đời và nghị lực cần thiết.

Lê Thành Khởi

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

Bạn đọc và Diễn Đàn

Trở lại việc phân định Vịnh Bắc Bộ

Tôi rất chú ý đến những bài viết gần đây của Diễn Đàn về các hiệp định Việt-Trung. Người viết những bài ấy tỏ rõ ý tìm ra sự thật đúng như nó có, còn răn bảo những người "nhiệt tình không tương xứng với hiểu biết chính xác về lịch sử".

Tác giả đưa ra một con số không chính xác : theo hiệp định Pháp và nhà Thanh năm 1897, tỷ lệ phân biên trong vịnh Bắc bộ là 62/38, chứ **không phải 60/40**. Sai số 2 % bằng hơn 2.000 km vuông ! Các tài liệu công bố trên báo chí Hànội đều đưa ra tỷ lệ 62/38.

Nhưng chi tiết trên không quan trọng lắm. Theo tôi điều quan trọng hơn nhiều là tác giả đã cho người đọc cảm tưởng rằng **tiêu chí** quan trọng nhất để phân chia lãnh hải là chiều dài bờ biển của mỗi bên, phía VN là 763km, phía TQ là 695km, tỷ số là 1,098 : 1 ; sự phân chia theo hiệp định đã ký là theo tỷ số 1,135 : 1, như vậy là tốt quá rồi ! để ông Lê Hồng Thao reo lên trên tạp chí *Công tác tư tưởng* rằng "thế là công bằng và có thể chấp nhận".

Theo tôi được biết thì cuộc tranh cãi về "chiều dài bờ biển của mỗi bên" khá gay go, liên quan đến việc xác định "đường cơ bản ven biển", nối liền các mũi đất nhô ra khi nước thủy triều xuống, gặp các quần đảo to nhỏ như Bái Tử Long, Hạ Long gồm hàng nghìn đảo nhỏ, hay gặp đảo vừa và lớn như Cát Bà, Côn Cỏ, Bạch Long Vĩ và Hải Nam... thì giải quyết ra sao, vẫn chưa được thảo luận kỹ càng và ôn hoà. Cái hớ của phía VN nếu có chính là ở chỗ này. Con số 763 km và 695 km theo tôi vẫn là số ảo, mang tính ảo thuật !

Tháng 4 năm 2001, khi tôi đến thăm Học viện Hải quân Hoa kỳ 4 ngày, thăm Bảo tàng Hải quân, Thư viện Hải quân, trao đổi khá nhiều với đô đốc E.R.Zumwalt, đô đốc C.R. Larson và đặc biệt là chuyên gia hải quân J.K.Shiraishi (gốc Nhật), đã bàn đến Vịnh Bắc Bộ khá kỹ. Các nhà hải quân này am hiểu tỷ mỉ các cuộc tranh chấp về lãnh hải ở vịnh Caribê, vịnh Bengali, vịnh Persique... Theo các chuyên gia này, VN có ưu thế lớn, áp đảo theo **nhiều tiêu chuẩn** : - số quần đảo cũng như số đảo của VN gấp hàng chục lần TQ ; - số dân cư mà cuộc sống hàng ngày dựa vào tài nguyên vịnh, của VN cũng gấp nhiều lần so với TQ ; - số sông, lưu lượng, khối phù sa tãi ra biển để hình thành vịnh của VN cũng nhiều và lớn gấp bội phần của TQ (bán đảo Lôi châu và đảo Hải Nam làm gì có những con sông lớn như sông : Hồng, Lô, Đà, Đáy, Chu, Mã, Cả, Gianh...). Với những tiêu chí ấy, phần của VN có là 66 %, 70 % hay hơn nữa cũng là hợp lý và công bằng.

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Ông Ngô Văn Nhân

đã từ trần ngày 5.7.2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 89 tuổi. Lễ tang đã tổ chức ngày 8.7.2003.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh Ngô Thanh Nhân, chị Merle Ratner và toàn thể tang quyến.

Do đó mà nó có tên là **Vịnh Bắc bộ VN** ; TQ coi đó là nội hải của họ theo bản đồ họ công bố là một điều vô lý và phi pháp !

Không biết các nhà đàm phán VN có nghĩ đến đầy đủ các tiêu chuẩn trên để bảo vệ đến nơi đến chốn lãnh thổ và lãnh hải thiêng liêng của tổ quốc hay không ? Báo Diễn Đàn viết rằng "họ tinh ngay, lý gian", theo tôi, tinh họ cũng chẳng ngay !

Tôi mong rằng báo Diễn Đàn Forum vui lòng công bố thư bạn đọc này để rộng thêm đường công luận ; xin cảm ơn.

Bùi Tín (Paris, Pháp)

☞ *Xin nhắc lại và nhấn mạnh : Hiệp định Pháp-Thanh 1887 (không phải 1897) không hề "phân vịnh Bắc Bộ". Lúc đó, để giải quyết nạn hải tặc hoạt động ở ven biển ngoài khơi Móng Cái – Đông Hưng, chính quyền Pháp và nhà Thanh đã thoả thuận phân chia chủ quyền trên các hòn đảo nằm trong Vịnh như sau : các đảo ở phía đông kinh tuyến Paris 105° 43' thuộc về Trung Quốc, các đảo ở phía tây kinh tuyến này thuộc về An Nam. Thời đó, chiều rộng tối đa của lãnh hải là 3 hải lý (không phải 5 hải lý như tôi đã viết nhầm), còn "vùng lân cận" (zone contigüe) và "vùng độc quyền kinh tế" là những khái niệm chưa có, do đó, toàn bộ Vịnh Bắc bộ, trừ lãnh hải hai nước và các quần đảo, là vùng biển quốc tế, hai nước ven biển không có chủ quyền gì, kể cả các quyền lợi kinh tế. Nói đến sự "phân vịnh" theo Hiệp định Pháp-Thanh cũng phi lịch sử như khi nói rằng bài thơ Nam quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt đã xác nhận "không phận" của Việt Nam. Vì vậy, nói Hiệp định này đã "chia" vịnh Bắc Bộ theo tỉ lệ 62 % (phần Việt Nam, trong bài tôi viết "khoảng 60 %") – 38 % (Trung Quốc) là một khẳng định không căn cứ.*

Vì những lí do chính trị các đô đốc Zumwalt và Larson có thể không tiện phát biểu công khai. Còn chuyên gia Shiraishi, tôi hi vọng anh Bùi Tín sẽ thuyết phục được ông ta công bố nghiên cứu, cho thấy dựa trên những tiêu chuẩn nào, theo cách tính nào, ông ta đi tới con số 66 % hay 70 %. Nếu không, e rằng đó chỉ là những con số nói cho vui, giống như 50 tỉ đô là mà một cơ quan "think tank" dạo nào đã hứa hẹn cho Việt Nam, qua ngòi bút của nhà báo Bùi Tín.

Dẫu sao, tôi không nghĩ rằng giữa cái tên "Vịnh Bắc Bộ" và chủ quyền Việt Nam trên vùng vịnh có một quan hệ sở hữu hay hữu cơ. Bởi vì, cứ theo cái logic ấy, Biển Đông (trong đó Vịnh Bắc Bộ là một bộ phận) mà Trung Quốc gọi là "Nam Hải", và các bản đồ quốc tế từ thế kỉ XIX trở đi đều gọi là Mer de la Chine du Sud / South China Sea, là của Trung Quốc sao ?

N.N.G.

Đính chính

Bài **Đôi lời bàn thêm về Bản Kiếu Duy Minh Thị** của Nguyễn Tài Căn (*Diễn Đàn* số 130) có một vài sai sót :

- Bảng 2 (trang 19), cột LVD, hàng cuối : *hại* (thay vì *khéo*).
- Trang 22, cột trái, dòng 26 (từ dưới lên) : *quen* (thay vì *quen*)

Xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

TIN TỨC TIN TỨC

TIN TỨC TIN TỨC

TIN TỨC TIN TỨC

Mùa bão lụt

Con bão số 5 trong mùa bão năm nay (tên quốc tế : Krovanh, một tên gốc Khmer) đã đổ bộ vào các tỉnh phía bắc tăng sáng ngày 25.8, là cơn bão lớn nhất từ nhiều năm nay. Biển động dữ dội. Các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Thanh Hoá, có gió cấp 6-7 ; riêng Quảng Ninh, Hải Phòng và Thái Bình cấp 8-9 ; vùng gần tâm bão đi qua cấp 10, giạt trên cấp 10. Hàng nghìn tàu bè đã kịp về cảng Hải Phòng trú ẩn.

Tỉnh Quảng Ninh, nơi tâm bão đi qua, bị ảnh hưởng nhiều nhất. Tới 10 giờ sáng, bão suy yếu thành một vùng áp thấp, chỉ còn gió nhẹ, mưa lất phất. Thị xã Móng Cái có 1 người chết, 4 người bị thương, hơn 500 nhà tốc mái, 3 trụ sở cơ quan bị vỡ toàn bộ kính, 1 tuyến cao thế, 3 tuyến hạ thế bị đứt...

Do ảnh hưởng của bão, trên lưu vực sông Thái Bình đã có nơi mưa rất to. Lượng mưa từ 13h ngày 25/8 đến 7h ngày 26/8 phổ biến 50-100 mm, có nơi trên 100 mm như: Bắc Giang 138 mm, Lục Nam 160 mm, Sơn Động 195 mm. Mưa lớn khiến lũ trên hệ thống sông Thái Bình và sông Hồng lên nhanh, ở nhiều nơi đỉnh lũ lên trên hoặc xấp xỉ mức báo động 3 trước khi hạ dần vào những ngày cuối tháng 8.

Ở Hà Nội, cơn dông lớn kèm theo gió giật cấp 6-7 và mưa dữ dội kéo dài một giờ từ 17h chiều ngày 27.8 đã làm 70 cây bị bật gốc, nhiều mái hiên bị giật tung. Lưới điện trung thế gặp sự cố làm nhiều khu vực bị mất điện kéo dài. Mưa dông đứng vào lúc tan tầm khiến nhiều tuyến phố có cây đổ bị ách tắc. Đặc biệt, tại giao lộ Giang Văn Minh - Kim Mã, một cây đa đường kính 1 m bị bật gốc, đổ chắn ngang đường Giang Văn Minh, đè bẹp 1 xe máy và 2 xe đạp của người đi đường đứng trú mưa. Rất may không có ai bị thương.

Còn quá nhiều gian lận trong thi cử

Đó là đánh giá của thứ trưởng Giáo dục và Đào tạo Trần Văn Nhung tại cuộc họp tổng kết hai đợt thi đại học (ĐH) 2003, ngày 10.7 tại Hà Nội. Gần 4.000 thí sinh đã bị xử lý kỷ luật, tăng 37 % so với năm ngoái. Trong đó, 3.340 trường hợp bị đình chỉ thi, phát hiện 10 người thi hộ, thi kèm. Có 8 cán bộ bị đình chỉ công tác.

ĐH Tây Bắc có số thí sinh bị đình chỉ cao nhất với 282 trường hợp. ĐH Quốc gia Hà Nội khối C có 279 thí sinh, ĐH Luật Hà Nội có 271. Riêng kỳ thi tuyển sinh đợt 2 có 2.658 thí sinh bị đình chỉ... Thứ trưởng Trần Văn Nhung cho rằng số thí sinh bị đình chỉ và thi hộ bị phát hiện vẫn chưa phản ánh đúng thực tế, nhiều hội đồng thi đã bị động trước những thủ đoạn gian lận tinh vi. Theo ông, “ Nếu có sự phối hợp tốt hơn trong việc xác định những hồ sơ nghi vấn có thể phát hiện thêm nhiều trường hợp thi hộ, thi kèm ”.

Tại Thành phố HCM, một người được coi là “ trùm ” đường dây thi thuê đại học đã ra trình diện công an. Trong lời khai, anh ta cho biết có khoảng 20 đối tượng đang cầm đầu các đường dây thi thuê ĐH, trong đó có đối tượng từng có thâm niên hàng chục năm nay, nhưng không bị phát hiện ! Các hợp đồng nhận thi thuê có giá 45-50 triệu đồng, ông “ trùm ” đảm nhiệm việc “săn” phụ huynh cần người thi giùm cho con, sau đó móc nối tìm người đi thi thuê; còn việc làm giấy tờ giả (chứng minh nhân dân, giấy báo thi, bằng tốt nghiệp...) do một số đối tượng khác lo. (theo tin VnExpress 1, 8 và 11.7.2003)

Giảm án tù đối với bác sĩ Phạm Hồng Sơn và linh mục Nguyễn Văn Lý

Theo tin TTXVN, trong phiên toà phúc thẩm ngày 26.8 xử lại vụ án anh Phạm Hồng Sơn (xem Diễn Đàn số 131) sau khi anh có đơn kháng án, toà án nhân dân tối cao đã giảm án 13 năm tù của anh xuống còn 5 năm tù, tính từ ngày anh bị bắt (27.3.2002). Lý do là vì “ Hành vi phạm tội của Phạm Hồng Sơn đã bị phát hiện, ngăn chặn kịp thời, tác hại được hạn chế ”. Điều khoản 80 của bộ Luật hình sự vẫn được nêu ra trong bản án, chứng tỏ nhà cầm quyền vẫn ngang ngược buộc anh vào tội làm “ gián điệp ”, trong khi những “ chứng cứ, tài liệu ” được nêu ra chỉ là những “ quan hệ trao đổi tin tức có nội dung xuyên tạc, bôi nhọ chế độ ”, với một “ tổ chức phản động chống đối nhà nước VN (ở Pháp) ”. Cũng như phiên toà sơ thẩm ngày 18.6, các nhà ngoại giao và nhà báo nước ngoài đã bị công an chặn lại không cho vào dự phiên toà.

Những người theo dõi tình hình VN đều biết là bản án dành cho anh Sơn thực chất là một bản án răn đe, hù dọa người dân trước sự bùng nổ của phương tiện truyền thông Internet mà đảng cộng sản không thể trực tiếp kiểm soát được hết. Và việc giảm án từ 13 xuống 5 năm tù chỉ là một màn kịch nhằm xoa dịu những phê phán, những lời lên án của các chính phủ phương Tây đối với sự bôi nhọ công lý đó. Theo tổ chức Human Rights Watch, trong năm 2002, ngoài Phạm Hồng Sơn còn có 4 công dân VN khác bị bắt vì những cáo buộc liên quan đến Internet. Tổ chức này cũng báo động chị Vũ Thuý Hà, vợ anh Sơn, cũng đang bị công an theo dõi rất chặt.

Cũng theo tin TTXVN, ngày 16.7, chính quyền VN, thông qua toà án nhân dân tỉnh Hà Nam, đã quyết định giảm bớt 5 năm thời hạn phạt tù linh mục Nguyễn Văn Lý, với lý do ông đã “ cải tạo tốt trong quá trình chấp hành bản án về tội phá hoại chính sách đoàn kết và không chấp hành quyết định quản chế ”. Với hai tội danh này, linh mục Lý đã bị toà án Thừa Thiên – Huế ngày 19.10.2001 kết án 15 năm tù và 5 năm quản chế tại địa phương sau khi ra tù.

10 năm, mức sống thực tế của dân tăng 2,3 lần

Theo một bài báo *Thanh Niên* (đăng lại trên Nhân Dân điện tử 16.7.2003), tỷ lệ nghèo chung ở VN (theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới, bao gồm cả nghèo lương thực - thực phẩm và nghèo phi lương thực - thực phẩm) đã giảm nhanh, từ 70 % năm 1990 xuống 37,4 % năm 1997 - 1998, và 28,9 % năm 2001 - 2002. Về điểm này, Việt Nam đã sớm đạt được mục tiêu phát triển của thiên niên kỷ do quốc tế đặt ra là giảm một nửa tỷ lệ đói nghèo trong giai đoạn 1990 - 2015. Tỷ lệ

nghèo lương thực - thực phẩm cũng giảm liên tục và nhanh, từ 55 % năm 1990, xuống còn 13,3 % năm 1999, và 9,96 % năm 2001 - 2002. Tỷ lệ này còn thấp và giảm nhanh hơn ở khu vực thành thị (từ 4,61 % năm 1999 xuống còn 3,61 % năm 2002), ở các vùng Đông Nam Bộ (2,22 % năm 2002), đồng bằng sông Hồng (6,80 %), đồng bằng sông Cửu Long (7,57 %), duyên hải Nam Trung Bộ (9,95 %). Tuy nhiên, khoảng cách chênh lệch mức sống giữa thành thị/nông thôn, vùng giàu/nghèo, nhóm hộ giàu/nghèo vẫn còn lớn, đòi hỏi vừa phải gia tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế, vừa phải giảm bớt sự gia tăng bất bình đẳng.

Theo tờ báo, trong thời gian 10 năm 1992-2002, thu nhập thực tế (đã chia cho chỉ số gia tăng giá tiêu dùng) của hộ gia đình đã gia tăng gấp 2,3 lần, ở nông thôn gấp 2,1 lần.

Ngân hàng thế giới (WB) tiếp tục hỗ trợ cho chương trình xoá đói giảm nghèo của VN với hiệp định tín dụng giảm nghèo 2 (PRSC 2) trị giá 100 triệu USD và hiệp định viện trợ 5,5 triệu USD cho ngành điện, được ký kết tại Hà Nội ngày 15.8.2003.

Theo ông Klaus Rohland, giám đốc WB tại VN, “ *PRSC 2 sẽ khuyến khích tinh cạnh tranh của nền kinh tế, dẫn tới phát triển khu vực tư nhân và tạo việc làm. Chương trình cũng tăng cường sự tiếp cận của người nghèo tới nhiều dịch vụ công cộng* ”. Theo WB, đó chính là những nguyên nhân quan trọng làm giảm tỷ lệ đói nghèo.

Trong tổng số 8,03 triệu việc làm mới tạo ra trong giai đoạn 1991 – 2001, khu vực Nhà nước chỉ chiếm 0,05 %, trong khi khu vực ngoài Nhà nước đóng góp hơn 7,44 triệu việc làm mới, chiếm 92,5 %, còn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra gần 590 nghìn việc làm trực tiếp, chiếm 8,1 %. Trong nông nghiệp, chế độ khoán sản phẩm năm 1981 và khoán hộ năm 1988, cùng với việc tự do hóa giá cả... đã đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

Chưa nghiệm thu, đập đã vỡ hai lần

Ngày 23.7, công trình thủy lợi hồ Đu Đù ở huyện Hàm Thuận Nam, có dung tích 4 triệu mét khối nước đã bị vỡ. Đây là lần vỡ thứ hai, thiệt hại chưa tính được nhưng rõ ràng là tiền tỉ đầu tư vào công trình này đã bị nước cuốn trôi đến hai lần.

Công trình thủy lợi hồ Đu Đù được đầu tư xây dựng với số vốn gần 20 tỉ đồng. Mục đích của công trình này là cung cấp nguồn nước tưới tiêu cho hơn 410ha đất trồng lúa và khoảng 300ha đất trang trại trồng thanh long và cây hoa màu của địa phương. Ngoài ra, công trình này còn đóng vai trò quan trọng là cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho 5.000 dân thuộc khu vực xã Hàm Ninh - huyện Hàm Thuận Nam. Công trình được khởi công xây dựng vào tháng 11.2001, chiều dài mặt hồ là 1.230m, cao 14m, dung tích 4 triệu mét khối nước, cao trình 61m so với mặt nước biển. Cty tư vấn thủy lợi 2 - TPHCM thiết kế, Cty xây dựng thủy lợi Bình Thuận thi công công trình này.

Sau gần 20 tháng thi công, đến tháng 8.2002 khi công trình đang được nghiệm thu từng phần, chuẩn bị bàn giao, thì sau một trận mưa công trình đã bị phá vỡ 3 lỗ hỏng lớn ở đập ngăn, hơn 1 triệu mét khối nước tích lũy cuốn hết ra đồng. Sau sự cố trên,

các ngành chức năng đã đến hiện trường để « làm rõ nguyên nhân và khắc phục ». Ai ngờ, đêm 23.7 vừa qua, đập hồ Đu Đù lại bị vỡ 2 lỗ lớn, lỗ thứ nhất có đường kính khoảng 0,8m, lỗ thứ 2 có đường kính gần 2m...

Các chuyên gia trong ngành xây dựng thủy lợi cho rằng công trình này bị vỡ trước tiên là do khâu thiết kế không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Ngoài ra, chất lượng xây dựng công trình quá kém là đã rõ, nhưng nguyên nhân thì chưa được vạch ra. Cụ thể là công trình có bị bớt xén theo “*mô hình hầm chui Văn Thánh 2 - TPHCM*” hay không? Được biết, để khắc phục sự cố này và để “đảm bảo” cho công trình không bị vỡ lần thứ 3 thì phải đầu tư khoảng 10 tỉ đồng. Dự luận quan tâm là số tiền này rút từ túi ai và ai chịu trách nhiệm? Và liệu nó có tiếp tục bị nước cuốn trôi nữa không? (theo Lao Động, 1.8.2003).

Cầu Chương Dương (Hà Nội) xuống cấp nghiêm trọng

Cầu Chương Dương được xây dựng năm 1983 và hoàn thành vào năm 1986. Sau 17 năm khai thác triệt để, đến nay cây cầu này rơi vào tình trạng quá tải và suy kiệt.

Hiện tại mái ta luy móng cầu bờ bắc đang bị sụt, đá học, tường cánh đang bị lún. Móng bờ nam ta luy đá học xây trước lồi lõm, không bằng phẳng, thoát nước kém. Phần cầu dàn gồm 12 trụ thì có 7 trụ xuất hiện nhiều vết nứt. Tại các nút dàn, bulông nằm trong hốc nút, bản ngăn bị gỉ vàng, mòn vẹt. Dàn thép phía trên mặt cầu cũng lâm cảnh tương tự, hệ giằng gió trên và liên kết ngang công cầu đã xuất hiện gỉ vàng, gỉ đen. Theo kết quả kiểm định mới đây, cầu đã bị thiếu hụt một lượng lớn bulông liên kết tại các nút dàn chủ của các nhịp. Phần bê tông cốt thép dày 15cm trên phần đường dành cho ô tô đã xuất hiện nhiều chỗ vỡ. Lớp bê tông bảo vệ mặt cầu cũng bị vỡ dập, gây mất an toàn giao thông.

Trong lúc chờ đợi các quyết định chính thức về gia cố cây cầu, sở Giao thông Công chính Hà Nội đã quyết định cấm xe quá khổ, quá tải, xe có tổng trọng tải 13 tấn qua cầu; không cho phép ô tô đi hai bên cánh gà của cầu kể cả khi ùn tắc giao thông. (theo Lao Động 14.7.2003)

Cá chim trắng, cá cộp và vấn đề nuôi khảo nghiệm động vật ở Việt Nam

Cuối tháng 6, nhiều bài báo trong nước lên tiếng báo động về việc loại cá cộp (piranha) – chuyên ăn động vật - xuất hiện ở khu vực Vườn quốc gia (VQG) Cát Tiên (Đồng Nai). Dự luận rất xôn xao, lo lắng, vì theo những hình ảnh chụp được đăng báo, đây là loại cá đã được Bộ Thủy sản cho phép nhập để nuôi “*khảo nghiệm*” từ năm 1998, và được nhập thông thường từ tháng 5.2001. Nhiều địa phương đã nhập và nuôi thử thành công loại cá nước ngọt này trong ao, hồ của mình, *một năm trước ngày ban hành quy chế khảo nghiệm giống thủy sản* (3.6.2002) !

Thực ra, theo báo cáo của Bộ Thủy sản gửi Thủ tướng Chính phủ ngày 8.7, đó là cá chim trắng, tên khoa học là *colossoma brachypomum*, là một loại cá ăn tạp, khác với cá cộp chỉ chuyên ăn động vật. Tuy nhiên, trong cuộc trao đổi với báo Lao Động cùng ngày, trước câu hỏi “*cơ sở khoa học vững chắc để phát triển nuôi đại trà cá chim trắng vẫn chưa thực sự hoàn chỉnh?*”, Thủ trưởng Bộ Thủy sản Nguyễn Việt Thắng không dám khẳng định ngược lại mà chỉ ghi nhận

“những dẫn đò” của các nhà khoa học, và kết luận “*vẫn phải có những nghiên cứu để đảm bảo an toàn tối đa cho môi trường sinh thái.*”

Trả lời mập mờ đó của ông thứ trưởng khiến người ta nhớ lại trường hợp con chuột hải ly và ốc bươu vàng, cũng đã từng được nhập “nuôi khảo nghiệm” (chuột hải ly vào năm 2001, và ốc bươu vàng vào năm 1998), rồi nhanh chóng phát tán ra nhiều tỉnh thành, trước khi nhận ra tính nguy hiểm của chúng và mất công mở những chiến dịch tốn kém để tiêu diệt chúng. Theo báo Lao Động ngày 30.6, “*Đến tận bây giờ ốc bươu vàng vẫn là nỗi lo canh cánh trong lòng người nông dân.*”

Với các quốc gia khác trên thế giới, thông thường việc nhập khẩu các loài động vật sống phải qua các bước kiểm tra hết sức gắt gao. Bao giờ VN mới có những chế độ kiểm tra đó, với những cơ quan giám định có đủ trình độ và có quyền hoạt động độc lập với các cơ quan quản lý?

Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là di sản thế giới

Tại kỳ họp lần thứ 27 Ủy ban Di sản Thế giới tổ chức tại Paris đầu tháng 7 vừa qua, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng của Việt Nam đã được công nhận là di sản Thiên nhiên thế giới.

Nằm ở phía bắc dãy núi Trường Sơn thuộc địa phận hai huyện Bố Trạch và Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được đánh giá là một trong hai vùng núi đá vôi rộng nhất thế giới, với diện tích trên 200 000 ha.

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng bao gồm một quần thể hang động phong phú, kỳ vĩ và một khu rừng nhiệt đới nguyên sinh với độ che phủ trên 95 % và có tính đa dạng sinh học cao.

Tính đến nay, Việt Nam có phố cổ Hội An, Khu di tích Mỹ Sơn, Thừa Thiên-Huế được UNESCO công nhận là di sản Văn hoá thế giới và Vịnh Hạ Long, vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là di sản Thiên nhiên thế giới.

Trong hai ngày thứ bảy và chủ nhật (12 và 13.7), tức là một tuần sau khi Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, mỗi ngày có đến 2.500 du khách vào tham quan động Phong Nha, tăng hơn gấp đôi so với thời điểm tháng 6. Đặc biệt số khách nước ngoài đến Phong Nha trong tuần đầu được công nhận di sản tăng gần gấp ba lần 6 tháng đầu năm. UBND tỉnh Quảng Bình đang chuẩn bị mọi điều kiện về cơ sở vật chất cũng như tổ chức bộ máy để khai thác khu di sản thiên nhiên thế giới này có hiệu quả hơn. (Theo TTXVN)

Thuyền nhân mới

Ngày 1/7, con tàu mang tên Hào Kiệt chở 54 người, trong đó có 28 đàn ông, 17 phụ nữ và 9 trẻ em đã bị chặn giữ gần cảng Hedland, ngoài khơi phía tây Australia. Con tàu đã bị cục Hải quan Úc tịch biên và sẽ bị tiêu hủy trừ phi cảnh sát yêu cầu giữ lại làm chứng cứ. Theo bộ trưởng bộ Di trú Úc Philip Ruddock các thuyền nhân đã vào đến vùng di trú (migration zone) của nước này, và do đó sẽ được giải quyết theo luật Australia. Những người này đã bị tạm giữ và sẽ có cơ hội trình bày mọi yêu cầu trước các quan chức Australia. Tuy nhiên, chưa đủ cơ sở để cho rằng có ai đó trong số họ là

người xin tị nạn. Trong quá trình giải quyết vụ việc, họ sẽ được phỏng vấn để làm rõ họ là ai, đến từ đâu và tại sao đến Australia.

Luật hóa các quy định về biên giới quốc gia và lãnh thổ

Chủ tịch nước vừa ký lệnh công bố Luật Biên giới quốc gia, 3 luật thuế về thuế thu nhập doanh nghiệp, sửa đổi thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, và Luật Kế toán. Cả 5 luật trên có hiệu lực từ 1/1/2004.

Luật Biên giới quốc gia có 6 chương với 41 điều khẳng định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước CHXHCN Việt Nam. Đạo luật giải thích rõ các từ ngữ liên quan tới việc xác định biên giới trên đất liền, trên biển, đồng thời quy định 6 loại hành vi bị nghiêm cấm : phá hoại cột mốc, gây mất an ninh khu vực biên giới, vượt biên trái phép, buôn lậu... Luật Biên giới quốc gia là văn bản luật đầu tiên về biên giới Việt Nam, quy định chế độ pháp lý với cá nhân, tổ chức và phương tiện của người nước ngoài ở biên giới và khu vực biên giới. Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với bộ Ngoại giao, bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, 2 luật sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng (VAT) và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ban hành lần này nhằm bịt những lỗ hổng trong chính sách thuế VAT, cải cách hệ thống thuế với doanh nghiệp đảm bảo công bằng giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước. Thuế suất VAT giờ chỉ còn 3 mức : 0 %, 5 % và 10 %. Thuế tiêu thụ đặc biệt được điều chỉnh với một số ngành hàng, như thuốc lá là 25-65 %, rượu bia 15-75 %, dịch vụ kinh doanh vũ trường, karaoke chịu thuế 30 %...

(VnExpress 15.7.2003)

Thi hành án tử hình với Tăng Minh Phụng, Phạm Nhật Hồng

5h sáng ngày 11.7, tại trường bắn Thủ Đức, đội thi hành án của Công an TP HCM đã xử hai tử tù của vụ án kinh tế lớn nhất từ trước đến nay : Tăng Minh Phụng - ông chủ tập đoàn Minh Phụng, và Phạm Nhật Hồng - phó giám đốc Ngân hàng Công thương Chi nhánh TP HCM .

Họ là bị cáo đầu vụ trong nhiều vụ án kinh tế. Chỉ qua vụ án Epcó - Minh Phụng (năm 1997) và vụ lừa đảo ở Công ty Dầu khí Sài Gòn (Saigon Petro), Minh Phụng và Phạm Nhật Hồng bị phạt mỗi người 2 án tử hình, về các tội lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản XHCN, cố ý làm trái gây hậu quả nghiêm trọng...

Số tài sản phải thi hành trong các vụ án này là rất lớn. Riêng vụ Epcó - Minh Phụng đã tới gần 4.000 tỷ đồng và cho đến nay đang gặp nhiều khó khăn trong thi hành án. Riêng Minh Phụng phải bồi thường, hoàn trả, chịu phạt 99 tỷ đồng và 11 triệu USD. Ngoài ra Minh Phụng, Nhật Hồng cùng 2 tử tù Liên Khui Thìn, Nguyễn Tuấn Phúc và tù phạm Nguyễn Ngọc Bích còn phải thi hành án về khoản tiền hơn 3.370 tỷ đồng và hơn 33 triệu USD.

Đầu tháng 5, Chủ tịch nước đã bác đơn xin giảm án của 2 tử tù này. Đến giữa tháng 6, các cơ quan tố tụng TP HCM đề nghị cho hoãn thi hành án bởi 2 người liên quan đến một vụ

án kinh tế khác, với số tiền trên 700 triệu đồng. Tuy nhiên, bản án tử hình vẫn được thi hành khi vụ án kinh tế kia chưa được đưa ra xét xử. (VnExpress 11.7.2003)

Vào "nhà" của Sao La

Theo báo Người Lao Động 7.7.2003, một đoàn khảo sát thượng nguồn sông Hương của chi cục kiểm lâm Thừa Thiên - Huế, trong đó có 5 người thuộc nhóm công tác bảo tồn đa dạng sinh học, các nhà chuyên môn của Trường ĐH Nông Lâm Huế..., đã phát hiện một quần thể sao la lớn trên địa bàn huyện A Lưới. Chính mắt những người trong đoàn đã trông thấy một số con sao la chạy nhảy, đùa giỡn trên các mỏm đá thuộc khu vực suối Tà Lai, và qua so sánh, đối chiếu những dấu chân và phân sao la để lại trên tám điểm ở khe La Vân, Tà Lai, khe Ngang, khe Nghĩa..., đoàn đã ghi nhận có một quần thể sao la đang sinh sống ở đây ước lượng từ 130 đến 150 con.

Đây là lần đầu tiên sao la được ghi nhận với hình ảnh thực và số lượng lớn. Năm 1992, tại vùng rừng Vụ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, lần đầu tiên các nhà khoa học Việt Nam đã phát hiện được một loài thú mới của thế giới, được đặt tên là sao la.

Tuy nhiên, mọi sự quan sát, miêu tả của các nhà khoa học chỉ mới dừng lại ở chỗ căn cứ vào các tiêu bản sừng, sọ thu nhận được. Các quan sát một cách toàn diện về hình ảnh loài thú này ở ngoài thiên nhiên vẫn chưa hề được ghi nhận. Bà Elizabeth Kemf, chuyên gia Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên thế giới (WWF) đưa đề xuất: Tỉnh Thừa Thiên - Huế nên lấy sao la làm biểu tượng vì những thông tin và dấu vết sao la ở đây hết sức phong phú.

Cá basa có thêm cơ hội tại thị trường nội địa

Với việc Mỹ tăng thuế đối với cá ba sa, các nhà sản xuất VN buộc phải trở về thị trường nội địa! Sau một chuyến đi các tỉnh, chủ tịch Hiệp hội Nghề nuôi và Chế biến thủy sản An Giang (AFA) Nguyễn Hữu Khánh cho biết, hầu hết các nơi đoàn đến chào hàng như Bình Phước, Bình Dương, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai... đều rất muốn mua hai loại cá này.

Họ cũng chấp nhận mức giá chào bán của An Giang, khoảng 12.000-15.000 đồng/kg nguyên con đông lạnh.

Hiện An Giang đang tính toán đến việc mở mạng lưới

Săn và nuôi những cô gái kiếm chồng ngoại

Một đội ngũ cò mồi toả về các vùng quê tìm những cô gái muốn lấy chồng nước ngoài, sau đó đưa lên TP HCM. Tại đây các cô được "tân trang" và đợi người đến coi mắt. Khi được chọn, người môi giới sẽ lấy một nửa số tiền mà chú rể cho nhà vợ.

Qua sự giới thiệu của những người hàng xóm, gia đình Phương (19 tuổi, ở huyện Phú Tân, An Giang) được bà mai hứa tìm cho cô một tâm chồng ngoại. Và thế là cha mẹ cô đề mặc đũa con gái đi theo người mai mối ấy.

Tại TP HCM, một phụ nữ đến nhà chờ Phương đi làm đẹp. Lần đầu tiên trong đời một cô gái 19 tuổi có đến ba người "phục vụ", chăm chút. Những mẫu đất bắm lâu ngày nơi khoe móng tay, móng chân được cạy sạch. Rồi đầu tóc, làn da đều được sửa sang lại. Tất cả tốn hết 150.000 đồng. Sau ba giờ làm đẹp, Phương mặc bộ quần áo mới do chủ mua. Những ngày tiếp theo có rất nhiều người đến coi mắt nhưng chủ chưa cho phép Phương gặp bất kỳ ai vì cô phải được nuôi thêm vài ngày cho "nhả phèn".

Mười ngày đầu cô chỉ việc ăn, ngủ, chăm chút nhan sắc và học cách đi đứng, ứng xử khi gặp người coi mắt. Thậm chí các cô phải chuẩn bị tâm lý: nếu có người chằm và họ bày tỏ ý định muốn coi tay hay kiểm tra cơ thể cũng phải chấp nhận. Trong khoảng thời gian này chú Tòng, một ông chủ, đưa Phương đến "bệnh viện" cho "bác sĩ" kiểm tra sự trong trắng và được cấp giấy chứng nhận hẳn hoi.

Đến ngày thứ 10 Phương được một người Đài Loan hơn cô 25 tuổi đồng ý cưới làm vợ. Cô được dẫn về nhà gặp cha mẹ để làm một số thủ tục. Tại nhà Phương, ông chủ Tòng đưa cha mẹ cô 8 triệu và giải thích rõ: "Chồng nó cho 1.000 USD đổi ra được 15 triệu. Phương ở nhà tôi 2 tháng. Mỗi ngày tính 70.000 đồng tiền ăn ở. Cộng thêm tiền dẫn cháu đi thăm mỹ viện, mua quần áo mướn người về dạy cách đi

đứng, thuê xe ôm... hết 6 triệu".

Chỉ trong 41 ngày, ông Tòng đã gả 6 người cho Đài Loan. Mỗi người, lấy 6 triệu đồng trong số 1.000 USD chú rể cho nhà vợ. Ngoài ra, ông chủ này còn nhận một khoản tiền không nhỏ từ những người dẫn dắt. Trung bình mỗi tháng ông thu hơn 50 triệu đồng.

Cũng như Phương, Hương 23 tuổi, quê ở Hàm Tân, Bình Thuận, được bà mối bàn giao cho hai tên Tiến và Đức ở một căn nhà trên đường Trần Bình Trọng, quận 10. Tại đây có khoảng 30 cô gái cũng được các bà mai tuyển lên từ nhiều tỉnh thành khác nhau... Ngay trong ngày đầu tiên tiếp xúc, Hương nghe các cô tâm sự chờ đợi một ông chồng ngoại. Có người đã đợi tám tháng, thậm chí có cô gần 12 tháng nhưng chưa có ai ưng ý. Họ sống nhếch nhác, tạm bợ. Bên ngoài căn hộ luôn luôn có một số tên mặt mày dữ tợn bảo vệ. Khi có người ngờ ý muốn về liền bị dẫn mặt: "Không đi đâu hết. Nếu muốn về thì chịu mất giấy tờ. Còn nếu đi tìm mối khác thì hãy coi chừng". Hương nghe một cô bạn kể có cô bỏ trốn, chúng tìm bắt lại và đánh đập rất dã man. Hương cho biết để "lọt" vào mắt xanh một ông chồng Đài Loan khó ghê lắm và đầy túi nhục. Có người bắt lột hết áo quần để "kiểm tra", đôi khi còn sờ sờ, nắn nắn như tìm mua một con vật...

Hầu hết các cô gái đã khấn gói lên thành phở vào các "trung tâm môi giới" đều mong muốn kiếm được một tâm chồng ngoại, chỉ đến khi không thể kiếm nổi, bị các "ông chủ" đuổi thì mới đành quay về. Có "trung tâm" năm tháng thái các cô về một lần, tuyển các cô mới lên; có nơi nuôi đến cả năm song tỷ lệ các cô lấy được chồng không nhiều so với con số hàng chục, thậm chí cả trăm cô đang được "nuôi". Nhưng để được về cũng không phải là chuyện đơn giản. Các cô phải trả rất nhiều khoản tiền do các "trung tâm" này tự tính toán. Nào là tiền được chăm sóc, nuôi ăn ở, nào là tiền sửa sang sắc đẹp, tiền may sắm quần áo...

(VnExpress 2.7, theo Tuổi Trẻ)

phân phối và thiết kế các cụm kho lạnh, để sớm đưa cá đến người tiêu dùng ở khu vực Tây Nguyên và các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Các công ty chế biến cũng tìm cách tung ra thị trường nội địa nhiều sản phẩm mới nhằm thu hút khách hàng. Điển hình như Agifish vừa giới thiệu thêm 26 sản phẩm chế biến từ cá basa như há cảo, hoành thánh, xú mại, sủi cảo, chạo tôm, chả giò thịt... và đang nhận được tín hiệu tích cực từ phía khách hàng. (Theo Tuổi Trẻ 16.8)

TP HCM : 2 vụ tiêu cực lớn

Hai vụ « tiêu cực » lớn đã làm xôn xao dư luận thành phố HCM vào đầu tháng 7 nhưng các đương sự mới chỉ bị « đình chỉ công tác ».

Trong vụ thứ nhất, một cán bộ thanh tra sở Địa chính nhà đất TP HCM, bị tố cáo đòi hối lộ 100 triệu đồng trong một vụ khiếu nại nhà đất. Vụ thứ hai, một thẩm phán toà án nhân dân thành phố bị tố đã nhận 3 cây vàng và 6 triệu đồng tiền mặt (không có giấy biên nhận) để chạy án cho một người thua kiện. Trong cả hai trường hợp, nạn nhân của các cán bộ trên đã trao cho cơ quan có thẩm quyền những cuốn băng ghi âm trao đổi giữa họ và người đòi ăn hối lộ. Theo báo chí, các cuốn băng ghi âm cho thấy nội dung tố cáo là có thật, nhưng người ta mới chỉ được biết, lãnh đạo thành phố đã “ yêu cầu các cơ quan chức năng xử lý nghiêm ” những vụ này. Trao đổi với báo Pháp luật TP HCM trước kỳ họp thứ 12 hội đồng nhân dân thành phố, có đại biểu đã nêu thẳng vấn đề các cán bộ đó có « ăn » một mình không. Cho tới nay, chưa có câu trả lời.

Ngoài ra, đầu tháng 8, các báo cũng đưa tin 10 lãnh đạo và nhân viên thuộc các trạm đăng kiểm xe cộ ở thành phố bị đình chỉ công tác để “ làm rõ các vi phạm quy trình, tiêu chuẩn khi kiểm định xe, và những tiêu cực mà dư luận phản ánh (ăn hối lộ) ” (theo VnExpress 8 và 12.7, 6 và 9.8.2003)

Tin Ngắn

* Cả 30 chuyên gia được hỏi ý kiến đã bỏ phiếu cho phương án thiết kế số 17 trong cuộc thi thiết kế nhà Quốc hội và hội trường Ba Đình mới. Đề án này đã đoạt giải A trong cuộc thi và cũng có số phiếu thăm do ý kiến nhân dân cao nhất. Tác giả của đề án là nhóm kiến trúc sư người Đức thuộc Công ty GMP (Gerkan-Marg & Partner). Nhóm đã thiết kế nhiều công trình nổi tiếng châu Âu và thế giới, trong đó có tòa nhà làm việc của Chính phủ Đức ở Berlin.

* Ngày 24.7, Ủy ban Thương mại Mỹ (ITC) đã đưa ra phán quyết cuối cùng về mức thuế nhập khẩu dành cho các mặt hàng cá basa của Việt Nam. Với tỉ lệ bỏ phiếu 4-0, ITC đã kết luận các doanh nghiệp Việt Nam bán phá giá, gây tổn hại đến ngành sản xuất da trơn của Mỹ. Phán quyết của ITC sẽ mở đường để Bộ Thương mại Mỹ áp dụng mức thuế nhập khẩu đối với mặt hàng cá basa của Việt Nam lên tới 64 %.

* Theo chánh án TAND Tối cao Nguyễn Văn Hiến (phát biểu ngày 21.7 tại Ủy ban thường vụ quốc hội), « *Nếu Luật Đất đai được thông qua, áp dụng ngay, tòa các cấp sẽ phải gánh thêm ít nhất 50.000 vụ kiện mỗi năm, vượt quá năng lực xét xử* ». Ông Hiến cho rằng cần cần nhắc kỹ trước khi quyết định dồn trách nhiệm xử lý tranh chấp đất đai cho tòa

án. Hiện nay, đa số các tranh chấp ruộng đất là do UBND các cấp giải quyết theo thủ tục hành chính.

* Ngày 14.7, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng thế giới (WB) đã ký hiệp định tín dụng dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Đây là dự án nước ngoài tài trợ lớn nhất từ trước đến nay trong lĩnh vực giáo dục. Dự án được WB tài trợ 139 triệu USD, chính phủ bốn nước Canada, Australia, Anh, Na Uy viện trợ không hoàn lại 61 triệu USD. Dự án sẽ được thực hiện tại 38 tỉnh trong cả nước, với mục tiêu đến năm 2010, 96 % trẻ dưới 14 tuổi được phổ cập tiểu học.

* Ngày 17.7, thủ tướng Phan Văn Khải đã ký quyết phê duyệt danh sách thành viên Hội đồng Chính sách khoa học và công nghệ quốc gia (nhiệm kỳ 2003 - 2008). Hội đồng có 31 thành viên, do ông Chu Tuấn Nhạ làm chủ tịch. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng được ban hành cùng ngày, Hội đồng là cơ quan tư vấn của Thủ tướng về những vấn đề quan trọng liên quan đến sự phát triển khoa học công nghệ của đất nước.

* Theo Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, trong 6 tháng đầu năm 2003, trên toàn quốc xảy ra gần 11 nghìn vụ tai nạn giao thông, giảm hơn 3.400 vụ so với năm 2002. Tuy nhiên, số người chết (gần 6 nghìn người) và bị thương (hơn 11 nghìn) vẫn còn quá cao.

* Các cán bộ Bảo tàng Quảng Trị vừa phát hiện tại nhà ông Hồ Văn Lợi tại xã Hướng Lập (huyện Hướng Hóa) một sưu tập rìu đồng gồm 10 chiếc có niên đại cách nay 2.000-2.500 năm thuộc văn hóa Đông Sơn. Ông Lợi cho hay đã tìm thấy toàn bộ các hiện vật này trong lúc rà tìm phế liệu dưới lòng một con suối cạn, ở độ sâu cách mặt đất 0,5m. Các hiện vật đã được lập hồ sơ và đưa về kho bảo tàng.

* Tiếp theo con cá ba sa, sẽ tới lượt con tôm đông lạnh bị ngăn chặn đường vào thị trường Mỹ ? Ít nhất, đó là tin của báo Anh The Daily Telegraph (8.8), theo đó một hiệp hội các nhà nuôi tôm các tiểu bang phía nam Hoa Kỳ đã bắt đầu vận động để kiện 12 nước xuất khẩu tôm vào Mỹ là họ đã “ bán phá giá ». Việt Nam nằm trong số những nước này, với 467 triệu USD tôm bán vào Mỹ năm 2002.

* Theo thứ trưởng giáo dục Trần Văn Nhung, số sinh viên du học tự túc sẽ vượt qua con số 20 000 vào năm 2005. Tới nay, sau 10 năm con đường du học tự túc được mở ra, có khoảng 15 ngàn sinh viên đã được gia đình gửi đi học nước ngoài. Các nước ASEAN Singapore, Malaysia, Thái Lan, càng ngày càng thu hút nhiều sinh viên VN, một phần quan trọng vì đi học ở các nước này rẻ hơn đi Mỹ và các nước châu Âu nhiều.

* Theo Hiệp hội Viễn thông Quốc tế, tốc độ tăng trưởng hàng năm về viễn thông và Internet của Việt Nam trong giai đoạn 1995-2002 là 32,5%. Tổng số thuê bao điện thoại cố định tính đến tháng 8 năm 2003 đạt gần 6,4 triệu, với mức tăng hàng năm từ 20% đến 40%. Mật độ sử dụng điện thoại hiện nay là 8 máy/100 người dân. Các dịch vụ điện thoại di động đã phủ sóng trên toàn bộ 61 tỉnh, thành phố trong năm 2002. Tổng số thuê bao điện thoại di động vào khoảng 1,9 triệu với mật độ là 2,47 máy/100 người dân.

Cuối cùng là lè lưỡi

Thảo Hảo

LTS. Câu chuyện kể trong bài viết ngắn này của Thảo Hảo nói lên một khía cạnh của nền giáo dục VN mà những người quan tâm không thể không suy nghĩ...

- Lè lưỡi để làm gì?
- Để liếm ghế.
- Ghế gì?
- Ghế cô giáo.

Ai đọc mẩu đối thoại trên mà không hiểu thì đúng là chưa đọc báo Tiền Phong, số ra ngày 9.03.2003, với câu chuyện có thật sau mà tôi xin tóm tắt lại :

Cô giáo Phương Lan, 26 tuổi, dạy tiếng Anh, vào lớp, thấy ghế của mình đã bị trò nào vẽ đây phần. Cô nổi điên, không chịu để lớp thay ghế mới, không chịu để lớp lau ghế cũ, mà bắt thủ phạm phải tự ra khai báo và lau.

Thủ phạm không đầu thú.

Hình phạt của cô dành cho cả tập thể dung dưỡng tội phạm là: cả lớp lên liếm cho sạch ghế của cô. 47 học sinh lớp 7 của trường PTCS Liên Hoa, Nghi Xuân, Hà Tĩnh đã lên liếm sạch ghế cho cô.

Nhưng, cô chưa hả giận. Cô bắt bỏ phiếu kín khai báo thủ phạm. 47 cái phiếu thu về toàn phiếu trắng. Cô tức giận ra lệnh: lên liếm ghế đợt hai, và không được liếm dối. 47 học trò lớp 7 lại lên liếm lần nữa, ngoan ngoãn.

*

Phần tôi, đọc xong, thấy giận cái "con" cô giáo kia 1, thì giận đám học trò kia 47 (bởi có 47 trò mà !). Giả sử tôi có con học trong cái lớp ấy, nếu đi học về cháu mách, bố mẹ ơi hôm nay con phải liếm ghế cho cô,

- Thế mà mày không dám bỏ ra khỏi lớp rồi lên mách ông hiệu trưởng à ?

- Không ạ !

thì tôi ắt sẽ quật cho cháu nó một trận đến... thụt cả lưỡi vào. Bởi vì, cái nổi xấu hổ có con mất dạy đánh thầy, làm sao bằng nổi nhục có con ngoan ngoãn liếm ghế cô !

Và sau khi đánh con xong, phụ huynh (như tôi) sẽ nghiên rặng trèo trẹo :

"Hừ hừ... hừ hừ... Để xem cái ngành giáo dục lần này xử ra sao, xử ra sao... Thật tức quá, giận quá, tức quá !..."

Rồi lật tung sách Đạo Đức của con mình ra, xem thử có bài nào dạy về lòng tự trọng hay không.

*

Lòng tự trọng, đó là cái mà từ nhiều năm nay, ngành giáo dục nước ta đã tước dần tước mòn của học sinh, khởi đầu bằng những việc tưởng như nhỏ.

Hồi bé, là lớp phó học tập, khi tôi làm bài, có trò ngồi bên luôn quay cốp. Tôi để yên cho chép nhưng rất khinh. Một lần, trò nhìn không rõ, còn nhắc cánh tay tôi lên. Tôi cáu, mắng: " Không có lòng tự trọng à !" Trò ấy giận, xin đổi chỗ, đến ngồi cạnh một trò khác dốt hơn tôi.

Ôi, cái thời hoàng kim ấy qua rồi ! Cái thời mà trẻ con học giỏi học ngu rất phân minh, và nhận đúng những gì mình đáng nhận. Lòng tự trọng của trẻ con được kích thích, khi thước đo giá trị của chúng được rõ ràng.

Nhưng giờ đây, cuộc thi giữa học trò cũng đã hết. Đề thi có khi còn được thầy cô cho biết trước. Có khi thầy cô lại còn đọc bài cho chép. Còn nếu mà không cho tao quay bài, mà để cho lớp tụt hạng thì mày chết với cô !

Và lòng tự trọng của lũ học trò chết dần, khi dễ dãi nhận những danh hiệu " giỏi ", " xuất sắc " mà mình chưa đáng hưởng, khi ngoan ngoãn thủ tiêu " cái tôi " để làm theo văn mẫu, bài mẫu... Chúng trẻ con mà ! Và lại, có vẻ nói với bố mẹ thì bố mẹ biết thể, nhưng cũng chẳng xui con mình bóp quả cam; tặc lưỡi nói con thôi chấp nhận sự giả dối đi, cho yên chuyện lên lớp.

Để rồi từ đó đến việc muốn cho yên chuyện thì liếm ghế, quả thật cũng không xa.

*

Đây là chuyện của học trò cấp nhỏ. Đến sinh viên đại học, thì cái sự lòi thối tự bằng lòng lại là một hình thức thiếu tự trọng khác.

Tôi nhớ có lần đi ngang một trường đại học lớn ở nước mình. Hồng trường có những hàng cà phê "cóc", với các "cử nhân" tương lai ngồi đó, mà nhiều người trong số ấy, xin lỗi, trông nhem nhuốc, tối tăm. Trông họ rất "hăm" cả về quần áo lẫn thần sắc. Cứ nghĩ bụng, không biết đám sinh viên này thiếu một cái gì nhỉ?... Ừ, có lẽ họ thiếu sự kiêu căng về bản thân. (Tôi dùng chữ "kiêu căng" là mức hớm nhất đi, vô lối nhất đi, mức "chiếc áo" của ông "thầy tu" thôi đấy, chưa dám nói đến "kiêu hãnh", mà họ cũng không có được). Họ không thấy mình oai, không tự phục mình vì những gì mình đang có trong đầu. Họ chẳng làm cho đám thanh niên bán CD lậu bên đường ghen tị gì cả, vì cứ nhìn bên ngoài thì có gì khác nhau lắm đâu !

*

Ôi, cái sự kiêu hãnh về bản thân... Vì sao nó cứ dần teo tóp... Còn nhớ khi bạn mới vào lớp 1 không ? Bạn tự hào biết bao nhiêu phải không?

" Con học lớp 1.", nói mà mặt nghiêm trang, không đùa đâu đấy ! Cả gia đình " lợi dụng " sự kiêu hãnh này để ép bạn ăn thêm một bát cơm (" Minh lớp 1 mà ! "), để nói bạn đừng trêu em (" Lớp 1 người lớn ai lại trêu em ! ")...

Rồi lòng kiêu hãnh ấy mất dần. Chẳng ai khuyến khích nữa. Thế rồi một ngày kia, cái đứa trẻ cách đây mới có bảy năm, bướng bỉnh nhưng đầy tự trọng khi bước vào lớp 1, qua bao nhiêu lửa luyện của một lối giáo dục, đã sẵn sàng cúi đầu liếm cái ghế sạch như lau.

© 2003 talawas

<http://www.talawas.org/ts/ts1.html>

Tiếng xưa

Lê Minh Hà

...Nghe trong gần gũi cảm biết về xa xôi, của những chân trời không bao giờ đến được cùng nhau mãi mãi còn đâu đó...

Bắt đầu từ đâu ?

Có thể bắt đầu từ đâu ?

Từ một tiếng gà xáo xác. Ở phải, bao người đã nhớ âm thanh này, luôn luôn là của những xa xưa.

Những xa xưa tuổi bé, theo bà, xa bố mẹ, tiếng thành phố thờ bật đi hoang mang trong mù dăng cuộn cuộn mặt sông buổi sáng, trong những chiều băng láng từ sân kho hợp tác ngóng về hướng núi một màu tím phớt ai hoài.

Phía đó : Đàng rừng. Nơi đây, ai cũng gọi phía nam là đàng xuôi, phía tây: đàng rừng. Những đàng rừng sương buông kín một thời buổi gieo neo, như vẫn bình yên lắm. Có con bé con quay lưng về phía thành phố, nghe tiếng mình thờ dợt trên sân kho hợp tác đã vẫn người, nghe tiếng bà vắng từ giữa xóm gọi về cơm tối, thăm thía một hoàng hôn không ánh điện, không tiếng bố và tiếng mẹ, không có tiếng đũa bát cả nhà vang vui về quanh mâm.

Tôi đã có cho riêng tôi một tiếng gà trưa từ những ngày tháng đó. Cô quanh mà an vui. *Cục ta cục tác, vừa đau vừa rát.* Từ dưới bếp vọng lên tiếng bà lầm bầm rửa con mái già chỉ giỏi dáo dác suông tình mà không đẻ được lấy một quả trứng xiú xiú nào gọi là cho có. Cái con mái già lắm chiến công chống cày chống cáo bao nhiêu lần bị bà dọa cho vào nồi nước sôi trưa nào cũng làm náo động xóm vắng ven sông. Nghe tiếng gà cục tác bắt chợt những trưa xuân, chợt nhận ra con tức ngực đã qua, hơi thở nhẹ đi thơ thới, nhìn ra vườn chuối, không còn thấy mấy ả gà nà dòng đang trong giai đoạn độc thân đứng rùn rầy bên góc, biết màn mưa âm lay phây từ đêm qua sáng đã được trời đất vén lên rồi, và bếp nhà nhà đã ngân ngạt mùi khói rạ. Thò tay vào túi áo bông bốc nắm bông nếp đưa bạn cùng lớp cho từ buổi chiều qua, trái tim bé thơ dung không như lỗi nhịp. Nhớ tiếng chổi khoa trên mảnh sân chung ở khu tập thể, nhớ cũng một trưa mưa âm, trời đất bỗng hùng lên, làng bên đê có con chim nào trỗi giọng, và ngoài phố xa lại vắng tiếng rao mời.

Những tiếng rao trưa, Hà Nội, một thời vườn trong phố. Nhịp xưa có còn ?

Tôi biết dòng đời Hà Nội giờ sôi cuộn hơn bao giờ hết. Đội ngũ người bán hàng rong xuống đường đông đảo lắm so với một thời Hà Nội của tôi, nhọc nhằn mà dịu dàng. Cái nhọc nhằn vẫn đó. Dịu dàng ? Còn chăng dịu dàng ?

Dịu dàng như tuổi ấy, bắt đầu con gái tóc dày má ăm, qua phố vắng, biết đằng sau, trong quán nước nghèo có những con mắt nhìn theo. Trưa nào rất xa, đạp xe từ trường tít trên Cầu Giấy về, người băng láng trong con đỏi định kì, chợt

nghe tiếng rao bánh đúc âm âm dọc hành lang thông thoáng gió, vội vàng chạy ra gọi với chị hàng bánh bưng chừa áo chạt da khô và tóc xơ. Tiếng rao bánh đúc cắt đôi cô hàng xóm quy mô lưng lững mà có cái giọng đến là vèo vọt đang *mưa vẫn mưa bay*... một trưa mùa hạ, nóng nung người, bỗng dưng có điện, cái quạt tai chuột quên tắt từ đêm bắt đầu lại một vòng quay lơ dờ ân huệ, xa rồi, đôi lúc lại ngỡ lòng như con sông chậm dòng nặng nổi.

Tôi yêu tiếng rao bánh đúc âm âm qua trưa Hà Nội, trong từng ngõ nhỏ, trên mỗi tầng nhà tập thể. Thứ bánh đúc đôi gạo, bảo ngon thì thực không ngon, cứng mình quá, nóng vôi quá, hạt lạc kẹ ú tim trong miếng bánh không đủ bù đủ béo, bị sao được bánh đúc chợ làng sơ tán năm xưa, trắng mát và mềm mịn, cái bù cái béo nhân nhện và rất luyên. Thế nhưng cái nhớ qua ngày tháng vơi đầy nào có khác nhau. Nhớ mặt và nhớ dáng. Sao bao nhiêu chị hàng bánh đúc đi qua kí ức tôi lại chỉ một sắc ấy và dáng ấy. Bao giờ cũng cái nón úp trên đầu, đơn giản là để chống trời, chẳng hát hay nghiêng làm duyên một chút gọi là cho có. Bao giờ cũng đôi dép lê sản phẩm nhựa tái sinh của một hợp tác xã thủ công nghiệp nào một thời và hai ống quần bạc bụi phố phường, quần quần ở mỗi khoeo chân lúc đứng lúc ngồi xất bánh, rớt tương. Bao giờ cũng vậy, đôi tà áo hót, nước da khô và đôi mắt ngời ngời của người bưng mang dạ chừa. Bao giờ cũng vậy, bàn tay ngón gầy và cứng chắc chẳng bao giờ đủ sạch khi xất bánh, cân trọng vượt đồng bạc vừa mới nhận rồi lật cái vi buồm đặt vào đáy thúng. Và, bao giờ cũng vậy, chữ *e* trong từng âm đã bẹp hơn một chút, giọng người ven đê.

Bánh đúc. Kê. Bánh tro. Rượu nếp. Bánh tro của người từ mạn thành Sơn xuống, người bán sẽ sàng lột lá, chiếc bánh mỏng, giòn dầy mà mềm, trong vắt một màu tro ẩm quệt ngang đĩa mật óng vàng hoa nắng, ăn vào một trưa xuân muộn, tháng ba ư, như rét như không. Tôi chưa từng nghe tiếng rao của hàng bánh tro. Toàn tiện chuyện với cô hàng xóm mà ăn hương ăn hoa, một hôm ra ngõ, thấy hàng bánh tro đi ngang, cũng lại một người đàn bà còn trẻ trẻ, hay một cô con gái mới chớm xuân thì, dáng đi khô khô. Có âm thanh nào im lặng quá, trong tôi.

Hàng kê thì khác. Gần trưa còn vương chút gió hây hây từ ban sớm, đột ngột ngân một tiếng *kê...e...e...e...e* dài. Chị hàng kê hay đi qua ngõ nhà tôi tính mềm mỏng mà không xởi lời. Ai gọi thì đã bước chậm lại chậm thêm một chút, dừng chân xúc kê vàng, thêm chút đường trắng rải đều lên miếng bánh. Bánh đa kê, chỗ giòn chỗ iu, đường với kê bù và ngọt đều rất nhẹ mà rất quện, không gọi thêm mà gọi nhớ bao lâu, cũng chả biết đến bao giờ, một tiếng rao dài và cụt. *Kê...e...e...e...e*, và nắng.

Hàng quả rong, mà là bánh trái, rất hay gặp là mấy chị bánh dày chay. Bánh dày từng chiếc bé bé kẹp vào nhau trong miếng lá chuối tươi xanh cứ mờ lên. Nhân bánh chỉ là đỗ và đường cát, nhưng trên mặt từng chiếc bánh còn lấm tẩm bột đỗ xanh. Đỗ vàng đậm thắm, bột trắng lành lành, lá xanh hơ hớ. Chị hàng bánh quen chân len lách từng ngõ nhỏ, dừng nơi đầu chợ, tiếng rao chỉ nghe rõ hai tiếng *ai... dày...* Món quà nhường nhện và chân chỉ ấy thế mà đất khách, chẳng cứ các bà các cô. Đầu cầu thang một nhà cao tầng kia, giữa ngõ chẳng bao giờ vắng, người ta túm tụm quanh đôi quang thúng của chị hàng. Nhặng đi một chốc, lại bắt chợt vang tiếng *ai... dày*. Không hiểu sao, đặc biệt ấn tượng với tôi là tiếng hàng quả rao như thế, trong trưa.

Không độc quyền giọng đàn bà là hàng bánh mì. Hồi còn vất vả, bánh mì bán thay gạo, không thấy hàng bánh mì

rong. Muốn ăn chơi thì ghé hiệu bánh mì đối diện rạp Đại Nam, bánh mì tươi lại còn ủ trên một cái lò tự tạo, giòn tan, chút bơ, chút ba tê, xúc xích, thịt xa xiu nữa, và rưới đầm ốt chung tùy khả năng của lưỡi và môi. Không thêm hành, cà chua, dưa chuột và rau thơm gì cả. Chẳng thể biết bánh mì của hàng này quyến rũ bởi cái gì. Bơ ? Ba tê ? Xúc xích ? Hay là ốt nhĩ. Ốt của hàng chung sao mà khéo, đồ lịm và óng a óng ánh, cay đến là cay thơm đến là thơm. Chỉ có điều nhà hàng chắc là đông nên hơi kiếm lời vốn và cầm chân khách. Bây giờ, hàng bánh này đã có cạnh tranh chưa ?

Mua bánh mì ăn vội thay bữa trưa nhiều lúc từ trường về quá muộn, ngày xưa tôi hay ghé luôn vào mấy hàng bánh mì ở bên xe hay trước cửa hàng gạo đầu khu tập thể. Mấy người đàn bà ngồi chầu hẫu bên thúng bánh. Thấy khách đi chậm lại là đồng loạt nháo nhác, đồng thanh cào khan cào vĩa. Có chị hàng bánh mì mặt tròn, da bánh mặt, tóc dày búi chặt, mi rậm và buồn. Chẳng hiểu duyên gì mà bao giờ chị cũng chọn cái bánh mì phồng ăm nhất cho tôi, vốn rất ngại mặc cả và chọn lựa. Rồi chị lại còn kể, hỏi hã, trong khi bàn tay tìm bánh thì nhiều lúc chững hẳn. Một vùng quê. Người chồng còn trẻ mà mắt đã mờ. Đứa con trai đầu lớp mười hai chỉ mong vào đại học, sáng đến trường chiều thay người cha giờ chỉ còn biết lẩn sờ quanh quần trong nhà, xúc vác giúp bố mẹ đắp đống qua ngày. Người mẹ thì ngồi đây, bên thúng bánh, từ lúc còn chưa tắt đèn đường, nhón nhác chạy hàng khi phòng thuê hay công an phường tới. *'Chị cũng cố thể này cho cháu hè này đủ tiền ra Hà Nội học thêm mấy buổi, không nó tui. Rồi còn em nó nữa, cũng phải cố cho học chữ biết làm sao. Minh nhà quê ra đây cực lắm, cứ bị bắt nạt giành chỗ cô a.'* Sau này, tôi gặp người đàn bà ấy ở bao nhiêu phố khác, lại đôn gánh đôi vai, bán bánh giò. Chị bây giờ ở đâu? Có còn một mình khuya sớm via hè bươn chải cho chồng con, việc làng việc họ, cho giỗ chạp, cho chữ nghĩa. *'Chị tên là Diêu em a.'* Chị tên là Diêu.

Đây là khi hàng bánh mì rong đã bung ra tứ tung rồi. Đội ngũ bán bánh mì có lẽ đông đảo nhất trong lĩnh vực bán rong. Đủ mặt. Đàn ông. Đàn bà. Người già. Con trẻ. Tiếng rao va nhau chan chất đầu ngõ, góc phố. Cái thúng bánh chệnh vênh trên đầu người này vừa lừng lừng ra khỏi ngõ, đã lại thấy một thúng bánh khác bên sườn người bán hàng khác khắp khơi đi vào. Độ ấy, có người đàn ông già mắt đục giọng khàn hay ghé nhà tôi, ngồi xếp xuống nơi ngưỡng cửa. *'Xin cô cốc nước. Trời oi quá, hực cả hơi.'* Trời oi quá. Bữa bữa không thể thiếu bát canh rau. Ai ăn bánh mì sưng đờ. Mà những người bán bánh mì thì một cái ngõ đuôi chuột nhà tôi thôi, hết ra lại vào, từ sáng cho tới đêm khuya.

Cũng là một hàng bánh mì, nhưng hồi ấy, cả lũ chúng tôi cứ hỏi nhau, rồi lại giục nhau mua thử xem đó là cái gì. Bán hàng, một người đàn ông dáng đậm, quần phục phẳng phiu không quân hàm quân hiệu, dắt chiếc xe đạp nữ sạch bóng, túi to phình đằng sau. Trông hệt một ông thiếu tá về hưu được vợ sai phái việc gì. *'Tuyệt vời. Trên cả tuyệt vời.'* Nghe mãi mới ra lời rao lạ. Và chẳng hiểu đó là hàng gì. Rút cục qua bọn trẻ con mấy trường tiểu học mới biết *trên cả tuyệt vời* là bánh mì, làm thành thanh nhỏ và dài như cái đòn gánh. Quả là một phát minh thời ấy của lò bánh. Nhưng tuyệt nhất là lời rao, chất giọng trầm, âm vang, tự tin.

Có một lời rao, đúng hơn, một câu hỏi tôi nghe trong rất nhiều ngày phiền muộn và khổ sở. Và nhớ mãi: *'Giờ này mua không ?'* Hàng: bánh mì. Người bán: Bà y tá già được tiếng mát tay tiêm, chọc ven và đủ thứ thủ thuật khác ở khoa hồi sức cấp cứu cách nhà xác chẳng bao xa. Bà mới về hưu. Gấp lại chiếc áo choàng trắng, áo ngắn đời thường và thúng

bánh mì cấp ngang hông, người y tá già và giỏi bắt đầu ngay một sự nghiệp mới. Có bao nhiêu tinh mơ chông chênh trong phòng bệnh trắng toát, tôi đã nghe tiếng bà rao cùng cả câu hỏi thăm bệnh tình những người dở sống dở chết nơi này. Như bao ngày tháng cũ bà còn trong nghề mà tôi từng biết. Lại nhớ một đêm người bạn thầy thuốc hai tay khoát vạt áo choàng trắng, từng bước chậm kể về gia cảnh, và *'Khử niên kim nhật thử môn trung...'* say sưa. Ngoài kia trong đêm cây thao thức trở màu. Buổi sáng, nhìn qua khung cửa sổ, người mãi một lại qua trên những con đường nhỏ dọc ngang trong bệnh viện. Mưa phẩy qua mùa, ngưng lúc nào mắt cận thị nhìn không rõ. Rồi bắt chợt nắng hừng lên. Có chàng trai không quen qua đường rất vội, tà áo khoác phồng căng gió. Xuân quá! Quá xuân! Bàng hoàng mắt người ốm dậy một màu nắng xanh ngơ ngác. Hồ nghi không dám nhớ, đêm mùa, sự tin cậy đã cho nhau. *'...Hà xử khứ...'* Năm tháng rất xa. Năm tháng trở về. Trong nỗi nhớ bà y tá già, tiếng cả và bóng lếch lếch cùng thúng bánh. Biết lại đủ sức quần thảo với những bình thân mà không bao giờ là vô tâm trong lòng mình, với ngày tháng lúc chậm lúc nhanh lúc dài lúc ngắn. Bởi trong hành lý đến với ngày mới có điều ấy, nguyên vẹn và thiết tha. Những lời xót đáng. Những lời thăm sâu. Một đời với vội. Một đời ơn nhau.

Cũng đầy ấn tượng, nhưng hay vào lúc chiều muộn muộn, là tiếng rao giò dầy của một người trai trẻ. Trang phục: quần áo lính, nhưng không phong độ như người đàn ông bán tuyệt vời, người bán hàng là chàng trai độc nhất chằng trong đội ngũ bán hàng (quà) rong khi đó. *'Giò dầy'*. Tiếng rao cao, không có dấu huyền, hực hăng. Toàn bộ âm vang nằm trong thanh không của hai chữ *giò dầy*, đột ngột phục lên trên những ồn ào bụi bặm. Khấp các phố. Tôi mua hàng của anh tại Lò Đúc lúc xế chiều. Muộn một chút, dọc đường đi dạy thêm, đã lại nghe tiếng rao đó ở mạn Cửa Đông Hàng Đậu. Người bán hàng đội thúng giò với bánh trên đầu, tay ve vẩy, chân thoăn thoắt. Trông và nghe đều lạ. Lạ thế, anh có đất hàng không ?

Rất bình thường, bao mưa nắng nhiều đời nay đã rất bình thường, mà vẫn gọi. Là tiếng rao của hàng tào phớ. *Phớ...* Hàng tào phớ chẳng hiểu sao chỉ thấy đàn ông bán, không phải là ông lão, cũng không phải là trai trẻ, luôn luôn thế, đến nỗi tôi đâm nghi ngờ chất lượng khi một buổi chiều nghe tiếng rao đó qua giọng đàn bà. Ông hàng tào phớ hay dừng gánh trước ngõ nhà tôi, bốn năm ư ? hay năm mười ? người vất và thường trông già hơn tuổi, tóc húi cua, quần áo nâu già, cứ như từ trong tiêu thuyết Tự Lực Văn Đoàn bước ra, hai đầu đòn gánh là hai cái thùng gỗ nâu xin xin. Bọn nhóc con được mẹ nhồi cho xong bát cháo sườn hay bát phở là tấp tễnh sà sang hàng tào phớ. Ông hàng mở thùng, cầm cái vò trai hớt nhẹ, vài lát thôi, rồi nghiêng chai nước đường. Thế là đủ cho mấy bà mẹ trẻ tin rằng con mình đã thừa béo bùi ngọt nhạt cho đến bữa cơm trưa. Tào phớ ăn béo mà thanh, ngọt mà không lợm, ít nhiều giống như sữa đậu nành, hay những cô con gái không duyên sắc lắm, đủ tận tụy và thông thái, đủ hiền hậu và nhí nhảnh, có thì bao nhiêu cũng được, nhưng ít được thêm được nhớ. Song tôi lại thích nhìn ông hàng tào phớ. Chừng mặt trời đã cao, khi hàng quả sáng bắt đầu dọn dẹp, ông tào phớ cất gánh lên vai, đi sâu vào ngõ, đôi thùng lúc lắc theo tiếng rao cao và dài. Ông hàng đó đã một lần làm tôi phục sát đất. Vừa đậu gánh thì có thằng ranh con tinh tướng lao xe máy từ phố vào trong ngõ, người ăn người bán lú quíu dạt sát bờ tường. Thùng tào phớ kèn càng bị cái xe quệt phải. Tào phớ long chân, không còn mịn mặt mát mắt. Người bán hàng mặt tái. Ai cũng ái ngại, ai cũng sẵn sàng ăn

giùm ông cho hết gánh. Nhưng: 'Bà con có lòng tốt thì ăn hộ cho tôi, không phải của sông của bể, đổ đi tội trời. Nhưng mà tôi không lấy tiền ai cả. Tôi không lấy.' Tôi đã ăn, tôi đã nhìn, tôi đã nghĩ. Đã giặt mình. Sự lương thiện, sự tự tôn nghề nghiệp này mình dám có, hay chưa ?

Những năm sau này, các cửa hàng gạo mậu dịch qua đợt cải tiến từ số sang bìa, rồi chẳng trông chẳng kèn im im đóng, trưa trưa hay nghe tiếng rao của những hàng gạo từ ngoại thành vào. Người bán gạo thường là con gái, chồng con chưa không biết, nhưng trông dáng còn son lắm. Không còn quang gánh nữa. Các cô hàng xá thời nay thò gạo bằng xe đạp. Mà thò thật khoẻ. Ai gọi là nhảy phắt xuống, miệng nói tay chìa nắm gạo làm bằng, rồi san gạo, cân gạo, cứ là thoăn thoắt. Chỉ bực một nỗi là đôi lúc có cô hàng gạo cân điều quá. Dặn ông chồng trẻ nghe tiếng rao thì gọi vào đong hộ cho vợ lung thùng gạo. Cô hàng chắc tay múa miệng múa, ông chồng chắc đứng đực người, đến lúc xe đi rồi mới ở cổ thông báo cho vợ hay là một cân gạo hình như chỉ gần tám lạng. Nhưng mà thôi, vẫn là cái sướng của thời nay, là đến lần sau nếu cô hàng gạo ấy đi ngang thì nhất định phải gọi vào máng cho mấy máng, rồi có đong gì thì mới đong, mà yên tâm lần này thế nào cân gạo cũng dôi, mà cô hàng thì sẽ không có cái động tác quăng số gạo và đôi hồi gì lại. Như những mùa cô tích, nào đã xa xôi gì.

Hàng gạo qua thì hàng chiếu lại. Ngồi chằm bài bên khung cửa sổ, nhìn người bán chiếu chân thấp chân cao đi ngang, đã có lần tôi tự hỏi giả dụ thời tao loạn đời mình có làm nổi cái nghề này mà vất mũi đứt miệng hay không. *Ai chiếu đời* thì có thể rao, nhưng hàng thì chắc khó lòng khuôn theo nổi. Nặng quá. Hai ba cặp chiếu đội trên đầu, một cặp lật bật trên vai. Người bán chiếu, không biết ở miền nào ra với phố phường này, đi khắp hang cùng ngõ hẻm, ai gọi thì ghé vào, hạ món hàng công kênh xuống, đưa tay quệt mồ hôi mặt, rồi gỡ ra cho người hỏi sờ từng đường cói, dải giọng chề bời. May thì bán được một chiếc, ít ai lại mua một lúc cả đôi. Không may, thì lại cuốn chiếu đội đầu, cong cổ đứng lên rồi bước, gửi tiếng rao về phía trước. Tấm chiếu mua về nằm sà sã, thâm mặt, đứt cuống thì đem vớt, có ai nghĩ tới những bước bùn lầy của người trông cói, cắt cói, những mồ hôi của người dệt chiếu và bán chiếu. Chỉ mới nghĩ tới bước người đi bán chiếu đã nặng hết cả lòng rồi. Nghĩ, cũng có ra cháo ra cơm được cho ai khi mình luôn luôn là kẻ vô tích sự dù vô hại. Thôi. Thôi.

Biết vậy mà lòng vẫn chạnh cái nỗi trời đày. Đã ba mươi năm có lẽ rồi, tôi vẫn buồn buồn trông tới một dáng người bao trưa bao chiều âm thầm phố vắng lọc cọc xe bò kéo, đi về phía Ô Đống Mác. Ông cụ đi chậm chậm, cái đòn gánh không nhún nhảy như trên vai mấy bà đi chợ huyện hay mấy chị gánh tơ xuống trại tầm vắn cho tôi nhộng sậy năm xưa năm xưa. Cái đòn gánh thẳng đuốn, ngay đơ trên vai ông, hai đầu móc những chiếc làn làm từ sắt phế liệu. Vóc gầy trông bộ quần áo ta màu chàm bạc, sạch sẽ phẳng phiu, chòm râu thưa, mắt nhìn hiền hậu và xa vắng, đáng tự tại giữa phố phường của ông lão tiết lộ một điều gì rất lạ, không ăn nhập gì với gánh hàng thô nặng chĩa mấy người mua. Rồi 1975. Rồi Hà Nội bắt đầu xanh xanh đỏ đỏ những rổ rá lòng bàn làn nhựa. Ông lão thôi đi về trên phố cũ lúc nào không nhớ nữa. Chỉ nhớ năm đó tôi vừa tốt nghiệp đại học, nho nhoe xin việc ở báo Phụ Nữ, có lần đi lấy tin dưới mạn Ô Đống Mác, tôi đã lần la hỏi về ông cụ không rõ tuổi tên và địa chỉ cũng không. Ông lão từ đâu lại xóm nghèo không biết, sau hoà bình lập lại, sáng chiếu đi rong phố với món hàng thô nặng nuôi người vợ liệt, lạng lẽ tháng ngày. *Bà lão mất rồi, ông lão cũng mất*

rồi cô a. Chị cán bộ phụ nữ phường thông thả kẻ. Lòng tôi gió, từ bao mùa lạng im, về bao cuộc đời lạng im.

Phố rất hiền, ngõ rộng, quen từ tuổi bé. Rồi ngõ chật dần, bởi những bàn ghế và quang gánh, và những mặt người vừa xởi lời vừa đăm chiêu. Toàn những bác những cô hàng xóm gần hàng xóm xa cả. Bao người trong số đó tôi biết từ khi họ còn con gái, rồi lên tuổi mẹ, tuổi bà. Bao người trong đó đã đi qua trọn vẹn thời bao cấp, đã âu lo khi tuổi già nhà máy ít việc dần. Và cái ngày nhận sổ lương hưu với họ là thêm một chút dần vốn để bắt đầu một sự nghiệp mới với những lo âu mới, vì chồng, vì con, vì cháu. Gánh cháo sừn, gánh bún, chõ xôi, nồi ngô luộc... Nghe lao xao mỗi sáng tiếng mời chào, biết, chắc không ai tuổi ấy lại hình dung cho mình một tuổi già vất vả thế này, lòng vẫn âm những đam mê.

Mùa hạ có người rao bán bột sắn dây. Gần tết lại có người đi long rong mời mua chè hay măng miến. Tôi không bạo mồm được với những hàng rong nếu mua phải bột sắn dây giả, chè mốc hay là miến sắn, nên đất rẻ gì cũng ra hàng ngoài phố. Nhưng mà tôi thích, ngày năm tận, một hôm đang trong cơn ốm chọt nghe chao trong gió ngoài kia một tiếng rao dài. Lại muốn cùng người và mùa xuân, đi.

Thành phố giờ phình ra, sôi sục. Thành phố giờ như cái bể khổng lồ, thổi gió về những miền hiu hắt, hút tuốt người từ nơi đó ra với via hè. Hàng rong chắc nhiều lắm lắm. Nhưng những tiếng rao kia, không phải giọng người Hà Nội, liệu ngoài thông tin mặt hàng còn có những vang âm nào ?

Có. Khi nào chẳng có. Khi nào nơi ấy lại vắng những lòng người như gió, thổi vào mình mọi nỗi, để rồi tự vang vọng lại, âm thâm !

Lê Minh Hà
28. 4. 03
7. 5. 03

**Semaine culturelle vietnamienne - France
2ème Festival Visages Francophones de
CAHORS :
VISAGES DU VIET NAM
du 29.9 au 5.10.2003**

- Théâtre: *Tuồng, Chèo*, Contes et légendes, Marionnettes d'eau
- Musique: musiques traditionnelles, Ensemble de percussions *Pháo Hoa*, concert ethno viet-jazz fusion de *Nguyen Lê*, le groupe rock *The Wall* qui viendra du Viet Nam
- Danse: danses traditionnelles, le *Ballet Atlantique de Régine Chopinot* avec danseurs vietnamiens
- Arts plastiques: peintures et installations
- Cinéma: films aux 2 salles L'ABC et Le Quercy, avec un hommage à *Lê Mạnh Thich*
- Art de vivre: cerfs-volants, soirée gastronomique avec spectacle

Informations et réservations au Théâtre de Cahors (05 65 20 88 60)
www.mairie-cahors.fr

PHẠM HẢI ANH

Người tình mắt hiếng

Nhớ về chuyến viễn du Mỹ, Pháp và Đức

Một ông sao sáng

Hai ông sáng sao

Kìa ba ông sao sáng...

Con bé nằm ngửa mặt ngắm những chòm sao đang hiện dần. Buổi tối mất điện, vòm trời như rộng hơn và sao sáng hơn. Thành phố những khối nhà đen im lìm, vĩa hè biến thành bãi hóng gió. Chiều, ghé bật, mảnh nylon, giường xếp... người ngồi nằm ngón ngang, quạt nan quạt giấy phành phạch. Ôi ông Sở Điền Năng ơi, bao giờ thì ông cho lại điện, giờ nóng quá thể thể này. Phiến đá lát vĩa hè cả ngày phơi nắng hấp hơi hôi hôi sau lần chiều trái, mồ hôi tươm ướt lưng. Giá mà tắm được một cái thì mát. Nhưng mà ông Nhà máy nước cũng lúc tắc lúc tịt, đến gáo nước dội chân còn phải dè sên, mắt trước mắt sau múc trộm từ thùng phi nhà hàng xóm. Thức cả buổi trưa nắng mới hứng được chậu nước, hồi chiều đã rửa rau nước một, vo gạo nước hai, rửa bát nước ba, xong rồi đổ hắt ra mà cọ sân cho bớt nóng, còn gì nữa đâu. Gió lướt qua những tán bàng rì rào. Bầu trời đã thâm hần từ lúc nào, nhìn rõ chòm sao Bắc đẩu hình cái gáo sáng rực. Bên kia là dải Ngân Hà nhấp nhánh chảy ngang trời. Con bé với tay lên, tưởng tượng sẽ lấy cái gáo Bắc đẩu, vục xuống sông Ngân múc từng gáo dội xuống mặt đất trận mưa sao mát lịm. Tay con bé không chạm tới chòm Bắc đẩu mà gạt nhầm phải hai vì sao lẻ. Chúng lắc lư, chạm vào nhau rực sáng. Con bé không biết nó vừa chứng kiến cái giây phút gặp gỡ duy nhất của hai vì sao cách nhau cả nghìn năm ánh sáng. Nó cứ tưởng chúng cùng sáng mãi như thế. Mắt nó đưng đầy ánh sáng, cay xé. Mỗi mắt mang theo một ngôi sao rụng, lạc về hai hướng ngược nhau. Đây là mùa hè mất điện năm một ngàn chín trăm bảy...

Lúc ấy tôi chưa biết em, người tình mắt hiếng. Nơi tôi ở, về đêm thành phố sáng chói đèn, những con thiêu thân rơi mắt không biết phải lao đầu vào đâu mà chết. Tôi tắm vòi hoa sen, nước xả lênh láng ngập sàn nhà tắm ký túc xá, đôi khi tắc nghẹt vì những chùm tóc dài ngắn xoắn thẳng đủ màu bịt kín ống thoát nước. Học bổng sinh viên của tôi đủ cho những bữa ăn có thịt, cho thuốc lá, bia bọt, sách vở, vé xem phim giá rẻ và đôi chuyến nghỉ hè đi bụi. Sau này, khi ôm em trong tay kể về những ngày tháng ấy, tôi thường nghĩ nó thú vị hơn bây giờ, có thể vì hồi ấy, tôi mơ ước nhiều thứ hơn. Những giấc mơ đẹp không phải cho tôi mà cho cái phần đất hình chữ S mỏng manh đang hứng bom rơi đạn nổ bên kia bờ đại dương. Tôi đã chỉ cho em căn phòng nhỏ ở tầng hầm một ngôi nhà cũ kỹ. Căn phòng quét vôi hồng, trần vách nham nhỡ,

nóng ngột hơi trong mùa hè, nhưng cách âm rất tốt. Có cả một sân khấu nhỏ để ban văn nghệ tập suốt đêm, hát những bài tranh đấu đến khản giọng mà không sợ hàng xóm than phiền. Biểu tình chống chiến tranh, dán áp phích cổ động, họp hành, quyên góp ủng hộ... còn gì mà tôi không làm để góp phần giải phóng quê hương. « Khi anh mơ ước giải phóng em thì em chỉ mơ có điện và có nước ». Em cười khúc khích « Anh không biết mùa hè đang cắt điện, mất nước mà có lại thì hạnh phúc thế nào đâu. Cả phố hò reo vang dậy ! »... Người tình mắt hiếng, khi tôi ăn bánh mì, uống rượu vang với thịt bò bít tết thì em đang xếp hàng mua rau muống già của mậu dịch. Khi tôi mặc quần gin, áo len áo khoác ấm áp ôm đàn hát thâu đêm lửa trại thì em mơ mua được đôi dép nhựa mới thay cho dép cao su quai thô cắt xước da chân. Khi tôi thừa mơ ước thì em thiếu cái ăn. Em với tôi chỉ chung nhau những bài hát. Văn Cao diu dặt thiên thai, Đoàn Chuẩn mùa thu thương khăn san bay lá rơi trên vai ai, Chế Linh suốt suốt xuân này con không về, giọng Khánh Ly thênh thang buồn vỡ nắng thủy tinh... Em tựa nhẹ vào tôi, cặp mắt hiếng long lanh. *Suối mơ, bên rừng thu vắng, dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng...* Em hát. *Hỏi đá xanh rêu bao nhiêu tuổi đời, hỏi gió phiêu du qua bao đỉnh trời...* Em hát. *Khi cất lên tiếng ca gửi về người yêu phương xa, ta át tiếng gió mưa thét gào cuộn dâng phong ba...* Em hát. *Trường Sơn đông, Trường Sơn tây, bên nắng đốt, bên mưa quây, em giang tay, em xoè tay, chẳng thể nào mà xua tan mây...* Em hát. *Hà Nội mùa thu, cây com nguội vàng, cây bàng lá đỏ, nằm kề bên nhau, phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu...* Em hát. Nhảy cóc từ bài này sang bài khác, khi rã rời khi náo nhiệt. Miên man như nước trôi, như thể không phải là hát mà bị cuốn vào dòng sông trăm con sóng vỗ. Tôi cũng hát theo em, ngắt ngư trôi ngược về thời tuổi trẻ của tôi và tháng năm thơ ấu của em. Người tình mắt hiếng, chưa bao giờ tôi có một đêm như vậy. Những vì sao đã rụng từ bầu trời mơ ước của tôi cháy lại trong cặp mắt em. Đôi mắt hiếng chứa cả buồn vui.

Em ngoan ngoãn đi theo tôi sau buổi đầu quen biết. Tôi đã không ngờ em nhận lời dễ dàng như thế. Em ngồi im lặng ở băng ghế bên cạnh tôi, thỉnh thoảng mỉm cười. Tôi không biết em nghĩ gì, tôi chỉ thích cái cách em ngược mặt lên nhìn tôi và hỏi « Nó có cao không ? » khi tôi kể về nơi sắp đến. Em đứng bên bờ vực, gió dữ đến mức tôi sợ em bay vụt đi như một cánh diều mỏng, nhưng em lại thích. Em lấy tay gạt tóc xoà kín mặt, mắt mở to nhìn như nuốt lấy Đại Vực phía dưới. Không phải khe núi thông thường mà là đất mở thênh thang một tầng trời mới. Lốp lốp đỉnh núi bị san bằng ngọn, nối vào nhau trong trò chơi xếp hình của tạo hoá. Xa xa dòng sông mỏng như một sợi kim tuyến lấp lánh. Nắng chiều đậm nhạt giát vàng lên những vách núi xói mòn phô màu đất đỏ. Tôi thấy tôi với em bé tí xíu, lạc vào vô tận. Trời ở dưới chân và trời ở trên đầu. Những con khủng long rướn mình bút lá trên ngọn dương xỉ cổ thụ, từng dòng sông nham thạch đỏ lừ lừ trôi, núi băng rừng mình tan vỡ, cơn đại hồng thủy cuốn phăng sự sống, xé núi thành hai mảnh như xé mẩu bánh mềm, quảng về hai phía... Tôi và em đã ở đâu, đã là gì trong cơn hỗn mang ấy ? Mà có thật là đã diễn ra tất cả những chấn động đó, bom đạn, máu, nước mắt, cơn đói, quá khứ của tôi, của em, những bài hát rơi lạc vào thính không ? Yên tĩnh. Tôi nghe gió đập lá thông va nhau xào xạc, mùi nhựa thơm tinh

khuyết. Em từ từ quay lại. Tôi thấy cặp mắt hiếng của em thu cả trời cao và đầy vục với hình tôi chơi vui trong đó.

Tôi muốn hỏi em về đời sống riêng tư, nhưng em không kể. Với tôi, quá khứ của em dừng ở hình ảnh con bé còm nhom đêm mắt điện nằm ngóng sao trời. Tôi đưa em dạo Las Vegas, đèn màu sáng rực thay sao. Tháp Eiffel Paris, đầu nhân sư Ai Cập, thần Tự do Hoa Kỳ, thành quách La Mã, lâu đài Trung Hoa... chen chúc nhau, hoan hỉ, màu mè. Em giữa đầu ngấm vòm trời điện tử kết bằng triệu bóng đèn chớp nháy, nở ra muôn vạn cánh hoa sắc sỡ, hình khối chuyển động điên cuồng theo tiếng nhạc. Em chạy theo chụp ảnh lia lịa cảnh cướp biển tấn công Đảo Châu Báu. Em ngắt ngắt chiêm ngưỡng những cột nước lá lướt phun múa trong nhạc. Khi ấy, em hoàn toàn quên tôi đang ở cạnh. Em trở lại làm con bé con lạch vào thế giới đồ chơi, cái thế giới mà thuở bé em chưa từng có. Tôi không biết đến những đồ chơi em đã tự làm, búp bê công chúa khâu bằng giẻ vụn, những lâu đài giấy xếp từ cỗ bài tam cúc đã sờn, ngọn đèn lồng bằng giấy trang kim, quả bóng tennis trụi lông xin được... chúng tan nát sau một trận bom. Tôi không biết em đã sướng đến nghẹt thở khi được ôm con búp bê thật đầu tiên bằng nhựa cứng, tóc sơn vàng hoe, mắt xanh với cặp lông mi nylon chớp chớp thẳng đơ. Khi ấy, tôi đang mãi miết với những dự án nghiêm túc làm đổi thay đất nước. Sau rồi, tôi quay ra kiếm việc, mua nhà, thay xe. Từ lúc nào, tôi đã bỏ quên thế giới đồ chơi, nơi mọi cái đều lộn xộn, sắc sỡ, nhẹ tênh, nơi người ta có thể hư hỏng, phá phách với nụ cười hồn nhiên, vô tội. Người tình mắt hiếng, em rong chơi qua các phòng casino, bỏ tiền vào máy nhân lia lịa và cười khanh khách khi thua. Tôi đưa em vào khách sạn Aladin, cây vàng cây bạc rủ những chùm quả thủy tinh lỏng lách. Tượng thần đèn nhìn tôi chăm chú, tôi mong ông ta có đủ phép màu để nhập tôi với em làm một.

Việc đầu tiên em làm khi vào phòng là kéo rèm, mở toang cửa sổ. Em lục trong túi mẩu gỗ trầm. « Hôm nay là ngày rằm », em nói, « mình sẽ đốt trầm đón trăng lên ». Bằng cách nào em luôn mang theo ký ức những ngày lễ tiết, như thể trong máu em tuần hoàn cả hai dòng lịch âm dương. Tôi nhớ hôm ấy em mặc chiếc áo lụa tím, tóc chậy như nước xuông eo lưng. Trong khói trầm bay, em lặng lẽ phiến gương xưa cổ, hiện dần bóng mẹ tôi áo dài lên chùa ở miền quê ngoại xa xăm tôi chưa một lần về. Tôi thấy tôi nhảy nhót tắm mưa, cơn mưa nhiệt đới bong bóng vỡ ràn rụa trên sân gạch đỏ. Tôi thấy con ếch xanh cắn câu theo tay giật bay vút lên trời, những con tôm trong suốt đánh cang lạo xạo trong gió tìm đường thoát. Tôi thấy triền dốc xưa, tôi đạp xe hệt hơi theo dấu tà áo trắng. Đêm nồng hương thiên lý, tôi ôm đàn hát riêng tặng một người. Tôi cũng thấy tôi ngày trở về ngo ngác. Thành phố quê hương nhỏ lại, những mặt người nhìn tôi lạ lẫm. Hàng phượng xưa bị cưa cụt, đường mới mở xe gắn máy âm âm phun bụi... Người tình mắt hiếng, nơi tôi ra đi lại là nơi em sẽ quay về.

Đêm ấy trong căn phòng khách sạn, những ngón tay em giữ chặt từng nút áo khi tôi muốn cởi ra. Tóc em xỏ xuông dòng thác hương nhàn chìm tôi mê mết. Tôi nhớ sau cơn hồng thủy, tôi và em dạt ra hai phía như hai vách đá hoang vu. Đại Vực lừng lững giữa chúng ta, mắt em thẳng thốt hai vì sao lạc. Người tình mắt hiếng, em sợ gì, tôi với em có bao điều

chung để nhớ. Những câu hát nổi hai quá khứ, dù của tôi không giống của em.

Tôi không biết bằng cách nào em đã ra đi. Tôi không giữ được em, tôi biết. Ngay cả khi em nằm trong vòng tay tôi, khi em hoà giọng hát với tôi. Người tình mắt hiếng, em đã từng trao cho tôi chiếc nhẫn ước. Tôi xoay nhẫn cầu xin đêm Aladin bắt tận, để tôi được mãi mãi xiết em vào lòng như ôm giữ một giấc mơ. Nếu tôi ước điều thực tế hơn, em có ở lại không? Có lẽ em cảm biết trong đời thật, tôi chẳng thể chọn em. Tóc tôi bắt đầu lốm đốm bạc và tôi yêu sự bình yên. Hôn thê của tôi hiện giờ có cặp mắt hồ thu, nơi đầy mắt ấy, tôi đọc được tình yêu dịu dàng, êm ả. Ngôi nhà của chúng tôi chật dần lên với những tiện nghi, tôi không biết đến cái gọi là phiêu lưu nữa. Đôi khi, chỉ đôi khi thôi, tôi chợt thức lúc nửa đêm. Nhìn ra ngoài cửa sổ, một vòm sao rực sáng. Lúc ấy tôi nhớ em, cặp mắt đượm hai vì sao rụng, đưa tôi lạc về những hướng ngược nhau. Người tình mắt hiếng, có bao giờ tôi gặp lại em?

Amsterdam 17/07/03

điểm sách

Phạm Hải Anh

Tìm trăng đáy nước

tập truyện

Nhà xuất bản Văn Mới, P.O. Box 287, GARDENA
CA 90248, USA, Email : kimanquan@yahoo.com
196 trang, 2003, 12 USD

Vẫn là tìm trăng đáy nước, song thấy được *trăng trong bãi nước đái* sẽ là truyện của thời nay. Sự cụ thể hoá một nơi chôn đẽ con người tự thăng hoa ở đây đồng nghĩa với sự xuất hiện một nét tâm trạng xã hội mới trong nghệ thuật của chữ.

Cái lãng mạn của thời này sao sâu thẳm và đành đoạn. Trí tuệ và từng trải, hài hước và xót xa trên từng chữ nhỏ đã đạt tới độ của tinh tế không phải là quan hệ đồng đẳng giữa những giác độ nhận thức, mà là sự chuyển hoá nỗi niềm chỉ ở một con người, một con người tự mình làm tâm bão, tự xót xa quanh hai chữ phận người, dẫu đa đoan vẫn thiết tha cùng giấc mơ hạnh phúc, vẫn hoài nhớ một điều gì đó chưa có bao giờ.

Tôi muốn dừng lâu ở nỗi xót kia. Nỗi xót xô người viết vào giữa những điều mình đang kể, làm cho cái hài hước ở đây không độc địa mà đáng chất. Đáng chất mà thanh thản biết mình vẫn là mình. Thiểu cái chất 'cổ điển' này, những phức điệu tình cảm của con người từng thời dễ thành nông nổi và sống sít.

« *Em cầm cúc trong bình gốm sẫm màu, cánh vàng óng giữ nắng chiều ở lại. Rồi cũng sẽ tàn phai cả hoa lẫn nắng, anh vội làm gì?...* » Sao con người. Sao đàn bà. Sao sự tự chủ này đau đớn vậy.

Tôi nghĩ tới những ngấn muối mà tôi muốn thấy trong văn !

Tháng 1.2003

Lê Minh Hà

Gửi ông Đại tá chờ thư

Viết tặng con gái út

Nguyễn Văn Thọ

Toàn Li năm nay đã chín tuổi. Nó đã được người ta, những người Đức lớn tuổi, gọi là Maeschen (1). Mới hôm nào bé tẹo, thế mà nay nó đã lên lớp ba. Tôi lớn rồi ! Nó nói thế nhưng vẫn giữ thói quen, niềm say mê của nó là nghe đọc truyện trước khi đi ngủ. Vậy mà bố chẳng đọc cuốn sách ấy cho nó nghe. Mỗi tối, mẹ nó kể những câu chuyện mà nó đã thuộc lòng. Những chuyện trong hơn chục cuốn sách có tranh chị nó gửi sang từ Việt Nam.

Chiều nay từ trường về, Toàn chợt nhớ tới cuốn sách của bố nó vẫn đọc. Tại sao mình không xem bố đọc gì ? Nó tự hỏi rồi đi tới giá sách của bố. Phải bắc ghế mới với được cuốn sách. Không có một cái hình nào cả. Toàn chữ là chữ. Thế mà bố nó đọc suốt ? Chẳng có cái hình nào mà tại sao bố nó thích? Nó tự hỏi và về phòng của mình.

Tám giờ tối bố nó mới về. Nó đón cửa bố mẹ. Ngoài trời có mưa tuyết. Nhìn rõ tuyết trắng nhẹ bay khắp mọi nơi giống như cả khu nhà nó được nhốt trong chiếc máy quay kẹo bóng ở chợ trời thị xã cuối tuần. Nước mưa ướt sũng áo khoác cả hai người. Nó ôm chặt lấy cổ mẹ rồi nắm tay bố. Toàn áp má nóng hôi vào đôi môi lạnh toát của hai người. Nụ hôn của nó làm cả hai người lớn khi nào cũng run rẩy.

Hôm nay có bài học ở nhà không ? Bố cởi áo mưa, bế nó lên và bao giờ cũng hỏi như vậy.

* * *

Ăn cơm xong, Toàn lấy cuốn vở làm bài tập ở Hof (2), những bài tính, tập viết tiếng Đức cho bố xem. Nó đưa tiếp cuốn vở tập viết tiếng Việt. Trong khi mẹ nó rửa bát, bố ngồi nắn nót viết những dòng chữ tiếng Việt cho nó tập viết, tập đọc.

- *Bố đọc chuyện gì lâu thế ?* Toàn chợt nhớ tới cuốn sách của bố.

- *Cuốn nào ? Bố có những mấy chục cuốn sách !*

- *Kìa kìa.* Toàn chỉ cuốn sách mà nó đã để lại vị trí cũ. Bố nó cười : “ *Con hỏi làm gì ? “ “ Nó chẳng có cái hình nào cả !”* Người cha cúi xuống đưa con gái. Ông xoa đầu nó và dịu dàng : “ *Đây là Đại tá chờ thư ! (3)*”. Ông suy nghĩ một lát rồi nói tiếp : “ *Con biết không, ông ta mong một lá thư. Lâu lắm mà thư chưa tới. Như ông nội ngày xưa mong thư con ấy !”*.”

- *Wer ist Đại tá ? Toàn li hỏi ?*

- *Con hãy nói với bố bằng tiếng Việt !Bố nói rồi, chúng ta phải nói tiếng mẹ đẻ ở nhà.*

- *Ja! Con hiểu. Đại tá là ai ?* Toàn li ôm lấy cổ bố.

- *Đó là một người lính già.*

- *Như ông nội hà papa ?* Con bé dướn đôi mắt lên.

- *Đúng rồi, như ông nội !*

- *Như ông nội ư ?* Toàn nhúu đôi lông mày thưa nhưng đen nhanh nhảnh như mun và nhún vai.

Toàn ngồi thờ ra trên bàn. Nó lại nhún vai. Nó chợt nghĩ tới ông nội ở Việt Nam. “ *Toàn yêu ông nội !* ”. Đã bao lần nó nói như vậy qua điện thoại. Thực ra nó muốn nói nhiều nữa nhưng không biết diễn đạt thế nào. Cha nó vẫn nhắc, con phải học tốt tiếng Việt. Đây là tiếng mẹ đẻ của chúng ta. Đây là Quê Hương, đây là Tổ Quốc. Lại nói, muốn nói chuyện với ông con phải nói thạo tiếng mẹ đẻ. Nhưng ông nội mất hai năm nay rồi. Tự nhiên nó rớm rớm nước mắt.

Thực ra Toàn không hiểu tất cả điều bố nó nói. Nó chỉ biết ở xa lắm, trên cái bản đồ tròn như trái bóng kia, nơi từ đây muốn tới Việt Nam phải vượt qua biết bao nhiêu đất và biển. Ở chỗ cong cong kia, xanh xanh kia có ông nó, chị nó và nhiều người thân của nó. Về Việt Nam, nơi mà bố nó hay nhắc tới từ Quê hương kèm theo ấy, nơi xa ơi là xa, lâu ơi là lâu mới tới được, nó có nhiều người họ hàng, nói theo người Đức gọi là *Than Thờ !* Nhưng chỉ có ông nội là nó thấy thích nhất, nhớ nhất. Thích nhất vì ông chơi với nó lâu nhất. Ông lại đánh đàn rất hay, vẽ hình nó cũng rất đẹp. Nó thấy đẹp vì ông nội vẽ nó cười rất tươi khi bố vẽ nó thì chưa thấy cười bao giờ. Thực ra nó còn điều bí mật lý thú nữa với ông nội, đấy là khi nó cũng được gọi là họa sỹ như ông, sau bữa nó khoe ông những bức tranh nó vẽ ở lớp học vẽ bên Đức đem về tặng chị và các bác nó. Chuyện này cũng hơi rích rắc một chút. Đầu tiên nó không hiểu ý ông lắm, khi ông nó nói là họa sỹ. Rồi ông nhắc lại cái từ ấy bằng tiếng Pháp, lại cả tiếng Anh và giải thích rất cụ thể cái từ ấy bằng chính tiếng Việt. Khoái thực, nó nghĩ, ông mới thực sự coi nó là người lớn! Nó lại nhớ tới trước khi ông mất, bố mẹ nó ngồi khóc. Sau đó bố nó hay ngồi đọc lại những lá thư của ông viết cho cả nhà. Cả những lá thư mà ông nội dành riêng cho nó. Nó hỏi vì sao? Mẹ nó bảo, ông nội mong muốn con học giỏi. “ *Phải giỏi cả tiếng Việt nữa !* ” Toàn nói. Thực ra đấy là nó nhắc lại lời của bố nó hay nói. Toàn nhớ lại khi ông còn sống, mẹ nó thường nhắc: “ *Con thành thạo tiếng Việt, viết thư cho ông* ”. “ *Ông nội mong thư con à ?* ”. “ *Ông nội mong thư con lắm. Nhưng con phải viết bằng tiếng Việt Nam* ”. Mẹ nó nói. “ *Con sẽ viết bằng tiếng Việt nam cho ông* ”. Nó bảo.

Thực ra Toàn Li phải rất cố gắng, bởi như vậy nó phải học liền hai thứ tiếng. Hàng ngày ngoài những bài học của lớp, mỗi tuần ba buổi mẹ nó kèm nó tiếng Việt. Nó học cũng nhanh tiến bộ. Chỉ sau hai năm nó đã viết được nhiều câu giản đơn. Nhưng thực buồn, viết được tiếng Việt thì ông nội nó chết rồi. Như vậy ở Việt Nam không có ai chờ thư nó nữa. Chị nó thì rất bận, lại chỉ thích nghe điện thoại nên chả cần viết thư.

Năm ngoái, nó còn không biết *chết* là gì. Nó mang điều ấy tới hỏi cô giáo của nó. Bà Nikol dẫn nó ra vườn trường bên lớp học. Đây là hôm có một con cánh cam bị lũ kiến tha lê trên thảm cỏ. Con cánh cam có đôi cánh màu óng ánh rất đẹp, mới bữa nào bay vù vù chuyền trong rừng táo đầy hoa

màu hồng tím. Thế mà bấy giờ cánh cam co rúm chân và không cử động để lũ kiến đông vô kể tha kéo. Bà giáo chỉ con cánh cam và bảo: chết là như thế này !

Chết là như thế này! Bọn trẻ nhìn con cánh cam như lần đầu nhìn thấy nó. Toàn Li ngồi thụp xuống bên cạnh đàn kiến. Lũ kiến khéo léo kéo con cánh cam qua những đợt cỏ. Chết tức là *không bay, không cử động* nữa và tệ nhất là bị lũ kiến sâu vào cắn xé. Trong lòng nó bỗng có sự liên tưởng và trào sự xúc cảm ghê gớm. Ai cũng nghĩ là sau đó vì nó thương con cánh cam nên khóc cả giờ sau gốc táo đỏ cuối vườn. Không ai biết là nó đâu chỉ thương con cánh cam? Nó nghĩ tới ông nội nó ở Việt nam cũng không cử động, nằm yên cho lũ kiến bâu vào khênh đi. Bọn kiến sẽ cắn ông đau lắm. Nó đã một lần bị kiến cắn trong vườn cây của nhà mẫu giáo hồi nào nên nó biết điều ấy. Nó tưởng tượng ra cái vườn sau nhà ông ở Việt Nam và ông nó nằm trên cỏ....

Chi tới buổi tối ấy, trong câu chuyện lộn xộn của nó kể cho mẹ, mẹ nó mới hiểu sự liên hệ của nó từ cái chết của con cánh cam và ông nội. Mẹ nó phải giải thích mãi, rằng ông nội chết nhưng không bị kiến khênh đi. Ông mãi mãi nằm yên trong một cái hòm trong lòng đất. Mẹ nó bảo vậy. Như thế chắc ông nội chẳng còn chơi các trò chơi gì nữa, và dưới đất thì lạnh lắm. Nhìn kìa, tuyết rơi và sẽ tan ra thấm nước xuống đất! Toàn thương ông nội! Nó thốt lên với mẹ nó trong câu chuyện của hai mẹ con. Tất nhiên, bây giờ nó đã hiểu, nếu nó về Việt Nam ông nội sẽ không còn nữa. Ông nội không còn nữa, tức là không còn người chơi với nó. Không có người lấy hai cái đĩa gỗ lên những cái bát đựng chút nước, phát lên tiếng kêu lanh canh khác nhau. Vui tai lắm ! Ngày nào, theo bố nó nói, ông luôn mong thư nó. Ông chết rồi, ngủ mãi dưới đất biết đâu mà mong thư nó? Toàn nhìn qua cửa sổ, đường xá, những nóc nhà, mặt đất phủ trắng tuyết! Dưới đất lạnh, không đèn, không bàn ghế và bút vẽ...Chúng ta sẽ đắp thêm đất lên ngôi mộ của con cánh cam chiều nay! Đây là ý kiến của nó nói với Monika, đưa bạn thân ngồi kể bên vào giờ giải lao đầu tiên của buổi học hôm sau.

Câu chuyện có như vậy thôi mà đôi khi trong giờ chơi, mỗi khi ra vườn trường, ai nhắc tới lũ kiến và con cánh cam xinh đẹp nó lại rom rom nước mắt. Lại một đêm, nó mơ tới ông và sớm ra kể trọn vẹn cuộc gặp gỡ của nó trong giấc mơ với mẹ...

* * *

Toàn nằm trong chăn nghe mẹ nó đọc chuyện. Đêm nay mẹ nó đọc lại câu chuyện *Có gái quàng khăn đỏ*. Nó chợt nhớ tới cuốn sách của bố.

-Bố ơi! Nó gọi vọng sang phòng bên. Sau hai lần gọi, bố nó chạy sang.

-Cái gì con, ngủ đi !

-Bố kể về Ông Đại Tá của bố đi !

-Đại tá nào ?

-Đại Tá chờ thư như ông nội ấy.

-Hừ! Thôi ngủ đi! Bố giục.

-Không, bố kể đi !- Nó van vỉ. Khi ấy, ánh mắt nó tha thiết làm sao.

Bố nó tới, ngồi xuống bên giường. Bố xoa đầu nó, kéo chăn lên cao hơn che ngực cho nó và thủ thỉ:

-Có một người lính cứu, một đại tá, chờ một lá thư suốt bao nhiêu là bao nhiêu năm. Ngày lại ngày! Con hiểu không?

Đưa trẻ chớp mắt, gật đầu. Giọng người bố thực trầm, âm áp:

-Nhưng mãi chả có ai viết cho ông ấy. Ông ta là một người tốt. Một người già, tốt như ông nội. Thôi ngủ đi nhé!

-Bố kể nữa đi! Ông ấy vẫn chờ thư à ? Toàn dướn cổ lên khỏi chăn.

-Bây giờ vẫn chờ thư! Mất ông bố nó tự nhiên hơi buồn.

Toàn tung chăn ôm lấy cổ bố. "Bố ơi, bố đừng buồn. Rồi lá thư ấy sẽ tới!" Toàn ôm lấy cổ bố nó. Người bố ôm nhẹ lấy nó và đỡ nó xuống giường. "Con hãy ngủ đi!"

Toàn nhắm mắt. Nó phải ngủ theo lời bố nói. Nhưng thực ra nó không ngủ được. Nó nghĩ tới Ông Đại Tá của bố nó. Chà, ông ấy khổ nhĩ. Chờ mãi thư chắc vì con gái ông ấy lười viết. Ông ấy có cháu không? Nếu có, tức là nó không ngoan. Sao lại để ông mình chờ lâu thế tới mức để người ta viết chuyện cho nhiều người biết. Chắc ông ấy buồn lắm. Ông nội chẳng nói một lần trên điện thoại là ông sẽ rất buồn nếu không biết tin nó, học ra sao, ăn nhiều không và ngoan không ? Thế mà bây giờ ông nội nó không còn để nó viết thư cho ông. Ở Việt Nam bây giờ chỉ còn có ông Đại tá chờ thư thôi. Mà tại sao mình không viết thư cho ông ấy nhĩ, nếu ông đại tá ấy như ông nội của nó....Toàn nghĩ như vậy nhưng mi mắt nó đã sập xuống trong tiếng nhạc rất nhẹ phát ra từ chiếc Sony của mẹ để bên đầu giường.

* * *

Buổi học sớm ấy bà giáo Nikol nói về những người lính cứu hỏa. Nói về đường phố và thị xã nơi nó sống. Lính cứu hỏa thì nó đã nhìn thấy nhiều lần trên đường. Thế là nó nhìn ra ngoài cửa sổ. Từ đâu bay về đậu trên rặng cây dẻ những bốn con quạ. Con bên trái kêu quạ quạ, giọng rất khàn. Hết như hôm bố nó bị cắn và ho mất một tuần.

-Toàn li nhìn đi đâu vậy ? Bà Nikol nở một nụ cười và bỗng hỏi nó.

Toàn li giật mình. Trong lớp không được như thế! Vậy là nó lúng túng.

-Em nghĩ gì thế ? Bà giáo lại hỏi.

Toàn chợt nhớ tới câu chuyện đêm qua với bố nó, thế là nó lập tức kể:

-Thưa cô. Ở Việt nam có một người chờ thư đã rất lâu. Ông ta già như ông nội Toàn.

-Thế thì hãy viết thư cho ông ấy ! Còn bây giờ thì quay vào nghe giảng nhé. Nói xong bà Nikol lại tiếp tục bài giảng của mình.

- Sao không viết thư cho ông ấy nhĩ? Đúng rồi. Mình sẽ viết thư cho ông ấy. Nghĩ như vậy, Toàn Li thấy vui vô cùng và nó bắt đầu lại chú ý nghe tiếp bài giảng của cô giáo.

Ngày học hôm ấy kết thúc đúng giờ như mọi ngày.

Chiều, tuyết đổ xuống mau hơn. Con đường phủ trắng một lớp tuyết như bột kem. Toàn đi nhanh về nhà, nó chẳng tha thân như mọi khi. Về tới nhà nó lập tức ăn rất nhanh hai lọ sữa chua chứ không chậm trễ để anh nó phải giục như mọi lần. Xong, nó rón rén vào phòng học, lấy một tờ giấy trắng tinh. Tờ giấy trong hộp giấy mà bà hàng xóm đã tặng nó nhân ngày sinh nhật để tập vẽ. Nó bắt đầu viết.

Có lẽ tới hơn nửa giờ lá thư mới xong. Chữ nó ngay ngắn và đẹp. Thư viết:

Nước Đức, ngày... tháng...

Cháu gửi ông Đại Tá chờ thư,

Ông Đại Tá ơi, Cháu là Toàn Li. Cháu viết thư cho ông. Bố cháu bảo ông giống ông nội cháu và đã chờ thư lâu rồi.

Ông đừng buồn nhé. Cháu không muốn ông buồn. Ông phải ngoan và phải ăn nhiều!. Ông biết không, ông nội cháu rất ngoan. Ông biết đánh đàn và vẽ.

Ông có biết đánh đàn như ông nội cháu không? Mùa hè này về cháu sẽ cùng với mẹ cháu về Việt Nam chơi. Cháu có được phép đến chơi với ông không ?

Cháu đang học lớp hai ông ạ. Cháu đang học cả tiếng Việt. Bố cháu bảo, phải học tiếng của người Việt Nam. Nói như thế cháu không hiểu. Phải nói là học tiếng của ông nội và ông nữa. Có đúng không ?

Viết tới đây Toàn không viết được thêm một dòng nào nữa. Nó lại nghĩ tới ông nội. Nó nghĩ về chuyến phép năm nào. Phải rồi, trên cái sân thượng ông có nhiều cây. Có bông hoa trắng muốt, thơm vô cùng. Tại Đức nó chưa khi nào nó thấy bông hoa giống như thế. Trắng và thơm như thế! Ông nó đã hái vài bông cho vào trà và còn cho nó những năm bông. Toàn đã để mấy đóa hoa trắng muốt, thơm nựng vào cái hộp giấy bé xíu.... Nghĩ đến đây Toàn viết thêm được một câu :

-Ông ơi, ông nội Toàn chết rồi. Ông Đại Tá có biết không ?

Viết xong, Toàn li vẽ một đứa trẻ cầm hoa đang vậy. Nó tô màu xanh thành một đám mây và cả ông mặt trời đang cười nữa. Tất nhiên nó vẽ nhanh hơn viết, vì nó là họa sỹ cơ mà.

Toàn Li lục tìm chiếc phong bì. Nó nghĩ tới những lá thư mẹ nó viết cho chị nó ở Việt Nam. Nó lục tìm cuốn sách của bố nó và nắn nót viết ngoài phong bì :

To : *Đại Tá*

Nhà xuất bản X. PhốHà Nội.

Việt Nam.

Nhà xuất bản X là dòng chữ viết trong trang cuối cuốn sách. Đây là nhà ông đại tá, bởi nó đọc thấy dòng chữ sau cuốn sách ghi rõ số nhà. Nó tìm tìm cười như thể phát hiện được điều gì mới lạ. Nó có những ba chiếc tem. Nó tìm một con tem có hình con cá vàng rất đẹp và nhả nước bọt rồi dán tem như những lần mẹ nó đã làm.

Vài phút sau nó đã đứng bên hộp thư thị xã ở ngay ngã ba sát nhà nó. Nó ngần ngừ một lát rồi nhón chân thả thư vào thùng.

Tôi đó nó không hề nói với ai về sự việc trên. Đây là điều bí mật !

Cũng đêm ấy, Nó mơ một giấc mơ rất đẹp. Nó bay lên cùng với lá thư của nó. Nó nhìn thấy ông nội ngồi cười cười hiền từ. Râu ông bạc như tuyết và hình như từ đó phát ra nhiều tiếng kêu rất vui tai. Nó lại nhìn thấy một người nữa đang chuyện trò với ông nó. Nó hỏi: ông có phải là ông *Đại Tá chờ thư* không? Nó đưa lá thư của nó đã viết. Không phải là thư. Trên tay nó là muôn vàn con bướm nhỏ đủ màu sắc, muôn vàn con cánh cam biêng biếc xanh, để khi nó xòe bàn tay nhỏ xíu ra, những vật đáng yêu bay lên và đậu xuống vai ông già kia. Thế rồi tất cả lại biến ảo, nhòa dần rồi lại tụ lại rõ nét như những hình trong ống kính vạn hoa. Nó cười nắc nẻ....

* * *

Ông giám đốc nhà xuất bản X tại Hà Nội, theo cái địa chỉ mà Toàn Li đề trên bì thư, chưa già lắm nhưng hay ngáp vì mệt mỏi. Ông mệt vì phải ký rất nhiều và trên bàn ông bày rất nhiều bản thảo của biết bao thi sỹ và văn sỹ.

Sớm nay cô văn thư chuyển lên vài tài liệu. Những công văn của các cơ quan, chỉ thị và thư của cộng tác viên ở xa. Lá thư phong bì rất đẹp dán tem nước ngoài làm ông chú ý. Ông bóc lá thư ấy và đọc. Ông giám đốc đọc mấy lần mà chẳng thể hiểu được nội dung của lá thư này. Một đứa trẻ nào nghịch ngợm đây? Rõ ràng là một đứa trẻ! Nét chữ và lời thư thực hoàn toàn khó hiểu. Không biết nó gửi cho ông đại tá nào? Ở đây làm gì có đại tá! Hay là người gửi nhầm với ai ở cánh quân đội. Lại không ghi họ tên thế này !

Không bận tâm tới trò vớ vẩn! Trên bàn biết bao tập thơ và tập truyện đang chờ ông! Ông định ném lá thư vào sọt rác nhưng con mệt mỏi làm ông ngáp, thế là lá thư tuột khỏi tay ông, rơi trên mặt bàn, cạnh đồng bản thảo ngồn ngộn. Ông giám đốc đứng dậy, vươn vai những ba cái và ra khỏi phòng đi xuống tầng một. Vớ vẩn! Vớ vẩn quá! Vớ vẩn như biết bao bài thơ trường phái *bi hiểm* mà bố ông cũng không hiểu nổi. Ông nghĩ như vậy và dắt xe ra khỏi cơ quan. Có lẽ phải đi làm một vai bia với ông thi sỹ K. Giờ này chắc hẳn có nhà.

Khi ấy, trên căn phòng ông giám đốc có làn gió thổi thốc vào. Gió thổi tung lá thư của Toàn Li. Nó bay lên, ban đầu chấp chới tựa như cánh bướm; sau đó vượt qua hàng xấp bản thảo, bay qua cả những chồng sách đã xuất bản. Lá thư thuận gió theo đà bay qua cửa sổ, ngược lên vượt trên ngọn sấu cao vút đến tầng tư ngôi nhà và bắt chọt cuốn lên cao mãi, cao mãi cho tới khi từ mặt đất nhìn lên, chỉ thấy một điểm nhỏ xíu lẫn vào với nền trời xanh vô biên...

Nguyễn Văn Thọ

1-Maeschon: Cô gái. Theo thói quen Đức, đứa trẻ khi hết 6 tuổi, đi học được gọi là cô gái.

2-Sân- ở đây chỉ nơi bán trú của hệ tiểu học ở Đức.

3-Tên một truyện ngắn của G. G Marquez

Điểm sách :

Vàng Xưa, tập truyện ngắn của Nguyễn Văn Thọ, 244 trang, nxb Hội Nhà Văn, 2003.

Cuốn sách gồm 10 truyện ngắn. Ba trong số truyện đó đã được đăng trên báo, và đã được giải thưởng (*Vườn Maria*, *Nhà ba họ* và *Cõi ảo*), chắc khỏi cần nhắc lại.

Trong bão tuyết là truyện một gia đình « rỏ rá cạp lại », chất chịu đựng tiềm ẩn kiếm được trong cuộc sống cơ cực của mình ở Đức để hy vọng vào một ngày mai tươi sáng hơn tại Việt Nam. *Vàng xưa* kể lại chuyến đi tìm số vàng của mấy người bộ đội đã được thuở còn chiến tranh và cất giấu trong một hang sâu trong rừng thẳm. *Ngon lửa* nhắc lại tình đồng đội giữa hai người chiến sĩ Trường Sơn. *Một người Đức* là câu chuyện tình bạn giữa một người Đức già với một cặp vợ chồng người Việt sinh sống bằng nghề bán hàng ở Đức. *Lá bùa* kể lại việc một nhóm cướp đột nhập vào nhà một người, tra khảo định cướp của, cả kẻ hành hung và nạn nhân đều là người Việt định cư, nhưng tình cờ vì một « lá bùa » ... *Vết sẹo* là truyện sự ngẫu nhiên quen biết giữa hai người bán hàng láng giềng ở chợ Đức, một là bộ đội cũ Việt Nam và một là cựu chiến binh Mỹ. *Ám ảnh* là truyện thoáng gặp chốc lát giữa một bộ đội trẻ và một cô gái thanh niên xung phong trong một đêm thời chiến tranh đang khốc liệt.

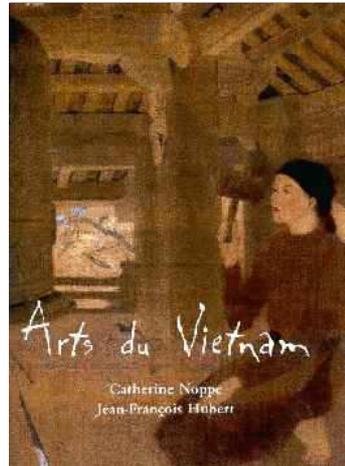
Tự truyện hay chuyện ngoài đời ? Câu hỏi đó luôn luôn đến với tôi, khi đọc cuốn sách. Tuy đang sinh sống làm ăn tại Đức, tác giả không phải là một Việt kiều định cư theo nghĩa thông thường, theo nghĩa « vĩnh viễn nhập cư ở nước sở tại », có lẽ vì vậy mà người đọc cảm thấy tác giả rất gần gũi với Việt Nam. Nhất là quá khứ luôn luôn có mặt trong cuốn sách, như một vết thương chưa lành, dù là trong những truyện kể trong khung cảnh xứ người : quá khứ gia đình, quá khứ cuộc sống, quá khứ trong bộ đội khi tác giả còn cầm súng chiến đấu. Vì vậy cuốn sách cho cái cảm tưởng « xác thực », dù cho nội dung truyện kể có thể là phần nào hư cấu. Có lẽ vì thế mà cuốn sách hấp dẫn và gây cảm xúc cho người đọc. Ngoài ra, đối với một độc giả bình thường như tôi, văn « đạt » là văn giản dị và tải được ý mà không quá thừa câu chữ, nghĩa là không phải là văn loại « trăm câu mà thừa chín mươi chín ». Văn đạt, ý đầy, kể cả ngụ ý : đây là một cuốn sách hay.

Bùi Trọng Liễu

Nhân đọc cuốn

ARTS DU VIETNAM

của Catherine Noppe và Jean-Francois Hubert
NXB Parkstone Press Ltd, New York, USA, 2003



Văn Ngọc

Sách giới thiệu các truyền thống nghệ thuật Việt Nam, với cái nhìn của người nước ngoài và bằng ngoại ngữ, cho tới nay hãy còn hiếm. Có thể đếm trên đầu ngón tay những tựa sách vừa có giá trị biên khảo, lại vừa có giá trị thẩm mỹ. Một trong những tác phẩm hiếm hoi đó, là cuốn ARTS DU VIETNAM của hai tác giả Catherine Noppe và Jean-Francois Hubert, vừa được xuất bản đầu năm nay, nguyên tác viết bằng tiếng Pháp, ngay sau đó đã được dịch sang nhiều thứ tiếng.

Đây là một công trình biên khảo công phu, trình bày đẹp, một tài liệu nghệ thuật quý báu chứa đựng nhiều thông tin bổ ích, nhiều ý kiến hấp dẫn.

Giới thiệu những truyền thống nghệ thuật Việt Nam, quả không phải là việc đơn giản. Trên một đất nước có đến 54 dân tộc, thì nghệ thuật Việt Nam là nghệ thuật nào ? Không lẽ lại chỉ là nghệ thuật của người Kinh ? Và rồi nói về nghệ thuật dân gian, hay nghệ thuật chính thống ? Hoặc nói về các truyền thống nghệ thuật đặc sắc nhất, tiêu biểu cho cái năng khiếu thẩm mỹ của mỗi dân tộc ?

Tiếng Pháp và tiếng Anh có cái ưu thế là có thể tóm gọn cả một mô khái niệm phức tạp vào trong một cái tựa ngắn ngủi, thoạt nghe tưởng như chung chung, nhưng thực ra lại rất chính xác. Cái tựa ARTS DU VIETNAM vừa nói lên được một cách trung thực cái thực tế, là ở trên đất nước Việt Nam ngày nay không chỉ có một nền nghệ thuật, mà có nhiều nền nghệ thuật, vì mỗi dân tộc có một nền nghệ thuật riêng ; đồng thời, cũng vừa nói lên được cái ý là trong mỗi nền nghệ thuật dân tộc đó, lại có nhiều ngành, nhiều loại nghệ thuật, từ kiến trúc, điêu khắc, hội họa đến đồ gốm đồ sứ, đồ đan, dệt, v.v.

Tuy nhiên, cái khó, khi nói về các nền nghệ thuật này, không phải chỉ vì vấn đề sắc tộc, vì sự khác biệt giữa các nền văn hoá, mà vì có nhiều vấn đề liên quan đến nguồn gốc, lịch

sử, của các dân tộc đó và của các nền văn hoá đó, cho đến nay vẫn chưa được làm sáng tỏ. Người ta vẫn chưa biết được đích xác những mối quan hệ huyết thống, ngôn ngữ, văn hoá, giữa họ với nhau, cũng như đối với các dân tộc láng giềng (Trung Quốc, Ấn Độ), và nói rộng ra, đối với các dân tộc của cả vùng Đông Nam Á, kể cả một số vùng phía nam Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, và các đảo ở Đại dương châu.

Nhiều tài liệu lịch sử, nhiều chứng cứ khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, di truyền học... nhiều mắt xích, còn thiếu vắng, để có thể xây dựng nên những giả thuyết khoa học, vững chắc. Quá nhiều nghi vấn còn tồn tại. Chỉ cần nêu lên một thí dụ. Trong vấn đề văn hoá Đông Sơn, chẳng hạn, ai là chủ nhân đích thực của những chiếc trống đồng và của những ngôi nhà sàn mái hình thuyền khắc trên những chiếc trống đồng đó ? Hoặc những dân tộc nào đã từng có truyền thống đúc trống đồng và xây nhà sàn mái hình thuyền ? Truyền thống xây nhà sàn hình thuyền có thuộc về nền văn hoá Đông Sơn không, hay xưa hơn ? v.v.

Trên thực tế, dấu tích duy nhất hiện còn tồn tại về những ngôi nhà sàn hình thuyền giống hệt như hình khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, chỉ còn tìm thấy ở đảo Celèbes (Indonesia), nơi cư ngụ của dân tộc Toradja từ nhiều đời nay, và ở rải rác một vài nơi khác : Sumatra, Java (Indonesia) và trên các đảo ở Đại dương châu, mặc dầu những kiểu nhà sàn hình thuyền ở những nơi này đã khá bị biến dạng.

Ở vùng Tây Nguyên (Việt Nam), ngôi nhà rông của người Ba Na, Ê đê, Gia Rai, cũng còn giữ được một số nét của ngôi nhà sàn hình thuyền khởi nguyên, kể cả những chứng tích còn để lại trong ngôn ngữ và trong phong tục (người Ê-đê nằm ngủ đầu quay về hướng Đông, tức hướng biển, *hướng gốc* của họ . Hai bên mang nhà, *hạ thu thượng thách*, được gọi là *mạn thuyền*, v.v. - theo Chu Thái Sơn, *Ngôi nhà dài ngày nay của người Ê-đê*, Tạp chí Dân tộc học số 2-1979, và *Dấu vết nhà sàn hình thuyền ở Tây Nguyên* (Tạp chí đã dẫn, 1979) - trong khi nhà sàn hình thuyền của người Toradja đầu hướng về phía biển. Những tập quán này đều bao hàm cùng một ý nghĩa : hướng về cội nguồn.

Hình tượng ngôi nhà sàn mái hình thuyền còn được thấy ngay trong kiến trúc tôn giáo của người Chăm (sđd, tr. 99) : tại đền Po Klaung Garai (Phan Rang), trên nóc một ngọn tháp, người ta thấy ngự toạ một công trình kiến trúc khác hẳn với kiến trúc của các ngôi tháp Chăm thường gặp : nó có hình dáng của một ngôi nhà sàn với mái hình thuyền, sóng võng, đầu hồi *hạ thu thượng thách*, nhưng nhìn theo mặt cắt thì lại giống như loại nhà hình thuyền cổ đại Nhật Bản có mái vòm.

Dấu tích của những ngôi nhà sàn *hạ thu thượng thách* còn được tìm thấy trên những chiếc gương đồng cổ Nhật Bản (xem Văn Ngọc, *Từ Những Ngôi Nhà Sàn Hình Thuyền*, ĐĐ số 125, 1-2003)

Những nhận xét trên cho phép rút ra một kết luận đầu tiên là, giữa các dân tộc Chăm, Tây Nguyên gốc Mã Lai-Đa đảo, và các dân tộc ở quần đảo Indonesia như : Toradja, Batak, Minangkabau, hoặc ở vùng Đông Nam Á, nói chung, kể cả phía Nam Nhật Bản và Đại dương châu, cũng như giữa họ với chủ nhân của những ngôi nhà hình thuyền khắc trên trống đồng, chắc hẳn có một mối quan hệ nào đó, ít nhất về mặt

giao lưu văn hoá, nghệ thuật.

Cũng dễ hiểu là các nhà biên khảo nghệ thuật, cũng như các nhà viết sử nghệ thuật, hay các nhà dân tộc học, nói chung, không thể nào khoan tay chờ đợi đến khi nào có tất cả các dữ kiện rồi, mới bắt tay vào phân tích, tìm hiểu các vấn đề, để xây dựng nên những giả thuyết.

Ở đây, các tác giả cuốn ARTS DU VIETNAM đã tỏ ra khá thận trọng, mặc dầu đôi khi vẫn lặp lại những giả thuyết đã có sẵn, chủ yếu dựa trên những truyền thuyết : chẳng hạn như truyền thuyết Lạc Long Quân và bà Âu Cơ sinh ra trăm trứng, để giải thích sự có mặt của 54 sắc tộc trên dải đất Việt Nam (sđd, Phần dẫn nhập, tr. 13) !

Song, nhìn chung, các tác giả đã nêu lên được nhiều vấn đề lý thú trong mối quan hệ giữa nghệ thuật, đất nước và con người, trên mảnh đất đầy biến động lịch sử này.

Quả là không thể nào hiểu được, cũng như cảm nhận được cái đẹp của những bức tranh thờ Hàng Trống, chẳng hạn, nếu không biết đến tín ngưỡng đồng bóng, với các Ông Hoàng, Bà Mẫu và các thần tướng Ngũ Hồ, Ông Lốt, v.v. hoặc cái đẹp và cái di dòm của tranh Gà, tranh Lợn, nếu không biết đến đời sống nơi nông thôn và cái tâm thức của người nông dân Việt Nam xưa.

Không thể nào cảm nhận được cái đẹp của một ngôi đình, ngôi chùa cổ, nếu không biết đến cái triết lý thiên và cái tâm lý của người Á Đông ưa sự tĩnh mịch giữa thiên nhiên.

Cũng như không thể thấy hết được cái đẹp dân già của những chiếc Ông bình vôi, nếu đặt nó ra ngoài khung cảnh những tín ngưỡng dân gian và cái đẹp huyền bí của cây xi, gốc đa, nơi cửa đền cửa miếu.

Tuy nhiên, nội dung cũng như cách trình bày và minh hoạ cuốn sách khiến cho người ta có thể nghĩ rằng, mặc dầu với một cái tựa rất bao quát như thế, song mục đích của cuốn sách thực ra không phải là giới thiệu những truyền thống nghệ thuật Việt Nam, mà là giới thiệu một số hiện tượng nghệ thuật, một số nét đặc trưng về mặt nghệ thuật của các dân tộc sống chung trên lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt đó là nghệ thuật của người Kinh, người Chăm, hay của một dân tộc ít người nào khác.

Dẫu sao, quan niệm của các tác giả về nghệ thuật của các dân tộc hoàn toàn ăn khớp với thực tế lịch sử Việt Nam, cũng như với quan niệm chính thống về sự bình đẳng, bình quyền giữa các dân tộc. Như trên đã nói, đó cũng là một cách né tránh những khó khăn đặt ra nếu như phải trình bày có hệ thống toàn bộ các nền nghệ thuật trên đất nước Việt Nam.

Do đó, trong tác phẩm của Catherine Noppe và Jean-Francois, nghệ thuật Chăm đã được đặc biệt đề cao và chiếm một địa vị xứng đáng, ngang hàng với nghệ thuật các thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn, và nghệ thuật dưới thời Pháp thuộc. Đây có lẽ là một trong những chương được biên khảo và trình bày kỹ nhất, với những hình ảnh minh hoạ quý hiếm, mặc dầu thiếu vắng hình ảnh nói lên mối quan hệ giữa nghệ thuật Chăm và nghệ thuật Việt Nam dưới thời nhà Lý (nghệ thuật chạm khắc đá ở chùa Phật Tích). Đáng tiếc là, bên cạnh đó, nghệ thuật của các dân tộc ít người khác, từ kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc, ca múa, đến đồ trang sức, đồ thổ

cắm, lại chỉ được trình bày một cách khá sơ lược.

Về các truyền thống nghệ thuật của người Kinh, mặc dầu các tác giả đã dành cho chúng bốn chương quan trọng, song cũng không tránh khỏi nhiều thiếu sót.

Chương nói về thời kỳ Pháp thuộc và trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương quá dài (mà lại không đầy đủ), so với các chương nói về nghệ thuật truyền thống của người Việt.

Nền kiến trúc phong cách thuộc địa (phong cách Đông Dương), chẳng hạn, quan trọng là như thế, mà đã chỉ được giới thiệu một cách sơ lược, với những hình minh hoạ không nói lên được những ưu điểm của nền kiến trúc này.

Về hội hoạ, công lao và tài năng của những người như Victor Tardieu, Joseph Inguimberty, Lê Phổ, v.v. đã được quá đề cao ! Rõ ràng, các tác giả đã có một cái nhìn hơi thiên lệch trong cách trình bày vấn đề và lựa chọn các tác phẩm để minh hoạ. Người không biết có thể hiểu rằng ngành hội hoạ Việt Nam chỉ bắt đầu từ đây và cũng dừng lại ở đây ! Các ông thầy, từ Tardieu đến Inguimberty, đều không vẽ được các nhân vật đứng riêng lẻ một cách sinh động, không nói gì đến vẽ đám đông ! Bức tranh của Lê Phổ được chọn làm bìa cuốn sách thể hiện một ni cô trong tư thế ngồi thình chuông, tay giơ lên cứng nhắc, và chắc chắn là không thể nào với tới được cái chuông ! Bức tranh không chỉ nói lên khả năng diễn đạt hiện thực của họa sĩ, mà còn cho thấy tất cả giới hạn của một quan niệm hội hoạ kinh viện đã được giảng dạy một thời.

Về các ngành nghệ thuật truyền thống, tranh dân gian đã được nói đến rất ít và các hình minh hoạ cũng không tương xứng với tầm quan trọng của ngành nghệ thuật này.

Về kiến trúc, chương nói về cố đô Huế đã đề cao một cách quá đáng kiến trúc cung đình thời nhà Nguyễn, một phong cách kiến trúc thực ra vừa khá ước lệ (dựa theo kinh Dịch), vừa khô khan, yếu ớt, lại vừa đậm ảnh hưởng của kiến trúc Trung Quốc và ngay cả kiến trúc Pháp (Vauban/Ngọ Môn), từ cách bố trí mặt bằng rập theo hoàng thành Bắc Kinh, đến việc loại bỏ đầu đao và ngói mũi hài để chỉ sử dụng ngói ống (ngói âm dương).

Thảm mỹ khá thô sơ, mảnh dẻ, của những chiếc đình (cửu đình), đã được các tác giả khen quá mức, mặc dầu, theo thiên ý của tôi, đó là một trong những biểu hiện của một nền nghệ thuật đã bị thoái hoá (có lẽ đã từ lâu, ít ra từ thời vua Lê chúa Trịnh (thế kỷ XVIII), với tục lệ triều cống nhà Thanh và đặt làm đồ sứ men xanh Huế ở bên Trung Quốc (sđd, tr. 173-178).

Trong khi đó, kiến trúc các thời Lý, Trần, Lê, thì lại ít được nói đến và thiếu hẳn hình minh hoạ.

Về điêu khắc, tượng và chạm khắc nổi cũng chỉ được nhắc đến sơ qua. Người ta không thấy hình minh hoạ dành cho các pho tượng Phật và La Hán nổi tiếng (chùa Tây Phương, chùa Mía, chùa Sùng nghiêm Diên Thánh, chùa Dầu, chùa Đậu, v.v.), cũng như các tác phẩm phù điêu khắc trên đá (chùa Phật Tích, chùa Dạm, chùa Long Đọi, v.v.) và chạm khắc gỗ ở các ngôi đình chùa cổ (chùa Dầu, chùa Côi (Thần Tiên), chùa Hàm Long, chùa Thái Lạc ; đình Tây Đằng, Chu Quyến, Thổ Hà, v.v.).

Riêng về nghệ thuật đồ gốm, sứ, ở các thời Bắc thuộc, Lý, Trần, Lê, Nguyễn, các tác giả đã cung cấp khá nhiều thông tin quý hiếm và hình minh hoạ đẹp.

Trong chương nói về nghệ thuật thời Lý, Trần, mô hình

tháp chùa nhiều tầng bằng đất nung (sđd, tr. 69) với diềm mái võng và lợp bằng ngói âm dương, niên đại ghi thế kỷ XI-XIII (Bảo tàng Lịch sử, Hà Nội), phải chăng chỉ là một mô hình tháp chùa thiết kế theo truyền thống Trung Quốc ? Nếu mô hình này đã tìm thấy ở Việt Nam, thì chắc cũng chỉ như những mô hình nhà bằng đất nung tìm thấy trong các ngôi mộ Hán, thực ra là của những người Trung Quốc sang sống ở Việt Nam (thời nhà Đường), rồi được chôn cất tại đây ? Vì ở nước ta, ngay từ thế kỷ XI, thời nhà Lý (hoặc trước nữa), mái chùa đã được lợp bằng ngói mũi hài rồi (chùa Một Cột). Ít khi nào thấy người xưa sử dụng ngói âm dương, hoạ chăng ở một vài trường hợp đơn giản như mái tam quan Khuê Văn Các (Văn Miếu, Hà Nội), có thể đã được lợp lại bằng ngói ống vào một dịp trùng tu nào đó. Kỹ thuật lợp bằng ngói ống phải chăng đã được các thương nhân người Trung Quốc và Nhật Bản đem vào Việt Nam từ thế kỷ XVII-XVIII ở Hội An và sau đó được sử dụng rộng rãi bởi các vua nhà Nguyễn ở Huế ?

Một trong những thiếu sót rất đáng tiếc của cuốn sách là ít nói đến các truyền thống lễ hội (các hội làng), các dịp tết nhất (Tết Nguyên Đán, Trung Thu, Đọan Ngọ, v.v.), với các truyền thống ca múa, các trò chơi, đồ chơi, các kiểu y phục, các loại nhạc cụ, các đồ hàng mã, v.v. Tất cả những truyền thống đó nói lên năng khiếu thẩm mỹ của người Việt ở các vùng đồng bằng, cũng như ở các miền núi.

Ngoài ra, nếu phải nêu lên những nhược điểm chung về mặt biên khảo của cuốn sách, thì tôi cho rằng một trong những nhược điểm quan trọng của nó, là không có bảng chú thích, không có Index, thêm vào đó danh mục các tài liệu tham khảo lại khá sơ lược, khiến cho người đọc khó có thể biết được các tác giả đã trích dẫn, hoặc dựa vào tài liệu nào khi bàn về một vấn đề gì.

Về mặt từ ngữ tiếng Việt, có khá nhiều lỗi chính tả (có lẽ do thiếu thầy cô !), thậm chí có những lỗi khá quan trọng do hiểu sai tiếng Việt, chẳng hạn như trong đoạn nói về cái ống vôi (sđd, tr. 78), các tác giả nhầm *ống vôi* với *Ông vôi*, nên dịch là *Monsieur Chaux* ! Thực ra, chỉ có từ *ống vôi*, là cái hộp hình ống có nắp, dùng để đựng vôi ăn trầu, thường được làm bằng bạc và để ở trong tráp, nơi các nhà khá giả. Còn cái *Ông bình vôi* mới là cái bình bằng sành hay bằng sứ, có quai, lâu ngày sử dụng bị các lớp vôi che lấp cả hình dạng ban đầu đi, thường được dân gian đặt ở các góc cây si, cây đa, nơi cửa đền miếu, và được coi như những vật thờ. Đó mới là cái *Ông bình vôi* được các tác giả dịch là *Monsieur Pot-à-chaux*.

Tạm gác sang một bên những ý kiến, nhận định cá nhân, rất đáng trân trọng của các tác giả, mặc dầu không khỏi nêu lên tranh cãi trên một số điểm, và một vài nhược điểm về mặt kỹ thuật đã nói ở trên, cuốn ARTS DU VIETNAM của Catherine Noppe và Jean-Francois Hubert có những ưu điểm không thể nào phủ nhận được về mặt biên khảo cũng như về mặt mỹ thuật.

Đây là một cuốn sách nghệ thuật không thể thiếu được trong tủ sách của những người muốn tìm hiểu những vấn đề văn hoá nghệ thuật của các dân tộc từ bao đời nay đã sống chung trên dải đất Việt Nam.

Văn Ngọc

Nguyễn Đình Thi trong tôi

Nguyễn Đình Thi ngoài tôi

HOÀNG CÀM

Lời giới thiệu

Chúng tôi đăng dưới đây một bài viết tưởng niệm Nguyễn Đình Thi của nhà thơ Hoàng Cầm.

Vì khuôn khổ tờ báo, ngoài đoạn mở đầu, chúng tôi chỉ trích đăng nửa thứ nhì của bài viết : phần này là một tư liệu bổ ích về văn học sử Việt Nam những năm 1950.

Anh Thi ơi !

Từ sớm nay đã cử hành tang lễ anh tại Hà Nội, nơi địa linh đã nuôi dưỡng và tạo nên biết bao nhiêu nhân kiệt cho dân tộc chúng ta, nơi chính anh đã để lại cho đời một khúc tráng ca duyên dáng hào hùng : “ Đây Hồ Gươm... Hồng Hà... Hồ Tây...” để hôm nay anh đi vào cõi phiêu diêu những Lý Thường Kiệt, Trần Thái Tôn, Nguyễn Trãi..., những Hồ Xuân Hương, Lê Ngọc Hân, Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều và lung linh những Tản Đà, Hàn Mặc Tử. Anh về cõi ấy, anh sẽ đứng đâu trong cái bầu hư vô xanh xám kia, chắc hẳn con cháu chúng ta sau này rồi sẽ nhận rõ.

Nhưng có thật là duyên nợ không, hay do hai người mang hai bản chất ngược chiều nên suốt 60 năm, mặc dầu có nhiều lúc rất gần nhau mà không hiểu sao, anh và tôi vẫn cứ trượt ra khỏi cái đáng lẽ ra phải có. Ngọn lửa tôi nhen lên chưa kịp ấm đã tắt. Tôi nâng tàu lá sen hứng vừa tròn một giọt sương mai, giọt sương thoát đã bốc hơi. Như trên biển lớn, thuyền nan tôi cố bơi đến với anh, thoát cái anh đã xa, vẫn nhìn thấy nhau mà xa, xa tít tắp. Khi viết bài này, tôi đã phải cố gắng nối lại sợi dây đứt quãng nhiều đoạn. Những trang tâm sự rất chân thực này, xin gửi với đất với trời, gửi đến hương hồn anh, hẳn anh sẽ chứng giám cho lòng thành của tôi, nếu có điều gì linh hồn anh khó chấp nhận cũng mong anh lượng thứ.

(...)

VII

Tháng Chạp năm 1955, tôi chuyển ngành, tạm biệt đoàn kịch nói Tổng Cục Chính trị mà tôi làm trưởng đoàn đầu tiên, khi đoàn văn công đã vượt quá ngưỡng trường thành, phải phân ra làm nhiều đoàn chuyên ngành: đoàn kịch nói, đoàn chèo, đoàn quân nhạc, đoàn ca vũ, đoàn nhạc giao hưởng. Tôi

được phân công làm trưởng đoàn kịch nói từ 1/1/1955. Cuối năm ấy (12/1955) vì một chuyện riêng sinh ra mâu thuẫn gay gắt giữa tôi và ông Cục phó Cục Tổ chức (cũng nằm trong Tổng Cục Chính trị) nên tôi đã chuyển ngành sang Hội Văn nghệ Việt Nam, tạm thời làm cán bộ trong Nhà xuất bản Văn nghệ, đọc và duyệt rồi đưa in những tác phẩm của anh chị em văn nghệ sĩ sáng tác trong thời gian kháng chiến chống Pháp.

Một sáng đầu năm 1956, anh Thi đến Nhà xuất bản Văn nghệ đưa cho tôi đọc tập thơ *Người chiến sĩ* tập hợp những bài anh sáng tác từ những ngày tháng đầu tiên của cuộc kháng chiến, và anh Thi yêu cầu tôi cho ấn hành ngay, càng sớm càng tốt. Tôi đọc xong, rất thú vị vì vẫn còn nguyên những bài thơ thể tự do mà lúc bấy giờ các anh Lê Đạt, Nguyễn Đình Thi... đặt thành một luận đề để tranh luận là *Thơ không vần* rồi hứng lấy thất bại. Bấy giờ (1956) mà in được những bài thơ cách tân ấy thì thật có lợi cho phong trào thơ và chỉ ít lâu nữa là có thể sánh vai bình đẳng với nền thơ các nước phương Tây. Sau khi để anh em ban biên tập của Nhà xuất bản đọc kỹ và thẩm định, ba ngày sau, tôi ký ngay phiếu xuất bản, gửi xuống nhà in Tiến bộ, tôi cũng quyết định ngay số lượng in tập *Người chiến sĩ* của Nguyễn Đình Thi là hai mươi ngàn cuốn ! (Hồi ấy, số dĩ thơ in được nhiều thế vì cơ quan phát hành của nhà nước sẽ phân phối sách đến các nhà sách nhân dân toàn miền Bắc rồi đến các thư viện từ trung ương đến các cấp tỉnh, huyện, xã, chưa kể một số lượng không nhỏ gửi sang Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa).

Tập bản thảo chép rất gọn, đẹp của anh Thi vừa đưa xuống nhà in Tiến bộ được hôm trước thì hôm sau tôi nhận được một cú điện thoại. Chuông máy điện thoại reo, giọng nói Huế rất êm ái, rất tình cảm của ông Lành đầu dây bên kia. Tôi tiếp chuyện :

- Vâng, Nhà xuất bản Văn nghệ đây. Tôi là Hoàng Cầm, thưa anh, có chuyện gì thế ạ ?

- Nghe nói, Nhà xuất bản Văn nghệ sắp cho in tập thơ gì đó của anh Nguyễn Đình Thi hi ?

- Thưa anh, đúng thế ạ. Tôi đã ký phiếu in và gửi cả bản thảo xuống nhà in Tiến bộ rồi ạ.

- Anh Hoàng Cầm hi ? Tôi đề nghị anh hoãn lại đừng cho in vội.

Tôi hơi sững sốt, tuy cũng cảm thấy vấn đề này có trực tiếp gì đó.

- Thưa anh, vì sao thế ạ ? Toàn thể anh em biên tập đã đọc và thấy tập thơ không có vấn đề gì sai trái với đường lối chính trị đâu ạ. Đó là một tập thơ tốt.

- Tốt thì có tốt, nhưng bây giờ in ngay rồi phát hành đến các tầng lớp quần chúng, nhất là công, nông, binh thì có khi lại hoá ra không tốt.

- Dạ, tôi chưa hiểu rõ ý anh về tập thơ ấy.

- Cũng đơn giản thôi, trừ một số bài, còn hầu hết là thơ không vần. Quần chúng đọc giả của ta hiện nay, trình độ cảm nhận thơ còn thấp, họ mà đọc tập thơ này, tôi tin chắc rằng họ

không hiểu, vì trước hết người ta khó thuộc, thơ gì mà lộn nhon, câu ngắn, câu dài tùy tiện. Quần chúng đã khó hiểu, không thuộc thì in ra có ích gì cho họ ? Thơ như vậy thì phục vụ ai ?

- Vâng, thưa anh, thế thì hoãn đến bao giờ mới in được ạ ?

- Hoãn là để anh Thi sửa lại đã, sửa cho có vần có điệu quen thuộc, người ta mới hiểu, mới thích đọc rồi mới có tác dụng tốt, để anh Thi chữa, muốn bao giờ xong thì xong. Có thể từ một đến ba tháng.

Đến đây, giọng ông Lành trong máy đột nhiên vui và rõ ràng hơn, tôi nghe cũng dễ hơn lúc trước.

- Nè, Hoàng Cầm, chừ tôi là một độc giả trình độ i tờ hi. Tôi thử đọc một bài không vần của anh Thi nhé. Anh nghe xem liệu độc giả là công nông binh, người ta có thích không hi ?

Rồi ông Lành đọc luôn một bài thơ không vần và quả thật có hơi trúc trắc về âm điệu ở đôi ba chỗ. Tôi nghĩ, nếu đúng độc giả là nông dân thì cũng không thể thích được một bài thơ như thế.

Tôi lại nói như để tán thành ý kiến người lãnh đạo cao nhất trong giới văn nghệ :

- Vâng, thưa anh, đúng như anh nói. Có đôi chỗ hơi lủng củng thật. Thôi để tôi cứ người xuống nhà in rút bản thảo về rồi trả lại cho anh Thi.

Lúc ấy giọng ông Lành êm dịu và ấm áp hẳn lên :

- Thế còn Hoàng Cầm có dự định in lại *Bên kia sông Đuống* không ? Bài thơ ấy tốt đó. Nông dân, công nhân người ta sẽ dễ nhớ đó. Thôi, cảm ơn Hoàng Cầm hi.

Sau buổi tôi nói chuyện với ông Lành, anh Thi đã đến ngay nhà xuất bản hỏi tôi để lấy lại bản thảo. Tôi làm như không có cuộc trao đổi với ông Lành về tập thơ *Người chiến sĩ*.

- Anh Thi ạ, tập thơ của anh, chúng tôi thấy rất “được”, có lẽ chính nó sẽ mang lại một luồng gió đổi mới cho chúng ta. Tôi đã đưa xuống nhà in rồi.

Anh Thi đáp, giọng buồn rầu, nhỏ nhẹ :

- Thôi Cầm cứ cho mình xin lại bản thảo, không in vội.

- Sao thế anh Thi ? Mình tưởng tập thơ thế là hoàn hảo rồi ? Cứ thế mà in. Tôi sẽ cho in rất đẹp và có thể mời họa sĩ Nguyễn Sáng hay Dương Bích Liên vẽ cho một phụ bản màu.

Anh Thi nài nỉ :

- Để mình sửa chữa lại. Thú thật, anh Lành đã có đọc tập thơ này, trong khi anh Lành chưa có ý kiến gì, mình muốn đưa cho Cầm để xuất bản thật nhanh. Nhưng gần đây, khi nghe nói mình đã đưa bản thảo xuống nhà xuất bản thì anh ấy gọi mình lên và khuyên mình nên sửa một số bài mà anh ấy cho là lủng củng. Vẫn là những ý kiến của anh ấy đã phát biểu trong kháng chiến. Mình đã tranh luận với anh ấy. Cuối cùng anh Lành vẫn bảo mình nên chữa lại cho độc giả công nông dễ hiểu, dễ thuộc. Thôi thì... người ta là lãnh đạo mà.

Tôi chỉ còn một cách rất thân mật nói với anh Thi :

- Chắc anh Thi cũng thừa lý luận để hiểu rằng, không ai sửa chữa thơ mình theo ý người khác, đâu người ấy là cấp trên. Nếu không thể cưỡng lại anh Lành thì anh cứ hoãn thật lâu, kiên quyết không sửa gì cả, đợi một lúc nào đó tình hình văn nghệ có biến chuyển tích cực, tôi sẽ lại đứng ra chịu trách nhiệm in cho anh. Đã là thi sĩ, hãy cố giữ cái bản sắc riêng, tội gì theo ý người khác để đánh mất bản ngã của mình ?

Anh Thi tần ngần đứng dậy, nói bằng một giọng kiên quyết tuy hơi yếu :

- Thôi, mai nhé... Tôi sẽ đến lấy bản thảo về. Mà có lẽ mình theo ý Hoàng Cầm, chưa xuất bản vội. Còn có chữa bài nào, câu nào là theo ý mình, chứ không theo ai cả.

Hơn một tháng sau, khoảng 5/1956, anh Thi lại cầm bản thảo *Người chiến sĩ* đến nhà xuất bản gặp tôi. Anh nói :

- Dẫu sao tôi cũng phải nhân nhượng ông Lành. Cũng không theo ý ông ấy hoàn toàn, nhưng vì tôi đã là đảng viên từ lâu, cũng không muốn tỏ ra điều gì khiến người ta có thể kết tội mình là bất tuân thượng lệnh hoặc như bây giờ người ta bảo mình là cố ý không chịu sự lãnh đạo của Đảng. Vậy mong Hoàng Cầm cho in thơ của mình theo bản thảo này.

Trong khi đưa tay vào cái túi vải đựng khá nhiều tài liệu để lấy ra cái bản thảo tập thơ mới sửa chữa, anh Thi còn nói thêm một câu khiến tôi cũng đâm ra hoang mang :

- Trí thức văn nghệ sĩ chúng mình đã đi với cách mạng vô sản thì ít nhiều cũng phải hy sinh cái bản ngã của mình dẫu là bản ngã tốt đẹp !

Thế là trong phút giây, tôi chợt nghĩ, Thi nói vậy có lẽ đúng chẳng ? Mà nói đến tinh thần cách mạng thì mình phải kém Thi rất nhiều chứ !

Anh Thi trao cho tôi tập bản thảo mới, giấy trắng, đánh máy đẹp, đóng bìa khá dày. Tôi cầm tập thơ, chỉ mới giờ vài trang đầu, đã thấy có gì gờn gợn trong người. Hóa ra anh chữa khá nhiều. Có bài đã rất vững vàng về ý, tứ, âm điệu, anh đã chữa toàn bộ thành ra đủ vần điệu kiêu cũ khiến tôi đã như bực bội. Chắc là lúc ấy, mặt tôi đỏ gay gắt và ngấm ngấm có một cái gì cứ trào lên nghèn nghẹn ở cổ họng. Tôi đã muốn nói thật to một câu gì đó cho đỡ bực, nhưng may quá, tôi nén lại được. Tôi kết thúc cuộc gặp bằng giọng nói bình thản, gần như vô hồn :

- Vâng, để cả ban biên tập chúng tôi đọc lại. Ba ngày nữa, tức là sáng thứ bảy này, mời anh đến thảo luận lần nữa về việc in tập thơ này.

Dẫu không tán thành việc anh Thi chữa thơ mình theo ý cấp trên, tôi cũng không dám chủ quan, đưa luôn tập *Người chiến sĩ* mới sửa chữa này đến tận tay anh em biên tập viên, yêu cầu mọi người đọc kỹ lại tập thơ rồi suy nghĩ kỹ, cho ý kiến riêng của mình để chiều thứ sáu tới thì hội ý chung trong toàn ban. Hôm ấy mới là sáng thứ hai, còn những bốn ngày để ba biên tập viên và tôi xem kỹ lại bản thảo. Khi giao nó cho anh em biên tập, tôi nhấn mạnh :

- Đừng ai lập lại ý kiến thẩm định của người khác. Độc

lập suy nghĩ, hết sức khách quan trước một tập thơ “ có vấn đề ”. Quả là có vấn đề lớn về thơ nói chung, cả về thi pháp, về trào lưu cách tân thi ca nói riêng nữa sau khi kết thúc chiến tranh, mở đầu giai đoạn xây dựng hoà bình.

Anh em biên tập đều làm việc rất có trách nhiệm. Các ý kiến nhận xét và thẩm định cũng có nhiều chỗ khác nhau. Đến chiều thứ sáu, khi hội ý chung thì trong ban biên tập và tôi (tôi thay mặt anh Tô Hoài - giám đốc bạn đi công tác xa) đã có ba ý kiến thống nhất với nhau :

1. Không nên xuất bản vì xem ra nó chẳng mới mẻ gì, thi pháp đã không có sáng tạo lại thật lười về những nếp cũ hơn những tập thơ trong phong trào thơ mới. Rất nhiều câu chữ đã sáo mòn.

2. Minh đưa in theo bản thảo này thì trước hết rất có hại cho chính anh Thi là một nhà thơ trẻ đang cách tân, hai là không lợi cho trào lưu đổi mới thi ca đang lên cao ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

3. Cứ cho in ra theo bản thảo nguyên tác. Ông Lành có không ưa thì chỉ có cách là mở ra một cuộc phê bình trên các báo “ đánh ” vào “ thơ không vần ”, thế thôi. Mà như thế càng tốt. Sẽ có những bài báo bênh vực sự cách tân thơ.

- Quá lên nữa thì anh Cầm bị chuyển sang công tác khác là cùng chứ gì ? Nếu vậy thì anh Cầm nghĩ sao ?

Tôi đáp lại cái thiện chí của anh em :

- Chả phải nghĩ gì cả. Số mệnh nó sắp đặt cho mình làm việc gì thì làm việc ấy. Miễn là đúng trách nhiệm công dân và đúng chức năng thơ mà ông trời đã đặt vào con người mình. Thậm chí ông Lành có cách chức mình thì mình cũng không sợ chết đói. Chỉ có khổ thôi (đến đây tôi cười nói bỏ bã cho tan cái không khí thảo luận nghiêm trọng từ phút đầu), nhiều khi, đau khổ lại sinh ra thơ hay chưa biết chừng.

Rồi tôi nói tiếp:

- Thôi, kết luận về tập thơ anh Thi nhé... Cứ trùng trình vài tháng nữa rồi ta in tập *Người chiến sĩ*. Cứ nói với mọi người là nhà xuất bản chịu trách nhiệm. Tránh cho anh Thi đỡ phải “ ăn đòn ”. Còn bản thảo mới thì không thể in được. Đồng ý cả chứ ?

Đồng thanh đáp lại câu hỏi kết thúc cuộc hội ý chiều thứ sáu ấy :

- Đồng ý mọi vấn đề.

Sáng hôm sau, anh Thi đến. Chúng tôi mời anh ngồi vào chiếc chiếu hoa giải ngay trên sàn gác. Anh Thi hỏi ngay đến quyết định của ban biên tập. Để tránh cho anh Thi đỡ phải nghĩ rằng Hoàng Cầm quyết định theo ý riêng của cá nhân mình, tôi đã dặn anh Đỗ Quang Tiến, biên tập viên truyện ngắn và ký sự, bút ký, phát biểu trước tiên với anh Thi, sẽ không ai có thể trách Ban Giám đốc Nhà xuất bản là thiên vị, hoặc định kiến, hẹp hòi...

- Thưa anh Nguyễn Đình Thi, ban biên tập chúng tôi đều đã đọc kỹ và cân nhắc kỹ cả hai lần bản thảo tập thơ *Người chiến sĩ* của anh. Chúng tôi thống nhất với nhau một ý kiến là có in thì in theo bản thảo nguyên tác anh đưa từ ba tháng

trước. Nó có nhiều bài hay và thi pháp đã có nhiều đổi mới. Còn bản thảo sau, anh chữa nhiều, anh trở về với nhiều hình thức cổ và cũ kỹ nên đọc thấy mất hay mà lại chóng chán, nên chúng tôi quyết định chỉ in theo bản thảo trước.

Anh Thi nói ngay :

- Anh em hiểu cho nỗi khổ tâm của tôi, nhưng xin các anh hãy chiều theo lòng mong muốn của tác giả. Lần sửa chữa vừa rồi anh Lành rất tán thành.

Một biên tập viên khác lại nói :

- Đồng chí Tố Hữu không phải là người quyết định những chương trình và chủ trương của nhà xuất bản, trừ phi đồng chí ấy cho chúng ta một cái “ lệnh ” bằng văn bản hẳn hoi.

Anh Thi cố gắng bảo vệ cho cái bản thảo sau của mình :

- Tôi nghĩ nhà xuất bản cứ cho in theo bản thảo mới này. Bởi vì xét đến cùng thì tác giả nào cũng chịu trách nhiệm về tác phẩm của mình trước công chúng và lịch sử.

Đến lúc ấy, mọi người đều im lặng vì hình như mấy lời vừa rồi của anh Thi nghe có vẻ có lý. Tôi đành phải lên tiếng :

- Anh Thi ạ, tác giả chịu trách nhiệm của mình trước lịch sử và công chúng thì đúng quá rồi. Nhưng còn nhà xuất bản thì sao ? Một nhà xuất bản mà cho ra đời những cuốn sách dở, chắt chắt hàng vạn, hàng triệu công chúng sẽ phê phán, chê trách, lịch sử cũng sẽ đánh giá thấp cả nhà xuất bản nữa chứ !

Anh Thi hé ra một cái cười hiền lành, nhưng ý kiến biên tập viên và ý kiến tác giả cứ kéo co mãi, dằng dai đến hơn nửa giờ nữa. Sau cùng tôi đành phải quyết định :

- Tôi đề nghị chấm dứt cuộc tranh luận ở đây, xin được kết luận như thế này, nghe xong, xin mời các đồng chí giải tán và không ai nói gì thêm nữa, vì nói mãi cũng chỉ có vậy. Nếu anh Thi đồng ý cho nhà xuất bản chúng tôi ấn hành tập thơ *Người chiến sĩ* nguyên tác của anh thì chúng tôi hoan nghênh và có thể tiến hành ngay việc in ấn. Còn nếu anh cứ khăng khăng đòi in nó theo cái bản thảo mà anh đã sửa chữa thì nhà xuất bản kiên quyết không in. Dẫu in hay không, bất luận hậu quả thế nào, tôi xin chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước pháp luật và trước công chúng.

Anh Thi có vẻ không được hài lòng, mặt biến sắc, anh cầm lại tập bản thảo mới sửa sang, rồi bỏ ra về không bắt tay tạm biệt anh em nào cả.

Đoạn kết

Có lẽ do việc không xuất bản tập thơ *Người chiến sĩ* mà từ đó khoảng cách giữa tôi và anh ngày càng xa thêm, rất xa. Rồi trong thực tế, một thời gian không lâu sau cái ngày thứ bảy giằng co quyết liệt ấy, số phận lại xui khiến thế nào mà tôi mắc vào “ vụ án văn học Nhân văn Giai phẩm ” khiến tôi bị kỷ luật đảng đảng 30 năm, từ năm tôi mới 37 tuổi, đến khi đầu đã bạc hết, răng đã rụng hết, Hội Nhà văn mới tổ chức để một số anh em tham gia phong trào “ nhân văn ” trước kia trở lại Hội (1988) sinh hoạt và làm việc có phần tự do và khoáng đạt hơn trước nhưng khôn nổi, già yếu cả mất rồi !

Riêng với anh Thi, tôi vẫn cứ tiếc và băng khuâng mà luôn nghĩ đến mọi quan hệ giữa người với người trong một cộng đồng, có lẽ đúng như điều mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã đúc kết thành một sáng tạo diệu kỳ về triết học quanh số phận con người : *Duyên và Số*. Ví dụ như chuyện vợ chồng là do duyên số, nói cụ thể hơn theo ý Phật là duyên nợ :

Mỗi người một nợ cầm tay

Đời trước nợ vợ, đời nay nợ chồng.

Thế thì bạn hữu, bạn trai, bạn gái cũng là do duyên số. Trong cõi đời chúng ta từ Tây sang Đông thiếu gì những đôi bạn trai nổi tiếng : thi sĩ Rimbaud và Verlaine ở Pháp thế kỷ XIX, rồi Mallarmé với Musset, Victor Hugo với Lanson. Ở Trung Quốc có Bá Nha - Tử Kỳ, ở Việt Nam xưa có Lưu Bình - Dương Lễ. Anh Thi với tôi, gần suốt thế kỷ XX hình như vào cái thuở ban đầu, hai người cùng rất trẻ, cùng chung niềm đam mê sáng tạo, qua nhiều lần gặp gỡ thân tình đều muốn thành bạn tri kỷ mà rồi cuối cùng vẫn là hai con số không to tướng đứng bên cạnh nhau. Là mệnh trời hay do tính cách ? Tôi chỉ muốn nhớ lại tính cách anh, như trên đã nói, trong con người anh có đến hai ba bản chất trái ngược nhau hoà thành một. Anh sinh ra, rồi trưởng thành với nhiều ước vọng. Trước tiên, từ Hội nghị Tân Trào, đó là *con người chính trị* ngự trị trong tâm hồn anh. Cách mạng tháng Tám thành công, có thêm *con người quyền chức*. Còn khi mới là cậu tú, anh sinh viên trường Luật, anh đã là *con người học giả*. Đến khi toàn dân ta phải chiến đấu chống xâm lược, *con người yêu nước* nồng nàn trong anh đã biến thành *con người của nghệ thuật*. Cả trong lĩnh vực văn hoá anh cũng đã phân thân. Anh chưa thoả mãn trong thơ, anh nhảy sang tiểu thuyết với tham vọng viết những Roman fleuve (trường giang tiểu thuyết) tưởng chừng có thể làm chấn động dư luận từ Bắc chí Nam. Chưa thoả mãn với tiểu thuyết, anh quay sang làm một kịch tác gia, viết liền bốn năm vở. Nhưng rồi anh vẫn không vừa ý, anh lại trở về với thơ, lại có lúc muốn làm một nhà phê bình văn học uyên bác. Lại không vừa ý, anh cứ loay hoay mãi với con đường quyền chức chính trị. Cũng không đi đến cái đích mà anh mơ ước thì tuổi già xồng xộc đến ngay trước mắt. Anh lại quay về với thơ, loay quanh mãi, hẫng anh nhiều lần tự hỏi ta đi về đâu ? Ta đã đến đâu ? Ai trả lời cho anh câu hỏi lớn ấy ngoài anh ra ?

Tôi biết, vào những ngày tháng cuối cùng trên cái cõi mang mang thế sự đầy bí hiểm này, anh Thi có những thời khắc suy tư đầy bi kịch. Anh vốn là một nghệ sĩ nhưng ít khi sống hết mình vì nghệ thuật. Về nhạc, anh đã sáng tác khúc ca *Người Hà Nội* rất quyến rũ, rất tình tứ mà cũng rất hùng tráng. Đáng lẽ ra anh nên dừng ở đó mà đào sâu vào cái vỉa quặng rất phong phú là âm nhạc thì tham vọng lại dẫn anh đi vào một thế giới mà anh tưởng có thể ôm chặt lấy được là thế giới văn xuôi, thế giới đời thường tưởng rất ngon ăn mà sao tiểu thuyết *Vỡ bờ* gần nghìn trang của anh lại hình như thừa thớt tiếng vang ? Máy cuốn truyện của anh nữa : *Xung kích*, *Vào lửa*, *Mặt trận trên cao* liệu còn dư vang gì trong lòng người đọc ? Anh cứ loay hoay như thế suốt hơn 60 năm cầm bút để rồi đi đến đâu ?

Ở anh có hai con người luôn giằng xé nhau bất phân thắng bại. Đó là *con người nghệ sĩ* và *con người quyền chức*. Không lúc nào anh thanh thản, không lúc nào anh được an nhiên tự tại cũng chỉ vì xung đột quyết liệt một mất một còn giữa hai con người đó. Vì thế mà anh sống trong một bi kịch thường trực, nó vò xé, cắn rứt lẫn nhau, không lúc nào ngưng nghỉ (trừ đôi lúc anh để tâm hồn trôi theo nhan sắc, nhưng ngay cả nhan sắc, hay nói rộng ra là tình yêu nam nữ, đôi khi cũng tưởng chừng muốn phát điên lên vì anh luôn thay đổi). Tuy anh cũng có một gia đình tưởng như đầm ấm nhưng tôi biết cuộc sống gia đình anh cũng chẳng mấy niềm vui. Ngay từ đầu đời, thơ là một trong mấy cái đích lớn mà anh say sưa hướng tới thì càng về cuối đời, thơ anh chỉ còn lẻ tẻ những bài văn xuôi ngắn ngủi, kể lẽ một vài điều bản khoăn, rồi rã trong tâm thế thất bại pha chút cay đắng gượng gạo làm vui. Rồi tan đi tất cả, anh lại trở về gặm nhấm cô đơn, tâm hồn anh nhiều năm đã trở thành bãi chiến trường ác liệt. Mà con người của thi ca nghệ thuật đã chịu thua. Dẫu anh cố vẫy vùng thì con người của quyền chức cũng chẳng đi tới chỗ mà anh mong ước. Vài ba năm trước khi anh qua đời, tôi thường bắt gặp nơi anh nỗi buồn bất đắc chí ấy, vì chỉ thấy anh buồn, ngay cả lúc anh nhận huân chương độc lập hạng nhất, tôi chạy lại bắt tay anh, mừng anh bằng một tấm lòng ưu ái chân thành, anh cũng lại cúi đầu nói nhỏ “ Có gì đâu ! ”, nét mặt vẫn buồn rã rợi, anh vội vàng lảng tránh, tôi càng thêm ái ngại cái nỗi riêng anh trong bấy nhiêu năm lận đận với những hào quang phụ, với những hư ảnh dối lừa, những hư vinh vô ích.

Tôi hiểu rõ anh lắm, thậm chí rất quý anh, nhưng khôn nổi, không hiểu vì đâu mà tôi với anh lại như mặt trăng với mặt trời, như nước với lửa, như thuốc kí ninh với vi trùng sốt rét. Có lẽ từ chuyện tôi từ chối không in tập thơ *Người chiến sĩ*, nên hỏi tôi vương án Nhân văn, anh đã ghép thêm cho tôi cái tội là “ lũng đoạn ” nhà xuất bản.

Ngoài bài ca *Người Hà Nội* mà tôi cho là một kiệt tác của anh, có lẽ sẽ sống lâu hơn cả thơ, văn, tiểu thuyết, kịch và các tiểu luận văn học mà anh đã bỏ ra nhiều công sức xây dựng, thì anh còn gì ? Hạnh phúc lớn nhất cho một con người, đặc biệt là con người nghệ sĩ, lúc về già còn tình yêu trong trái tim không tuổi. Về cuối đời, riêng tôi cũng lắm lúc tự buông thả mình vào đám bụi phở hè, ngồi say sưa với nhiều bạn trẻ, nhiều anh em thương tôi lắm nên tôi không thấy cô đơn nữa. Còn anh, tôi biết cũng cô đơn trống trải, nhưng con người quyền chức từ lâu đã không cho phép anh được chơi với tôi, và về già, được rong chơi như tôi, rong chơi hết mình với các “ chú em thi sĩ ”, với cả nhiều “ cô em thi sĩ ”, như tôi. Thế thì, Thi ơi, trước khi vĩnh biệt thế gian này, anh có buồn chẳng, có vui chẳng ? Anh sẽ “ ra đi ” thanh thoát hay còn vương mắc ?

Thực tình, cho đến hôm nay, hai phần ba thế kỉ đã trôi hững hờ trên quan hệ giữa anh và tôi, vâng, thật thế, khi tôi viết những trang tâm sự này tôi rất thương anh và thật tiếc cho anh.

Tháng 5/2003

Hoàng Cẩm

1. Tiếp cận

Hàn Thuý

Khoa học luận, tại sao ?

Với số này xin bắt đầu một loạt bài có tựa chung là “ thế giới quan khoa học ”, và hy vọng sẽ không với tay quá trán để có thể kết thúc một ngày không xa. Ý đồ của người viết là khảo sát và trình bày sự hình thành của tinh thần khoa học từ cổ sơ tới thời hiện đại. Tại sao không chỉ nói đến tinh thần khoa học hiện đại *như nó đang là*, mà lại đứng trên quan điểm lịch sử mà bàn về *sự hình thành* của nó ? Hiện nhiên một đặc điểm của khoa học là tính phi thời gian. Cái gì đúng cho ngày hôm nay thì vẫn đúng ba trăm năm (hay nói ba trăm triệu năm cũng được) trước : trái đất đã và vẫn tròn ; định lý Pythagore và nguyên lý Archimède đúng trước khi con người phát hiện ra chúng, và ngày nay vẫn còn hữu ích. Vậy lịch sử khoa học phải chăng chỉ có ích cho những nhà viết... sử khoa học ?

Rõ ràng là các thành quả khoa học có tính phi thời gian ; nhưng tinh thần khoa học là điều được hình thành trong tư duy con người, và nó có tính lịch sử. Tuy nhiên hình như việc coi nhẹ tinh thần khoa học vẫn lẫn lộn ở đâu đó trong các chương trình giáo dục : cho đến thời gian gần đây trên cả thế giới người ta vẫn chỉ dạy và học những thành quả của khoa học, dạy cái đúng, chứ không dạy cách làm thế nào để tìm ra cái đúng, và nhất là làm gì để tìm ra những cái đúng cần thiết. Sự truyền bá về phương pháp tư duy và về tay nghề này hình như chỉ được làm một cách gián tiếp, qua kinh nghiệm của thầy, qua môi trường sống và làm việc... theo câu ngạn ngữ Pháp “ cứ rèn đi thì sẽ thành thợ rèn ”.

Tại sao vậy ? lý do hiển nhiên là thời gian eo hẹp. Cho dù chỉ phải đi xa trên một trong rất nhiều bộ môn, quãng đời đi học của người thanh niên cứ dài mãi ra. Năm năm hay mười năm mà đứng quần trong giảng đường đại học cũng chỉ đủ cho hần học hỏi những kết quả thiết yếu của mấy trăm năm tiến bộ trong một ngành. Trong vòng trên dưới hai chục năm phải học hỏi về thành quả của một quá trình mấy trăm năm (nếu không muốn nói là mấy nghìn năm) của cả nhân loại, thì làm sao có thì giờ học về những mảy mò của tiền nhân ? làm sao biết *họ đã sai ra sao ?* cho dù câu hỏi này hiển nhiên rất có ích về mặt phương pháp luận, vì cũng hiển nhiên là trong những mảy mò của con người để trả lời những câu hỏi thực sự mới thì sai lạc hay bế tắc là quy luật, hần hữu mới có một lần tương đối mới và đúng. Một lý do nữa là cái phương thức giáo dục này cho đến nay vẫn tỏ ra hiệu quả, ít nhất trong những bộ môn trừu tượng ít gắn liền với thực tế : “ cứ làm toán đi thì sẽ giỏi toán ” vẫn đúng với những người có khiếu. Còn không thì nên chọn nghề khác, cũng may là phần lớn người ta chỉ thích làm những việc người ta làm được.

Tuy nhiên với phương cách giáo dục cổ điển này dễ thấy là sinh viên trong các nước đang phát triển rất bị thiệt thòi : quả vậy, sinh viên các đại học tại Âu Mỹ đắm chìm trong một

môi trường khoa học thực sự, với truyền thống, với quá khứ nghiên cứu khoa học lâu đời, và với cả những bậc thầy cũ và mới đã là các bác học nổi danh và có thể vẫn còn đang nghiên cứu tại trường... vì thế sự truyền bá tinh thần và phương pháp luận khoa học được đảm bảo một cách sống động, “bất thành văn”. Trong khi điều này rất hiếm có tại các nước đang phát triển, do rất ít các bậc thầy kiệt xuất cố gắng làm việc ấy với rất nhiều khó khăn, vì không những nó “ngoài chương trình”, mà còn vì nó đòi hỏi một môi trường cởi mở và tự do tư tưởng, cũng rất hiếm có trong các nước đang phát triển. Trong điều kiện ấy việc sắp xếp lịch sử và phương pháp luận khoa học thành một môn học chính quy là cần thiết. Dù như thế không thể bằng sự truyền bá văn hoá khoa học trực tiếp trong môi trường giảng dạy nghiên cứu theo truyền thống, nhưng có còn hơn không.

Ngay cả với những lợi thế truyền thống bất thành văn, trong các nước đã phát triển càng ngày người ta thấy càng rõ ràng là cái học “thành văn” về phương pháp luận ít ra cũng quan trọng ngang cái học về kết quả, và thật sự hai khía cạnh này bổ sung cho nhau trong một thời đại mà kiến thức tích tụ càng ngày càng nhiều. Do phải học suốt đời, và do đó tự học là chính, sau khi đã được đào tạo về căn bản và về phương pháp luận. Sau nữa trong thời đại ngày nay các vấn đề ngày càng phức tạp và đòi hỏi nghiên cứu liên ngành. Như thế những người cùng nghiên cứu phải nắm bắt được cái cơ bản trong những lĩnh vực khác, của những người cộng sự ; và họ phải có được đồng thuận tối thiểu, “thành văn”, về những chuẩn mực khoa học.

Ý thức về sự cần thiết của một văn hoá khoa học hoàn chỉnh hơn cho người công dân thế giới tương lai đã khiến cho bộ môn khoa học luận, hay triết lý khoa học, (épistémologie, philosophie des sciences) ; mà các nội dung chính có liên hệ chặt chẽ với nhau là lịch sử khoa học, tinh thần khoa học, và phương pháp luận khoa học ; trở nên có tầm quan trọng đặc biệt. Bộ môn này đang được khuyến cáo đưa vào chương trình đại học của cả các ngành khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội, và điều này đã được nhiều đại học trên thế giới thực hiện.

Dù không đi vào cuộc cãi vã duy tâm / duy vật “ *khi phân tích đến tận cùng* ” câu hỏi : “ *cái phần nhận thức đó, là nguyên nhân, hay là hậu quả của những thay đổi về kinh tế xã hội ?* ” ; ai cũng có thể chấp nhận có ảnh hưởng qua lại giữa nhận thức con người và môi trường tự nhiên và xã hội trong đó hần sinh sống. Vì vậy giáo dục về tinh thần khoa học là một việc rất có ích cho tiến bộ xã hội, dĩ nhiên đây không phải là điều duy nhất cần có trong nền giáo dục mới.

Ngược dòng lịch sử

Nhưng khi suy nghĩ cận kề thế nào là tinh thần khoa học thì câu trả lời không đơn giản. Tinh thần phải được cụ thể hoá thành những nguyên lý, được chấp nhận như sự thực đầu tiên, và thành những nguyên tắc hành xử, được coi như những dẫn dắt hiệu quả nhất trong hoạt động cụ thể... Thế mà những nguyên lý và nguyên tắc này phải đâu đã rõ ràng trên giấy trắng mực đen. Hiện nay, khi mà hoạt động khoa học đã trở thành đối tượng của học thuật từ hơn một thế kỷ, vẫn còn những trường phái khoa học luận khác nhau.

Thực ra thì trước khi có các khủng hoảng về nền tảng của toán học và vật lý học, và trước những Hiroshima, những hiệu

ứng nhà kính, v.v. đã khiến cho các nhà khoa học cũng như các triết gia đặt lại câu hỏi : *thế nào là khoa học ? khoa học kỹ thuật có thể giải quyết mọi chuyện hay không ?* ; trong thời hoàng kim của khoa học cổ điển từ cuối thế kỷ 17 (với nguyên lý vạn vật hấp dẫn của Newton) đến cuối thế kỷ 19, đã có một sự nhận định rất đồng thuận về khoa học, cùng với niềm tin sắt đá vào khả năng to lớn của nó đem lại hạnh phúc cho loài người. Thời hoàng kim này thoát thai và lớn mạnh trong một giai đoạn kéo dài cả một thế kỷ (từ đầu thế kỷ 17 nếu lấy năm 1600, năm Bruno bị hoả thiêu, làm mốc), trong đó tư duy thuần lý đã phải tranh đấu để thoát ra khỏi những quan niệm giáo điều thời Trung cổ đã bị thực tế phủ nhận, tuy vẫn là cơ sở của quyền lực tinh thần.

Vậy có phải trước thế kỷ 17 thế giới chưa có khoa học ? Nếu coi khoa học như một nỗ lực để hiểu biết một cách hoàn chỉnh, có hệ thống và có hiệu quả về thế giới, với những phương pháp nghiên cứu và đội ngũ nghiên cứu chuyên nghiệp như hiện nay, thì đúng là như thế. Nhưng thế kỷ ánh sáng, cũng như thời đại phục hưng (cả về văn hoá lẫn về đời sống vật chất, kỹ thuật) của Âu châu trước đó, không phải từ trên trời rơi xuống. Nó là kết quả của cả một quá trình tích lũy, khám phá và du nhập những tiến bộ kinh tế, kỹ thuật, tổ chức xã hội... tiệm tiến trong nhiều thế kỷ trước... trong đó những nỗ lực để hiểu biết và cải tạo thế giới tự nhiên cũng như xã hội không bao giờ vắng mặt, tuy có thể không tự giác và không có hệ thống hoàn chỉnh. Vậy cái gì đã tiềm tàng để sẽ trở thành “*tinh thần khoa học*” trong thời hiện đại ? Và nếu nhìn về Trung Quốc của thế kỷ 13 chẳng hạn thì họ có “*tinh thần khoa học*” không ? khi mà đời sống vật chất cũng như trình độ kỹ thuật và tổ chức xã hội cao hơn ở Âu châu cùng thời một mức đáng kể.

Và như thế cứ đi ngược thời gian người ta sẽ thấy có những giai đoạn tiến bộ đột phát, và ở khoảng giữa là những giai đoạn tiến triển chậm chạp và kéo dài. Những giai đoạn lịch sử đột phát đó cũng bao gồm những thay đổi sâu rộng về mọi mặt trong đời sống xã hội ; trong đó việc cái nhìn của con người trước xã hội và thế giới tự nhiên trở nên “*khoa học hơn*” chỉ là một khía cạnh.

Đột phát, thì chỉ khởi đi từ một chỗ, khó có điều gì tự nhiên đột phát ở nhiều nơi trên thế giới, có lẽ đặc biệt trừ giai đoạn cổ đại, khi các nguồn tư tưởng lớn như Phật, Lão, Không, các triết gia Hy Lạp... nảy sinh ở Trung Quốc, Ấn Độ, Hy Lạp, chỉ trong vòng vài trăm năm. Có thể cho rằng khoa học kỹ thuật hiện đại chọn châu Âu để nảy sinh là do một tình cờ lịch sử nào đó. Nhưng nói như thế là gạt bỏ vấn đề một cách quá dễ dãi, vì dù sao, nhất là đối với những vùng văn minh ngoài châu Âu, câu hỏi cần đặt ra là : “*tại sao cách mạng khoa học kỹ thuật đã bùng nổ tại châu Âu mà không ở những nơi khác ?*” Quan trọng cũng như câu hỏi “*tại sao Hy Lạp ?*”, đối với sự hình thành của tư duy thuần lý, một đột phát khác. Vì nếu vẫn còn những rào cản về văn hoá, trong tâm thức, hay trong tổ chức xã hội ... làm ngăn trở sự bùng nổ đó thì cũng nên nhận diện chúng, trong chừng mực chúng vẫn còn tác hại trên sự tiếp thu khoa học.

Những nhận định rất tổng quan và sơ sài trên đây cho thấy cần chấp nhận tinh thần khoa học là điều thay đổi theo dòng thời gian và không gian, mặc dù có một hạt nhân bất biến ngày càng hiển lộ. Và như thế hiểu biết về lịch sử khoa học đã diễn ra trên cả thế giới sẽ soi sáng cho những hiểu biết cần

thiết cho tinh thần khoa học hiện đại. Cả vấn đề là làm sao trả lời câu hỏi : “*thế nào là tinh thần khoa học*” cho quá khứ, khi nhà làm khoa học không hề thấy cần thiết phải nhìn lại mình, cũng không hề bị quan sát dưới con mắt phân tích của các triết gia ; và trong quá khứ xa hơn nữa, không hề tự nhận thức như một “*nhà khoa học*” ?

Thế giới quan khoa học

Thí dụ như thái độ “*duy khoa học*” của một Voltaire, một Diderot... coi rằng có thể thiết lập một nền đạo đức dựa trên khoa học, dưới cái nhìn phê phán hiện đại còn có phải là một thái độ... khoa học hay chẳng ? Và ngược lại, không thể không thấy có một cái gì rất khoa học tiềm ẩn trong những thử nghiệm và những phát minh kỹ thuật của một Leonard de Vinci (1452 - 1519) chẳng hạn ; hay trong phát minh máy in đúc chữ rời năm 1440 của Gutenberg, mà ảnh hưởng trên văn minh thế giới là không thể lường được. Mặc dầu thực ra người Hàn Quốc đã phát minh phương pháp in sắp chữ đúc rời bằng đồng trước đó rất lâu (một trong những bản in cũ nhất là một bộ kinh Phật có niên đại 1377 hiện đang được giữ tại Thư viện quốc gia Pháp).

Vậy trong chữ “*lịch sử khoa học*” ta cần hiểu “*khoa học*” trong nghĩa rộng nhất của nó, thay đổi theo và gắn liền với lịch sử. Như thế nó bao gồm cả mặt thực dụng, như một cố gắng duy lý không tự phản tỉnh, nằm đằng sau những phát minh kỹ thuật “*tự phát*” ; và nó bao gồm cả mặt tư tưởng trừu tượng, trong những suy tư triết học bao quát. Vì trước thời hiện đại thì không có sự chuyên môn hoá và khu biệt hoá giữa những người làm khoa học và những triết gia. Tư tưởng nào thuộc phạm vi khoa học và tư tưởng nào nằm ngoài phạm vi ấy... cũng là điều khó rạch ròi.

Nếu rút ra từ thí dụ trên một vấn nạn về phương pháp luận, thì có thể nói điều rất khó để tìm hiểu quá khứ là chúng ta cần một công cụ phân tích chung qua các thời đại, công cụ này chỉ có thể là những hiểu biết hiện có. Nghĩa là ta cần và chỉ có thể dựa trên những hình thức tư duy, cảm nhận và sinh hoạt hiện tại để làm chỗ dựa cho việc khảo sát quá khứ ; trong khi đó thì những khái niệm và ngôn từ thừa hưởng từ quá khứ nhiều khi đã thay đổi ý nghĩa rất nhiều. Do đó câu hỏi thường trực khi nghiên cứu lịch sử tư duy là : những hình thức tư duy trong quá khứ giống hay khác cách hiểu và cảm nhận hiện tại của chúng ta như thế nào. Và ngược lại, dấu vết của những hình thức tư duy quá khứ có thể vẫn còn ngự trị hay ảnh hưởng tới văn hoá khoa học hiện đại như thế nào ? Câu hỏi này có tầm quan trọng đặc biệt cho công việc “*gạn đục khơi trong*” của tinh thần khoa học. Nói như vậy không có nghĩa phải gạt bỏ tất cả những yếu tố không thuần lý đang tiềm ẩn.

Vậy chúng ta phải chấp nhận một phương pháp luận *hình như* luận quần : dựa trên thế giới quan khoa học *như hiện có* để tìm hiểu sự hình thành của nó qua lịch sử. Chỉ *hình như* thôi, vì như đã nói ở trên, các thành quả khoa học là phi thời gian và phi không gian, trong nghĩa đó khoa học hiện đại có khả năng hiểu bao quát quá khứ, và ngược lại thì không. Quên điều đó thì sẽ rơi vào tương đối luận, một thứ xa xỉ trong các *salon* Âu Tây mà người trí thức của các nước đang phát triển nếu chạy theo thì thật chưa thoát khỏi đầu óc bị trị : tại sao đã bị trị ? nếu không vì khoa học kỹ thuật thua kém ?

Cái tinh túy, cái cốt lõi tối thiểu được mọi nhà khoa học chia sẻ hiện nay có lẽ có thể được phát biểu một cách ngắn

gọn, như sau : *có một thế giới khách quan hiện hữu độc lập với con người, thế giới đó biến chuyển theo những quy luật nhân quả mà con người có tiềm năng hiểu được.* Tóm lại, đó là một *thế giới quan khoa học.* Thế giới quan đó không thường trực nằm trong mọi tư duy, cảm quan và xử thế của con người. Nhưng nó lại có thể nằm ngay trong bản thân những người phủ định nó, nếu đào sâu một chút người ta có thể thấy nó ở những chỗ bất ngờ nhất. Việc người phủ thủy lên đàn câu đảo, khẩn bái thần linh để cho mưa xuống có gì là khoa học không ? Không ư ? Tại sao câu mưa, nếu không biết rằng mưa là nhân, mà mùa màng tốt tươi là quả ?

Sự hình thành thế giới quan khoa học, lộ trình

Có thể chia lịch sử loài người nói chung thành một số thời đại, và có lý do để tin tưởng rằng lịch sử khoa học cũng đi sát với sự phân chia ấy :

1) Thời tiền sử : từ khi hình thành con người sinh lý hiện đại (homo sapiens) đến khi có chữ viết. Thời kỳ này được coi như bắt đầu cách đây khoảng 100 nghìn năm, cho đến cách đây khoảng 5000 năm, với nền văn minh Sumer, lần đầu tiên có chữ viết mà ta được biết. (Xem Diễn Đàn số 130 ; Văn Ngọc, Sumer 5000 năm sau).

2) Thời tiền cổ đại : Các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà... từ - 3000 (3000 năm trước công nguyên) cho đến khoảng -600, bắt đầu nền văn minh Hy Lạp, và trước khi nảy sinh các hệ tư tưởng lớn (Hy Lạp, Ấn Độ, Trung Quốc).

3) Thời cổ đại : Hy Lạp, Trung Quốc, Ấn Độ : từ - 600 đến thế kỷ thứ 5 (tàn lụi của đế quốc La Mã).

4) Thời tiền cách mạng khoa học : Trung cổ, văn minh Ả Rập ; từ thế kỷ thứ 5 đến thời Phục Hưng.

5) Thời Phục Hưng và cách mạng khoa học : thế kỷ 15 - 17.

6) Thời hoàng kim của khoa học cổ điển : thế kỷ 18, 19.

7) Thời hiện đại : thế kỷ 20.

Trong mỗi thời đại ta có thể khảo sát những miền tư duy quen thuộc hiện nay để trả lời những câu hỏi về sự hiện hữu của chúng, và về cách hiểu của người xưa khác với người nay như thế nào, trong mỗi miền :

- tư duy khoa học
- tư duy về tổ chức xã hội và kinh tế
- những hoạt động công nghệ và kỹ thuật
- tư duy triết học
- tư duy về nghệ thuật
- tình cảm tôn giáo
- sáng tạo, ghi nhớ và truyền bá các huyền thoại
- sáng tạo và cảm nhận về nghệ thuật
- tư duy ma thuật, thần bí
- những hoạt động thủ công

Một thí dụ : trong danh sách những hoạt động tư duy kể trên thì người tổ tiên xa nhất của chúng ta (tổ tiên thực sự trong nghĩa sinh lý, tức là nếu sống lại có thể lấy vợ lấy chồng và đẻ con với người hiện đại, ước lượng đã sống cách đây khoảng 100 000 năm) không làm gì có tất cả. Nhưng ít ra là đã có ba dòng cuối. Về mặt nghệ thuật, chỉ cần nhìn những bức tranh tuyệt đẹp trong động đá. Ảnh hưởng hỗ tương của việc sáng tạo những công cụ thủ công như cái rìu đá, cái lao... trên văn hoá con người là điều đã được nói đến nhiều. Tư duy ma thuật là một khái niệm phức tạp, nảy sinh sớm và sống dai

đẳng, mãnh liệt, với loài người cho tới nay. Nếu hình thức tư duy này hoàn toàn vô hiệu quả và vô ích thì đã bị đào thải từ lâu. Không phải chỉ có việc phủ thủy cầu mưa, chiêm tinh học đã đẻ ra thiên văn học, và *thuật hoá kim* (H.T. đề nghị cho chữ *alchimie*) đã đẻ ra hoá học.

Hàn Thuỷ

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và

tên :

Địa chỉ :

.....

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS.

Châu Âu thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) để tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE,

Numer Banku :10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND để tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* để tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

NĂNG LƯỢNG HOÀN NGUYÊN

ĐẶNG Đình Cung

Nhập đề

Hiện nay Việt nam có tỷ lệ độc lập về năng lượng là 120. Tỷ lệ đó có nghĩa là cán cân ngoại thương về năng lượng rất thuận lợi, kim ngạch nhập khẩu 100 thì xuất khẩu 120, một tỷ lệ ít quốc gia trên thế giới có thể đạt được⁽¹⁾. Ưu điểm này là nhờ dầu và khí ở các mỏ hy-drô-cac-bua ngoài khơi Biển Đông.

Nhưng ưu điểm đó sẽ không tồn tại được lâu vì ba lý do. Thứ nhất là trữ lượng những mỏ hy-drô-cac-bua của ta rất eo hẹp. Thứ hai là phát triển kinh tế sẽ quy định phát triển của nhu cầu năng lượng. Với đà phát triển kinh tế kỹ lục hiện nay của nước ta thì nhu cầu về năng lượng sẽ gia tăng mạnh. Thứ ba là nước ta đang cơ giới hóa nông nghiệp và phát triển những ngành kỹ nghệ tiêu thụ nhiều năng lượng như là xi măng, thép,... Suy ra, tiêu thụ năng lượng của nước ta gia tăng với một tỷ lệ mạnh hơn là tỷ lệ tăng trưởng kinh tế. Vì ba nguyên do đó, chỉ trong vài năm nữa chúng ta sẽ là một nước nhập siêu về nhiên liệu. Trung quốc đã trở nên một quốc gia như vậy và Indonesia cũng đang đi vào con đường đó. Hiện nay Công ty Dầu Khí Việt nam đã bắt đầu đi khảo sát mỏ ở những nước bạn như là Algeria.

Nhiều người tự đặt câu hỏi liệu năng lượng hoàn nguyên⁽²⁾ có thể giải quyết vấn đề tiêu thụ năng lượng của nước ta không. Để tham luận, bài này sẽ trình bày một số năng lượng hoàn nguyên các sách báo thường đề cập đến và khả năng đóng góp của chúng vào nhu cầu năng lượng của nước ta.

Thủy lực

Thủy lực có ba công dụng : chống lũ và hạn hán, sản xuất điện và điều tiết lưu lượng nước cho canh nông, du lịch giải trí và vận tải theo dòng sông. Vì thế mà khả năng sinh lợi của một dự án đập thủy điện không phải chỉ vốn vẹn ở khâu sản xuất điện.

Những công trình thủy lực rất là đa dạng.

Chúng ta có thể phân biệt một dự án thủy lực theo thời gian tích trữ nước trong hồ chứa nước : một hồ có thể chứa đủ để tháo nước trong một năm hay hơn nữa, hay một tháng hay một ngày hay một vài giờ. Tùy theo khả năng trữ nước đó và sự điều hòa của những dòng sông chảy vào hồ mà chúng ta có thể nói rằng công trình có dễ bị ảnh hưởng của thời tiết hay không.

Để chọn loại tua-bin của ổ phát điện thì chúng ta có thể phân biệt theo chiều cao của thác nước. Những công trình có thác nước hơn một trăm mét thường dùng loại tua-bin Pelton. Những công trình có thác nước từ một trăm mét đến vài chục mét gọi là công trình có thác vừa. Những công trình này thường dùng đến tua-bin loại Francis. Những công trình có thác nước từ vài chục

mét trở xuống gọi là công trình có thác thấp. Những công trình này thường dùng đến tua-bin loại Kaplan.

Chúng ta cũng có thể phân biệt một dự án thủy lực theo công suất của nhà máy điện. Ở trên thế giới có chừng hai trăm nhà máy công suất hơn 1.000 MW (một triệu kilô watt) gọi là thủy điện rất lớn nhưng cũng có cả nghìn công trình lớn nhỏ từ vài trăm nghìn kilô watt đến vài trăm kilô watt (gọi là thủy điện nhỏ) và vô số công trình có công suất nhỏ hơn (gọi là thủy điện cực nhỏ).

Công nghệ của những tua-bin tùy ở công suất chứ không tùy ở loại tua-bin. Những công trình thủy điện nhỏ hay cực nhỏ cần đến công nghệ xoong chảo tương đối đơn sơ. Những công trình vừa cần đến các công nghệ xoong chảo, luyện kim và thủy động học tinh luyện hơn giống như công nghệ đóng tàu trọng tải vài trăm tấn trở lên. Còn những công trình lớn hơn thì cần đến công nghệ đặc biệt của ngành thủy điện lực. Ngoài ra việc xây đập thì cần đến những kỹ thuật xây dựng. Thường thì một xí nghiệp có hợp đồng thực hiện một dự án thủy điện chỉ quản lý và kiểm tra việc xây dựng chứ còn thực hiện thì giao công cho những xí nghiệp hay dân địa phương.

Khả năng áp dụng ở Việt nam

Tiềm năng thủy điện ở nước ta rất là phong phú. Điều đó rất là dễ hiểu. Nước ta mưa nhiều và có núi cao hiểm trở. Nước mưa rơi trên đỉnh núi chảy xuống biển qua những thung lũng hẹp. Chúng ta chỉ cần xây một đập tương đối nhỏ là đủ có một trạm phát điện. Hiện nay hơn một nửa diện tích tiêu thụ ở Việt nam là thủy điện.

Ở những miền thượng du Tây bắc đồng bào thiểu số dùng những tua-bin loại Kaplan chế tạo trong nước gắn vào một ổ phát điện vài kilô watt để có điện dùng trong sản xuất và sinh hoạt trong gia đình. Để dân chủ động chế tạo như vậy là một điều phung phí sức lao động và tiền của.

Đáng lý ra thì chúng ta phải bắt đầu khai triển những nhà máy thủy điện nhỏ và trung bình. Vấn đề xây đập và kênh dẫn nước hay ống dẫn nước không cần phải đặt ra vì kỹ sư Việt nam rất thông thạo những việc này. Khâu cần phải khai triển là bộ tua bin, phát điện và điều hành. Như nói ở trên, công nghệ cần thiết để khai triển điện lực nhỏ và cực nhỏ thì từ đơn sơ đến đơn giản. Để tiết kiệm công thiết kế, để giảm giá thành cũng như gia tăng độ tin cậy của máy, chúng ta có thể thiết kế và sản xuất những bộ có công suất đã được tiêu chuẩn hóa từng bậc 1 kW, 5 kW, 10 kW,... cho tới 10.000 kW. Chúng ta có thể bắt đầu bằng những bộ cực nhỏ. Sau đó tích lũy kinh nghiệm để thiết kế và sản xuất những bộ càng ngày càng lớn. Thị trường quốc nội cũng như là quốc ngoại đủ bảo đảm tính khả thi của một xí nghiệp chuyên về những bộ thủy điện này.

Những người cầm quyền thì chỉ thích xây những công trình trong số lớn nhất nhì thế giới : đập Hòa bình, đập Sơn La,... Như mọi công trình thủy điện, những công trình đó sẽ đem lại một nền tự chủ về năng lượng nhưng không đóng góp được gì cho sự phát triển công nghệ và công nghiệp cho nước ta.

Năng lượng mặt trời

Ngoài năng lượng hạt nhân và năng lượng địa nhiệt ra thì tất cả những năng lượng nhân loại hiện đang dùng là một dạng của năng lượng mặt trời.

Lưu lượng ánh sáng mặt trời phát ra đạt tới địa cầu với cường độ một kilô watt mỗi mét vuông. Như vậy có nghĩa là, nếu bạn cần 10 kW để sưởi căn hộ của bạn và cho chạy vài đồ gia dụng thông thường, thì bức tường nhà bạn đủ để hấp thụ tất cả sức mạnh cần thiết. Nhưng bạn có thể làm được như vậy trong hai điều kiện tối ưu là bức tường thẳng góc với bức xạ mặt trời, và ánh sáng từ mặt trời không bị mây hay bụi bặm hấp thụ một phần. Hai điều kiện đó ít khi được thỏa mãn. Mùa đông, khi mặt trời mọc và nếu bức tường của bạn được xây thẳng so với mặt đất thì ánh sáng mặt trời sẽ không thẳng góc với bức tường của bạn. Trừ khi bạn xây nhà ở giữa sa mạc và với điều kiện không có bão cát thì lúc nào cũng có một phần ánh sáng mặt trời bị tiêu hao trước khi đạt tới bức tường của bạn. Ngoài ra, ban đêm thì bạn không có mặt trời. Nói tóm lại, để có 10 kW một cách liên tục thì bạn cần từ 100 đến cả nghìn mét vuông và một hệ tích trữ năng lượng lớn nhỏ tùy địa phương bạn ở và thời điểm bạn cần có năng lượng so với thời điểm có ánh sáng mặt trời.

Chúng ta có thể hấp thụ năng lượng mặt trời dưới dạng nhiệt lực hay điện lực.

Sử dụng dưới dạng nhiệt

Chúng ta thường nhận thấy rằng khi đi ngoài nắng mà mặc quần áo màu đen thì cảm thấy nóng nực hơn là khi mặc áo màu trắng. Hiện tượng đó là hiệu ứng một đặc tính vật lý theo đó những diện tích màu thâm hấp thụ ánh sáng nhiều hơn là những diện tích màu sáng. Vì thế mà những ông cổ đạo Âu châu sang châu Phi hay Đông Dương thì mặc áo màu trắng và được gọi là Pères Blancs.

Áp dụng đặc tính đó thì chúng ta có thể biến tia sáng mặt trời thành sức nóng bằng cách hướng về phía mặt trời một diện tích màu thâm, tốt nhất là màu đen. Mặt trời sẽ hâm nóng diện tích và chúng ta chỉ cần cho nước chảy trên mặt hay đằng sau diện tích đó là sẽ có nước nóng. Chúng ta cũng có thể thổi khí qua diện tích đó là có được khí nóng.

Làm như vậy chúng ta có thể đun nước nóng để dùng trong mọi việc cần đến nước nóng như là tắm rửa, giặt giũ, rửa bát,... Với khí nóng thì chúng ta có thể sưởi ấm nhà cửa, phơi khô quần áo, xây sản phẩm nông nghiệp hay công nghiệp,... Với một mặt phẳng thì chúng ta chỉ có được tối đa một kilô watt mỗi mét vuông và có được một nhiệt độ giới hạn ở vài chục độ Celsius. Những áp dụng đó gọi là năng lượng mặt trời nhiệt độ thấp. Phương pháp tiếp thụ năng lượng mặt trời như vậy thật là đơn giản, có công suất cao và rẻ tiền. Vì thế mà những áp dụng của năng lượng mặt trời rất là phổ thông.

Nếu muốn có nhiệt độ cao hơn thì chúng ta có thể dùng những gương phản xạ để tập trung những tia mặt trời ở một diện tích nhỏ. Phương pháp này cho phép sản xuất hơi nước ở nhiệt độ và áp suất cao. Có nhiều lò mặt trời đạt đến những nhiệt độ mấy trăm, thậm chí gần một nghìn độ Celsius. Những áp dụng năng lượng mặt trời ở những nhiệt độ đó gọi là năng lượng mặt trời nhiệt độ cao. Kinh nghiệm cho thấy rằng những áp dụng năng lượng mặt trời ở nhiệt độ và áp suất cao không có kinh tế mấy vì cần đến một số kỹ thuật phức tạp.

Sử dụng dưới dạng điện

Sử dụng điện dưới dạng điện lực dựa trên đặc tính quang điện của những nguyên liệu bán dẫn : chiếu một tia sáng lên diện tích

một vật bán dẫn thì tạo ra một hiệu số điện thế. Chúng ta có thể dùng đặc tính đó để sản xuất điện từ những tia sáng mặt trời.

Công suất biến đổi năng lượng ánh sáng thành điện lực rất thấp, khoảng chừng bảy tám phần trăm. Công nghệ bán dẫn tiến bộ rất mau nhưng hiện những chất bán dẫn có công suất cao nhất cũng chỉ đạt được 12 % là cùng. Điều nữa là giá thành của một mét vuông bán dẫn dùng để biến đổi năng lượng rất là cao và những bình ac quy dùng để tích trữ điện vẫn còn đắt lại không đáng tin cậy. Vì thế mà dùng năng lượng mặt trời để sản xuất điện một cách đại trà chưa phải là một việc thực tế.

Vì thế mà người ta hạn chế việc biến đổi năng lượng của ánh sáng ra điện trong những áp dụng tiêu thụ ít điện như là máy tính bỏ túi, đồng hồ, điện thoại di động hay những linh kiện điện tử nhỏ khác.

Tuy nhiên người ta cũng sản xuất điện từ năng lượng mặt trời ở những nơi hẻo lánh hay khi kéo một đường dây tải điện thì tốn kém. Ở dọc những xa lộ bên Pháp có những trụ điện thoại cấp cứu với những bảng mặt trời. Các bạn nào ở vùng Paris có thể trả tiền đỗ xe dọc vỉa hè ở những trụ ghi giờ chạy bằng năng lượng mặt trời. Những áp dụng đó tiết kiệm được rất nhiều tiền của về hạ tầng cơ sở tải điện và có khả năng vận hành rất tốt. Ở ngoài khơi có những mốc hải đăng vô tuyến chạy bằng năng lượng mặt trời : cả chục năm cũng không cần người đến bảo quản hay sửa chữa gì.

Khả năng áp dụng ở Việt nam

Ở những vùng cao nguyên nước ta trời thường u ám. Nhưng ở vùng đồng bằng thì có nhiều nắng mà lại nắng đều suốt năm. Nhờ thế mà tiềm năng dùng năng lượng mặt trời rất lớn và đã được đồng bào ta khai thác từ thời dựng nước. Nông dân chúng ta quen phơi lúa trên sân nhà và có khi cả trên lộ giới xa lộ. Như vậy họ dùng năng lượng mặt trời để làm giảm độ ẩm của nông phẩm. Đồng bào thiểu số xây căn nhà với một hệ điều hòa không khí tự nhiên. Những nhà chòi của họ có mái rất là nhọn và dốc. Những mái nhà đó hấp thụ ánh nắng lập nên một hiệu ứng ống khói. Không khí ở dưới mái được hâm nóng và bay ra qua những lỗ ở hai đầu mái vì tỷ trọng giảm. Để thay thế, không khí mát bên ngoài bay vào nhà qua cửa ra vào và những khe ở sàn nhà. Không khí đó lại còn được làm mát thêm nhờ vượt qua mặt đất ẩm ở dưới sàn nhà.

Trong số những áp dụng tân thời hơn chúng ta có thể phát triển những máy nước nóng dùng năng lượng mặt trời. Đây là một áp dụng nhằm nâng cao trình trạng vệ sinh của dân chúng với một giá rẻ và không đòi hỏi đến một công nghệ cao. Chúng ta cũng có thể thiết kế để sử dụng trong nước cũng như để xuất cảng những cọc tiêu hướng dẫn tàu bè và phi cơ và những bộ đo đạc cho ngành khí tượng. Công nghệ cần đến thì chủ yếu là điện tử, nhưng cũng không khó khăn gì mấy.

Năng lượng gió

Năng lượng gió dùng phương pháp ngược lại của một quạt điện : thay vì dùng điện năng để tạo ra một luồng gió thì chúng ta dùng gió để tạo ra năng lượng. Ưu điểm của năng lượng này là gió thổi tương đối điều hòa suốt ngày nhất là ở những vùng ven biển. Nhược điểm là gió thổi điều hòa nhưng có khi gió giật từng cơn mạnh đặt ra nhiều vấn đề thiết kế cơ khí tốn tiền.

Sử dụng trực tiếp

Khi xưa người ta dùng năng lượng gió một cách trực tiếp nghĩa là để bơm nước, xay thóc hay điều hành máy móc. Bây giờ thì phương pháp đó chỉ áp dụng trong việc bơm nước. Ở một canh trại nếu bạn cần có nước để cho gia súc uống ở xa và nếu chỗ bạn ở có nhiều gió thì một quạt gió bơm nước từ giếng lên sẽ rẻ hơn là tiền kéo một dây điện để điều hành một máy bơm. Ở vùng Viễn tây Bắc Mỹ vẫn còn nhiều máy bơm chạy bằng sức gió. Dọc xa lộ A6 ở vùng Bourgogne, nước Pháp, cũng thấy có nhiều quạt gió tương tự. Công nghệ dùng năng lượng gió để bơm nước rất là thô sơ, tương tự như công nghệ sản xuất xe đạp.

Sử dụng dưới dạng điện

Ngoài việc bơm nước ra thì năng lượng gió hiện nay chỉ dùng để sản xuất điện. Để biến đổi năng lượng gió thành điện lực thì chúng ta cần đến một cột trụ có thể chịu đựng sức nặng của một quạt gắn trên một trục nằm ngang, một ổ phát điện nối tiếp trục quạt, và một bộ phận hướng quạt về phía gió đến và đặt quạt vào vị thế an toàn khi có cơn gió mạnh. Nhưng vì điện khó có thể tích trữ được chúng ta có hai cách phối hợp cung cầu tùy theo quạt gió cô lập hay kết nối với mạng tải điện quốc gia.

Ở một địa điểm tiêu thụ điện cô lập chúng ta phải thiết kế năng suất sao để khi có ít gió thì vẫn có đủ điện để sinh hoạt hay là nối kết với một ổ phát điện Diesel. Trong trường hợp thứ nhất thì năng suất của quạt gió lớn hơn nhu cầu trung bình. Trong trường hợp thứ hai thì quạt gió dùng để tiết kiệm nhiên liệu của địa phương. Dù sao những hệ sản xuất điện này không vượt vài chục kilô watt. Chế tạo những linh kiện kể trên cần đến một số công nghệ đã có sẵn. Điều khó khăn nhất là nghiên cứu thiết kế để tối ưu hóa năng suất ổ phát điện Diesel và quạt gió nối kết với nhau.

Những vấn đề đó không đặt ra nếu quạt gió được nối kết với mạng điện quốc gia. Vì mạng điện quốc gia tải điện từ nhiều cơ sở sản xuất ở nhiều nơi việc cung cấp điện trên toàn lãnh thổ quốc gia ít bị ảnh hưởng khi gió thổi mạnh hay nhẹ, thậm chí khi cần phải ngưng quạt gió vì có bão. Những quạt gió dùng vào việc này thường là những quạt cỡ lớn, có đường kính khoảng năm chục mét và công suất gần 10.000 kW. Hiện ở Âu châu có một số dự án xây những quạt gió ở ngoài khơi và dùng một dây cáp tải điện vào đất liền.

Ứng dụng của quạt gió sẽ giảm nhu cầu về năng lượng của một nước. Nhưng cũng có một hạn chế của dạng năng lượng này : tỷ lệ năng lượng gió không thể vượt 10 % cung ứng điện của một mạng tải điện nếu không thì có lúc mạng sẽ mất cân bằng. Ngoài những bộ phận phát điện và điều hành thì công nghệ cần thiết tương tự với công nghệ phi cơ mà hiện nay ít nước công nghiệp phát triển nắm vững. Những hãng sản xuất phi cơ lớn hiện đang chú ý vào việc khai triển những quạt gió này.

Khả năng áp dụng ở Việt nam

Tiềm năng của năng lượng gió của nước ta thì rất lớn vì nước ta có nhiều bờ biển lại nằm giữa chí tuyến Bắc và xích đạo, nghĩa là nơi có gió thổi điều hòa nhất.

Chúng ta có thể dùng quạt gió để sản xuất điện, nối kết với mạng tải điện quốc gia và, như thế, tiết kiệm năng lượng. Nhưng phải biết rằng chúng ta sẽ tùy thuộc vào công nghệ ngoại quốc

nếu chúng ta khai triển đại trà hình thức sản xuất điện này. Vậy đề nghị chỉ nên xây vài quạt gió để theo dõi tiến triển công nghệ thế giới mà thôi.

Chúng ta cũng có thể dùng quạt gió để cung cấp điện cho những đảo xa bờ. Nếu khai triển công nghệ này thì có thể đáp ứng nhu cầu dân sự cũng như là quân sự. Một ổ phát điện Diesel nối kết với một hay hai quạt gió sẽ mang lại một chút độc lập về năng lượng cho cư dân và chiến sĩ những đảo đó. Ngoài ra, vì thị trường thế giới khá rộng, công nghệ này có thể là một mặt hàng xuất cảng.

Năng lượng sinh vật

Có lẽ năng lượng sinh vật là dạng năng lượng đầu tiên được nhân loại sử dụng. Tiếng Anh gọi là "biomass energy". Nhưng đó là từ dùng để gọi chung tất cả những nguồn năng lượng từ cây cỏ tự nhiên hay do người trồng và chất thải của nông nghiệp, công nghiệp hay là các sinh hoạt nội trợ. Vì nguồn năng lượng gốc đa dạng như vậy nên có nhiều phương pháp mà chúng ta có thể chia ra làm hai loại lớn : năng lượng sinh vật khô và năng lượng sinh vật ướt tùy theo độ ẩm của nguyên liệu gốc. Ngoài ra chúng ta còn có một phương pháp nữa là sản xuất nhiên liệu sinh vật.

Năng lượng sinh vật khô

Đốt củi, rơm hay rác là hình thức dùng năng lượng sinh vật khô hiển nhiên nhất. Ở quy mô nhỏ thì dùng lò bếp, lò sưởi. Ở quy mô công nghiệp thì có những lò hơi khá đồ sộ công suất lên đến cả chục nghìn kilô watt. Công nghệ để khai thác dạng năng lượng này là công nghệ lò hơi.

Có nhiều nước trồng rừng để có củi đốt một cách vĩnh cửu. Thường thì là những loại cây mọc mau như là cây bạch dương ở các xứ lạnh, cây bạch hạc ở các vùng nhiệt đới hay cây dương ở các vùng ôn đới. Tại những khối dân cư đông đảo người ta đốt rác trong những lò để sản xuất hơi nước hay điện. Hơi nước dùng để sưởi nhà cửa, điều hòa không khí, đun nước, hay dùng trong các kỹ nghệ thực phẩm và hóa chất. Hiện người ta đang tự hỏi có nên đốt rác như vậy hay không vì phương pháp xử lý rác như vậy tạo ra dioxin, một chất độc mà người Việt chúng ta thừa biết.

Một hình thức dùng năng lượng sinh vật khô nữa là làm than củi : chúng ta đốt củi trong một cái lò cho tới khi củi thành than. Những loại gỗ thích hợp để sản xuất than là những gỗ rắn. Ở vùng ôn đới gỗ tốt nhất là gỗ cây sồi. Ở ven biển những vùng nhiệt đới là gỗ trầm. Khi xưa người ta dùng than củi cho ngành luyện kim. Nhưng bây giờ thì ngoài những bữa barbecue, than củi không còn được dùng nữa và chúng ta được vĩnh phúc đi dạo những rừng sồi do thủ tướng Colbert sai trồng cách đây ba thế kỷ. Nếu ở vài địa phương rừng trầm bị đốn đại trà để đốt làm than thì đó chỉ là một vấn đề quy hoạch kinh tế và một vấn đề kiểm lâm của địa phương.

Một hình thức thứ ba dùng năng lượng sinh vật là hoá phân để sản xuất nhiên liệu hay khí đốt. Đó là một công nghệ của ngành hóa học than đá. Phụ phẩm của phương pháp này là những hợp chất gốc phê-nol có nhiều giá trị kinh tế. Bây giờ công nghiệp hóa học than đá và hy-drô-cac-bua phát triển mạnh nên ít ai dùng phương pháp sản xuất nhiên liệu hay khí đốt đó nữa. Tuy nhiên, nhiều cơ quan thiết kế đang thử phương pháp này để xử

lý rác nhằm thay thế phương pháp đốt trong lò hơi tả ở trên.

Năng lượng sinh vật ướt

Khi một chất hữu cơ phân hủy thì lên men và phát ra khí mê-tan có thể dùng làm khí đốt. Người ta gọi khí đốt đó là khí sinh vật. Những bã còn lại có thể dùng làm phân bón cho ngành nông.

Chúng ta có thể áp dụng đặc tính đó để xử lý rác và chất thải nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm. Chúng ta đổ những chất đó vào một hầm gọi là hầm ủ khí sinh vật. Vài ngày sau thì khí mê-tan sẽ bốc ra. Ở quy mô một gia đình thì chúng ta có thể dùng khí đó để nấu cơm hay đun nước. Ở quy mô lớn thì khí có thể dùng để sản xuất hơi nước hay để trộn với khí tự nhiên trong mạng phân phối khí đốt của thành phố. Phương pháp này cũng là một phương pháp xử lý rác của các khối dân cư.

Những bãi đổ rác cũ của các khối dân cư cũng có thể coi là một hầm ủ khí sinh vật lớn. Rác chứa trong đó đã phân hủy và biến những bãi đó thành một mỏ khí tự nhiên nhỏ có thể khai thác được. Hiện Gaz de France đang thử khai thác vài bãi đổ rác nhằm khôi phục môi trường của địa bàn.

Công nghệ năng lượng sinh vật ướt vẫn còn đang ở giai đoạn nghiên cứu triển khai. Tiến bộ sẽ tùy ở tiến bộ công nghệ sinh vật.

Nhiên liệu sinh vật

Chúng ta đều biết phương pháp làm rượu vang : một loại quả được để lên men thì thành ra rượu. Sau đó nếu muốn nồng độ rượu cao hơn thì cất nước rượu đó trong một nồi cất. Nếu áp dụng phương pháp đó một cách đại trà để có nhiên liệu chạy xe hay dùng vào việc khác thì chúng ta có thể trồng một loại thảo vật nào đó có khả năng lên men nhiều như là mía. Ở Brezil có vài trang trại trồng mía để sản xuất nhiên liệu.

Một phương pháp nữa là trồng những cây có dầu như là cây hướng dương. Sau khi gặt thì ép lấy dầu. Xử lý dầu đó theo một quy trình hóa học để có nhiên liệu. Công quản chuyên chở RATP ở Paris đang dùng một số xe buýt chạy bằng nhiên liệu sinh vật sản xuất từ hạt cây hướng dương.

Những phương pháp sản xuất nhiên liệu sinh vật hiện đang ở giai đoạn nghiên cứu thử nghiệm. Ngoài ra thì vẫn còn nhiều vấn đề kinh tế chưa được giải quyết. Nếu dùng đất để trồng những cây nhiên liệu thì lấy đất đâu để trồng những cây thực vật và để nuôi gia súc ? Để trồng cây thì phải tiêu thụ năng lượng cho các máy nông nghiệp. Cán cân năng lượng liệu có thuận hay không ?

Khả năng áp dụng ở Việt nam

Năng lượng sinh vật đã được đồng bào ta khai thác từ xưa khi dùng rơm để thổi cơm hay đốn củi để làm ra than. Ngoài ra có nhiều gia đình nông dân và trang trại đã xây hầm ủ khí sinh vật. Mặc dù công nghệ chưa ổn định, xây hầm ủ khí sinh vật cần được khuyến khích vì tham gia vào việc cung cấp năng lượng và giải quyết vấn đề môi trường do rác và chất thải gây ra.

Những năng lượng hoàn nguyên khác

Về năng lượng hoàn nguyên thì các nhà phát minh có trí tưởng tượng rất là vô cương. Hiện người ta đang thử nghiệm những

nguồn năng lượng của hải dương, gọi là hải dương năng, và năng lượng của trung tâm địa cầu, gọi là địa nhiệt.

Từ hải dương thì chúng ta có thể lấy năng lượng của sóng bề, của thủy triều và từ hiệu số nhiệt độ giữa mặt nước và ở dưới đáy biển. Đã có nhiều công trình được xây để thí nghiệm, nhưng hiện chỉ có nhà máy điện thủy triều La Rance bên Pháp là được thực hiện và vận hành tốt.

Trung tâm địa cầu là một nơi nóng đến nỗi đá bị nung chảy. Đá bị nung chảy như vậy gọi là mac-ma. Có khi mac-ma đó chảy ra ngoài trời để thành núi lửa. Nhưng nhiều khi chỉ gần mặt đất mà không phun ra. Ở những địa điểm đặc biệt đó thì chúng ta có thể bơm nước vào một giếng và lấy lại ở một giếng khác nước đó đã được hâm nóng qua những lớp đất gần mac-ma. Nhiệt độ của nước nóng đó cao hay thấp tùy điều kiện địa chất. Nếu nhiệt độ cao thì chúng ta có thể dùng nhiệt lượng để điều hành một nhà máy điện. Ở bên Iceland, Ý và Phi Luật Tân có những nhà máy điện chạy bằng địa nhiệt. Nếu nhiệt độ thấp thì dùng nước nóng để sưởi nhà, đun nước sôi hay áp dụng trong các công nghiệp thực phẩm và hóa chất. Ở vùng Paris người ta còn dùng máy bơm nhiệt để tăng nhiệt độ của nước nóng đã được thu hồi. Một phương pháp trích nhiệt nữa từ nước nóng ở nhiệt độ thấp là dùng một máy bơm nhiệt hấp thụ để làm lạnh.

Khả năng áp dụng ở Việt nam

Thủy triều ở bờ biển nước ta thì thấp nên khả năng lấy năng lượng từ thủy triều thì chắc kém. Sóng Biển Đông gần bờ biển nước ta tương đối mạnh nên có triển vọng về năng lượng từ sóng. Biển Đông ở trong vùng nhiệt đới lại có những hố sâu nên có khả năng lấy năng lượng từ hiệu số nhiệt độ giữa mặt nước và ở dưới đáy biển. Tuy nhiên chúng ta nên tránh công nghệ hải dương năng vì công nghệ đó vẫn ở trong tình trạng nghiên cứu cơ bản. Tuy không ở đúng Vành đai lửa Thái Bình Dương nhưng nước ta cũng ở gần. Vì thế mà đá bị nung chảy nhiều nơi ở gần mặt đất và chúng ta có rất nhiều suối nước nóng. Tỷ dụ ở Bình châu, trên quốc lộ 55 giữa Hàm Tân và Long Thành có một suối nước nóng được làm nơi du lịch và y tế chữa các bệnh da và bệnh thấp khớp. Chúng ta có rất thể khai thác những nguồn địa nhiệt đó một cách dễ dàng. Tuy nhiên chúng ta cũng còn phải thăm dò thêm để chọn địa điểm thuận lợi và thiết kế một cách tối ưu.

Kết luận

Vấn đề năng lượng không phải chỉ thu gọn vòn vẹn vào việc cung cấp, tiêu thụ và tiết kiệm năng lượng. Nó bao gồm cả một chiến lược công nghiệp và phát triển công nghệ.

Thay vì "đi ngõ tắt" và mơ ước những công nghệ chưa nắm vững thì chúng ta nên tiến từng bước và luôn luôn bảo vệ được thể chủ động. Giữ thể chủ động trong công nghệ không phải là cái gì cũng tự làm lấy mà phải có đi có lại. Như thế có nghĩa là phải nắm được ưu thế ở một vài công nghệ nào đó để có thể thương lượng ngang hàng với đối tác. Có ưu thế trong công nghệ không phải là bắt buộc nắm những gì tiên tiến nhất hay to lớn nhất. Có ưu thế nghĩa là nắm vững những gì mình có thể làm hay hơn người khác, với giá rẻ hơn người khác dù việc đó nhỏ mọn hay vĩ đại. Về chiến lược công nghệ người ta thường nói : " think big but start small " .

Học và thi (tiếp theo trang 1)

Tất cả cho các cuộc thi, vì các cuộc thi. Thi là tiêu chí số một để đánh giá người học, mảnh bằng là mục tiêu của học và kết quả xuất sắc trong những kỳ thi là vinh quang của học sinh, thầy giáo, lãnh đạo quận, huyện, tỉnh, thành v.v.. Có thời kỳ (kéo dài 7, 8 năm trời), để bảo đảm có những kết quả “ xuất sắc ” ấy, người ta còn tổ chức các kỳ thi với những bộ đề thi được in sẵn (và bán rộng rãi), thí sinh chỉ việc học thuộc các giải đáp trong đó !

Cải tổ hành chính nổi bật nhất ở bộ Giáo dục và đào tạo, vừa được công bố (tin VnExpress 22.7), cũng là việc thành lập cục *Khảo thí, kiểm định chất lượng*, và vụ *Pháp chế* nhằm “ *nâng cao chất lượng các kỳ thi, ngăn chặn tình trạng gian lận thi cử đang ngày càng phổ biến* ” (bản tin ngắn này cũng cho biết, “ *các đơn vị bị cắt giảm là vụ Giáo viên, vụ Giáo dục thể chất* ”, nhưng không nói rõ hơn vì sao).

Nhưng tại sao lại có cái tình trạng gian lận ngày càng phổ biến ấy ?

Tại sao ngày càng nhiều các lò luyện thi, các chợ “phao” hoạt động công khai trước cửa các trường học ?

Tại sao “ *quay cóp đã trở thành phong cách tự nhiên của nhiều thí sinh* ” (xem bài viết vẫn rất cần đọc lại của g.s. Hoàng Tuy trong ĐĐ số 123) ? Chuyện “ tự nhiên ”, vì nếu mình không làm thì chỉ chịu thiệt trong khi mọi người chung quanh đều làm ?

Và tại sao phải tổ chức những kỳ thi tốt nghiệp với tỷ lệ thi đỗ lên tới 97,2 %, 98,4 % (đây là các con số thi tốt nghiệp trung học phổ thông và trung học cơ sở ở Hà Nội, năm học 2002-03, tin VnExpress 9.8) ? Nếu kết quả ấy là nghiêm chỉnh (số học sinh thi trượt chủ yếu là do không đủ trình độ, chỉ một số rất nhỏ do rui ro “ học tài thi phận ”, và

ngược lại số học sinh không đủ trình độ nhưng may mắn lọt số cũng rất ít) thì tại sao không cấp bằng tốt nghiệp cho tất cả các học sinh ở thành phố đã theo học đầy đủ năm học, đủ điểm qua các kỳ kiểm tra ở nhà trường ? Các sai số giữa hai cách cấp bằng ấy không thể vượt qua 1 hay 2 %, chính xác tới mức khó có thể mong muốn hơn, mà đỡ tốn kém biết bao nhiêu, đỡ bao nhiêu lo âu cho học sinh và cha mẹ. Chợ phao không còn lý do tồn tại...

Song, đó là những câu hỏi hình như không làm thích thú cho lắm các nhà hữu trách đang bận bịu đưa thêm một tầng nữa vào cỗ máy quản lý bí hiểm của nền giáo dục mà công việc “ *giảng dạy và học tập là để phục vụ cho thi cử* ”, chứ không phải là ngược lại, như giáo sư lão thành Dương Thiệu Tống từng chỉ ra (xem Lao Động 13.8.2003). Các nhà báo chẳng mấy khi được phép đặt ra những câu hỏi đó, trong các cuộc phỏng vấn hiếm hoi mà họ thực hiện với các quan chức của bộ giáo dục và đào tạo.

Cũng là chuyện bình thường. Những câu hỏi “ tại sao ” xưa nay vốn không được các nhà hữu trách ưa thích. Thường chúng dẫn đến câu tiếp theo : *ai có lợi ?*

Chẳng vui gì khi phải nêu lên câu hỏi trần tục ấy trong cuộc thảo luận về những cải tổ cần thiết để vực lên nền giáo dục VN hôm nay. Nhưng thật khó tránh khỏi, ít ra là trong lĩnh vực thi cử này (và trong một vài lĩnh vực khác quan trọng không kém, xin sẽ đề cập tới trong một dịp khác).

Ai có lợi trong sự đề cao những kết quả thi cử như một bằng chứng của những “ thành tựu ” của giáo dục VN, thậm chí, của cái gọi là “ trí tuệ VN ”, trong sự duy trì và nhân lên những kỳ thi ?

Dứt khoát không phải là tuổi trẻ Việt Nam.

Hoà Vân

Năng lượng (tiếp theo trang 31)

Trong số những nguồn năng lượng hoàn nguyên kể trên thì thủy lực có nhiều khả năng nhất đóng góp vào việc cung cấp năng lượng cho kinh tế nước ta. Tiếp đó là năng lượng mặt trời và năng lượng gió. Với ba nguồn năng lượng đó thì chúng ta nên bắt đầu bằng những dự án nhỏ để giữ thế chủ động về công nghệ. Sau đó nhờ tích lũy được tay nghề chúng ta sẽ tuần tự chuyển sang những công trình lớn.

Năng lượng sinh học chắc không đóng góp được nhiều cho nhu cầu năng lượng của nước ta. Tuy nhiên chúng ta cũng cần khai triển những hầm ủ khí sinh vật vì công nghệ đó giản dị và lại góp phần thanh toán hữu hiệu vấn đề ô nhiễm do rác và những chất thải nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm gây ra.

Nếu đứng trên phương diện cung cấp, tiêu thụ và tiết kiệm năng lượng thì không có một loại năng lượng nào duy nhất có thể giải quyết được vấn đề đó. Chính sách hay nhất là phối hợp tất cả các loại năng lượng, dù là cổ điển hay là hoàn nguyên. Tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh, phối hợp một hay nhiều loại năng lượng để đạt tới ưu kinh tế. Để chấm dứt, chúng ta đừng quên rằng năng lượng hoàn nguyên rẻ nhất và trường cửu nhất vẫn là năng lượng chúng ta tiết kiệm được.

Đặng Đình Cung

Kỹ sư tư vấn

Chú thích của Diễn Đàn.

1/ Về nguồn năng lượng cổ điển (than, dầu và khí) và tiềm năng thủy điện của Việt Nam, bạn đọc có thể tìm xem bài viết " Tại sao Việt Nam nên thận trọng đối với điện hạt nhân " của Nguyễn Khắc Nhân, báo Đoàn Kết số 490, tháng 6.2003." 2/ Năng lượng hoàn nguyên" còn được gọi là " năng lượng tái tạo ".

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 27)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)